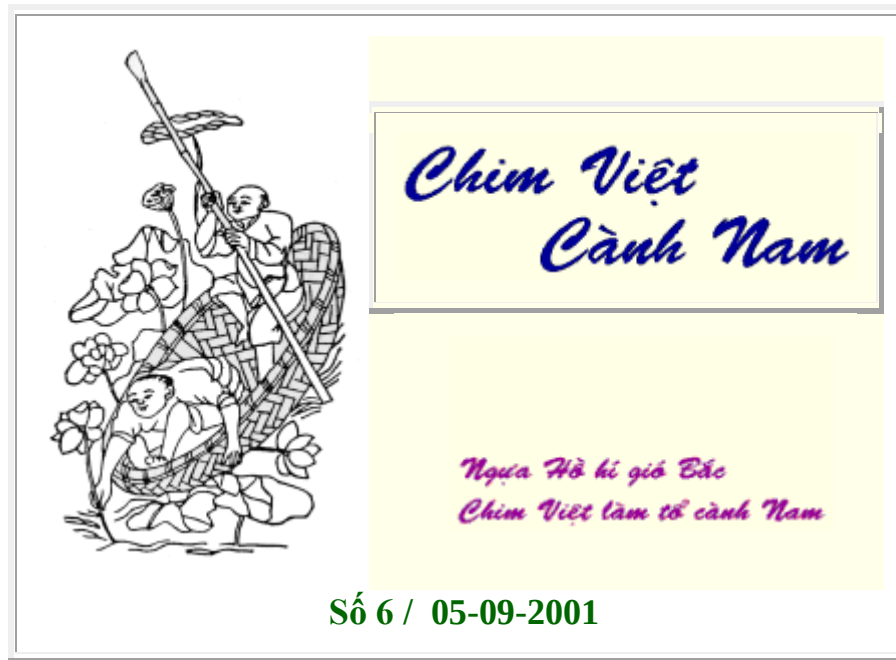




Quê Hương-Phong tục

. Nguyễn Dư :

- Một, hai, ba...chúng ta cùng thề,

Thơ



. Đan Tâm dịch :

- Yêu Ên - Xa (Thơ Louis Aragon (1897-1983) ***

- Nghiêng trên những chiều ... (Thơ Pablo Neruda (1904 - 1973)

. Nguyễn Hồi Thủ :

- Cánh chim bay

. Hạt cát :

- Cỏ tùng

Thơ tiền chiến : - Buồn thu (Hàn Mặc Tử) / Cuối thu (Hàn Mặc Tử) / Thu Rừng (Huy Cận) / Tiếng Thu (Lưu Trọng Lư) / Khi thu rụng lá (Lưu Trọng Lư) / Thu (Xuân Diệu) / Ý Thu (Xuân Diệu)

. Nguyễn Tuân : - Chữ người tử tù



Đồng cày (Lại Hữu Đức)

Văn ký - Biên khảo

. Truyện Thiền :

- [Tất đèn](#) (Lời bình của Nguyên Si)

. Hồ Đắc Duy : - [Chùa Trà Am](#)

. Miêng : - [Bất chính](#) (truyện ngắn)

. Mai Ninh : - [Hợp âm trong vùng sân khấu](#) (truyện ngắn)

. Hàn Thuỷ : - [Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ \(Phần 1\)](#)

- [Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ \(Phần 2 : đôi điều có lẽ\)](#)

- [Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ \(Phần 3\)](#)

. Bửu Chỉ : - [Tôi phát biểu về Trịnh Công Sơn và những ca khúc phản chiến của anh](#)

. BS Hồ Đắc Duy :

- [Người Thầy thuốc trước giờ lâm chung của bệnh nhân](#)

. Trịnh Nguyên Phước :

- [Đạo Phật trước những vấn đề sinh đạo đức \(bioéthique\)](#)

Một, hai, ba...chúng ta cùng thề

Nguyễn Dư

Trên đời có một việc thật dễ làm. Làm ở chỗ nào cũng xong. Từ đứa bé mới bập bẹ cho tới người gần đất xa trời, ai làm cũng được. Cái việc dễ làm đó là thề thốt, thề nguyện, thề bồi hay nói cho gọn là thề.

Mòng bốn cá đi ăn thề

Mòng tám cá về, cá vượt Vũ Môn.

Đến cả loài cá cũng biết rủ nhau đi thề. Quê hương chúng ta thật là thần tiên ! Đây mơ với mòng!

Thề là cái chi chi vậy ? Các cụ dạy rằng : Thề là dùng lời nghiêm trọng mà ước hẹn điều gì, nếu không thực hiện đúng sẽ bị trừng phạt. Thề là nói chắc, hứa chắc một cách trịnh trọng, viện ra vật thiêng liêng hay cái quý báu nhất (như danh dự, tính mạng) để đảm bảo.

Ngày xưa ngày xưa...

Lý Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 1 (1028), mùa xuân, tháng 2, làm đền thờ thần núi Đồng Cổ ở kinh sư, làm lễ minh thệ (...).

Khi làm lễ minh thệ, lập đàn ở trong miếu, đọc lời thề ở trước thần rằng : *"Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung thì thần minh giết chết"*. Các quan từ cửa đông vào uống máu ăn thề. Bắt đầu từ ngày 25 tháng ấy. Về sau lấy làm lệ thường.

Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 3 (1227), (...) quan trung thư kiểm chính đọc tờ thề rằng : *"Làm tôi hết lòng trung, làm quan thanh bạch, không giữ lời thề, thần minh tru diệt"*. Đọc xong, quan tể tướng đóng cửa lại để kiểm điểm các quan, ai vắng mặt phạt 5 quan tiền. Hôm ấy trai gái đi xem đứng kín như bức tường, ai cũng xem là việc lớn.

Lê Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ 1 (1434), mùa xuân, sau ngày rằm tháng giêng, vua ngự ra trường đua xem bọn đại thần Lê Sát và các quan văn võ trong ngoài tế cáo trời đất thần kỳ, thần núi cao sông lớn, giết ngựa trắng uống máu cùng thề.

Từ trung hưng về sau, định lệ hàng năm đến kỳ hội minh để thề thì quan Hình phiên chiếu theo sự lệ chuyển tư cho các nha môn tuân hành. Lập đàn ở bãi sông họp thề. Các quan uống máu cùng thề. Còn các xứ ngoại trấn thì sáu phiên chiếu theo xứ nào thuộc phiên nào thì gửi công văn khiến làm lễ. Lại sai các viên thuộc lại đến tận nơi trông coi việc thề. (Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí, Lễ nghi chí*, Sử học, 1961, tr. 206).

Năm 1399, Trần Khát Chân mưu giết Hồ Quý Ly ngay tại nơi tổ chức lễ thề. Chuyện không thành, Trần Khát Chân và hơn 370 người bị giết. Nhà Hồ bãi bỏ lễ minh thệ. Nhà Nguyễn cũng bỏ lễ thề. Tự Đức chê quy chế hội thề là thói hủ lậu của Lý, Trần.

Xét nội dung mấy câu thề thì chúng ta thấy rằng ban đầu lời thề chỉ ràng buộc giới hạn trong vòng vua tôi, cha con. Về sau lời thêm cả các ông quan "tiêu cực" vào vòng lễ giáo. Đến thời nhà Lê trung hưng, không biết có phải tại vì số quan lại "tiêu cực" tăng tràn lan

khắp nơi không mà triều đình phải phái mấy ông đại diện nho nhỏ tới chứng kiến lễ thề được tổ chức ngay tại các địa phương xa xôi ?

Xưa cũng như nay, các nhân vật lịch sử của ta hầu như ai cũng đã từng thề trước thần linh, núi sông trời đất, hay trước bàn thờ tổ quốc, trước cờ hiệu.

Nếu thử lập bảng sắp hạng thì đua thề thì ông Lê Lợi chắc chắn là người xứng đáng đoạt danh hiệu vô địch. Ông đã từng long trọng thề trước mặt mọi người ít ra cũng là 5 lần : Lần thứ nhất cùng 18 đồng chí họp thề tại Lũng Nhai, cùng đứng lên đánh đuổi quân Minh. Lần thứ nhì thề trước mặt vợ và mấy tướng lĩnh thân tín, trước khi dùng vợ làm "vật tế thần". Lần thứ ba cùng các tướng thề đối xử hòa mục, tuân hiệu lệnh, theo pháp luật. Lần thứ tư cùng các tướng thề nhớ ơn Lê Lai. Lần thứ năm họp thề ở thành Đông Quan, đặt điều kiện cho quân Minh rút lui về nước.

Lễ thề của vua chúa phong kiến ngày nay không còn ai biết đến nữa, không phải vì thiếu người dự thề mà chỉ vì các bậc cha mẹ của dân mất độc quyền tổ chức thề. Tục thề đã đi sâu vào quần chúng mất rồi. Những buổi lễ tuyên thệ, tuyên hứa, giơ tay lên thề trước trời đất, cờ hiệu, hình tượng, ngày nay không còn phiền toái như xưa. Nhưng diễn viên và khán giả đã bị đảo lộn vai trò không biết từ thời nào ? Ngày xưa trai gái đi xem các quan thề. Ngày nay các quan chức đi nghe đám trẻ thề.

Mảnh đất văn học mùa nào cũng nở rộ chuyện thề thốt. "Yêu cả một đời", "thù muôn đời muôn kiếp", "hy sinh đến giọt máu cuối cùng"... Đêm không xuể, ghi không hết.

May mà văn chương thường tỏ ra có hậu, cho huê cả làng, không gieo rắc thảm cảnh, chết chóc như chuyện cung đình đế vương.

Nổi tiếng và tiêu biểu nhất thì phải kể cuộc họp mặt tại Vườn Đào của Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi đời Tam Quốc, thề kết nghĩa anh em, sống chết có nhau cùng khôi phục nhà Hán. Hơn một nghìn năm sau, ở bên kia trái đất có bốn chàng ngự lâm rút kiếm cùng thề *"một người vì mọi người, mọi người vì một người"*.

Lãng mạn, đa diết thì có lời *Thề non nước* của Tản Đà :

*Nước non nặng một lời thề
Nước đi, đi mãi, không về cùng non.
(...)
Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non còn nước hãy còn thề xưa.
Non cao đã biết hay chưa ?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chó có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước chưa nguôi lời thề.*

Người được chứng kiến nhiều cuộc thề thốt nhất chắc hẳn phải là cô Kiều của Nguyễn Du. Khách mây râu, nhẵn nhụi hay tua tủa, chẳng ai bảo ai mà đáng nào gặp Kiều cũng thề thốt, hứa hẹn vô tội vạ. Người đẹp bầm đốt tay đêm mà giật mình. Sao mà nhiều thế ! Thôi thì đủ mọi kiểu thề, nào là tiên thề (viết lời thề vào giấy), trăng thề (thề dưới bóng trăng), hương thề (cùng thắp hương lên thề), có lúc nhâm nhi chút rượu... chénh choáng thề... Cô Kiều quả là bạo gan, dám cắt phứt cả mớ tóc đẹp đến cả mây còn phải thua của mình để làm bằng

chứng cho lời thề. Hành động táo bạo của Kiều còn để dấu ấn đến tận ngày nay, tuy rằng mới "tóc thề" dễ thương kia không nhất thiết muốn tỏ rằng các cô đã thề thốt gì với ai... Chàng Kim cũng khoái thề, đến nỗi chính chàng đã phải khiêm tốn tự thú :

Cùng nhau thề thốt đã nhiều

Những điều vàng đá phải điều nói không.

Đằng sau lũy tre làng, những người đầu tắt mặt tối, chân lấm tay bùn chả mấy ai bày vẽ được như giới thượng lưu nghệ sĩ. Lễ thề của người dân quê được tổ chức giản dị, cốt sao cho phù hợp với khả năng và hoàn cảnh của cuộc sống ở nông thôn. Chúng ta còn giữ được dấu vết của vài lối thề dân gian :

普 積 劫



Chém chuối thề

Xóm nào mà lại không có đám ba cây chuối, muốn thề thì đưa nhau tới đây mà làm lễ *chém chuối thề*. Hai người sửa soạn, cắt cụt một cây chuối để tượng trưng cho thân người, rồi thấp hương cắm vào thân chuối, khấn lời thề, khấn xong thì cầm dao chém chuối. Cũng có thể vừa cầm dao chém chuối vừa thề. Ai dối trá hay không giữ lời thề thì sẽ bị chết chém như thân chuối.

Lại có người đưa nhau ra giữa chỗ đất trống, giữa thanh thiên bạch nhật, để thề. *Cầm dao vạch đất mà thề*. Lễ thề được trời đất chứng giám, hình phạt cũng là bị chết chém.

Nơi nào gần sông thì hẹn nhau ra bên sông cùng thề. *Ném đất xuống sông mà thề*, có trời đất hà bá, thiên địa thủy thần chứng giám. Người bị phạt sẽ bị chết đuối, chết chìm.

Ơ Ừ bầu thì tròn, ở ống thì dài. Trẻ con cũng bắt chước người lớn thề. Thề nhiều thành quen miệng. Bạ cái gì cũng thề. Không cần biết ý nghĩa thề là gì. Nhỏ nước miếng xuống đất, xòe bàn tay vỗ một cái, gấp ngón tay cốc lên đầu nhau... thề là xong.

Không phải chỉ có đám dân quê mới hay thề bồi lời thôi. Nơi phồn hoa đô hội, người ta cũng thề như điên. Năm 1939, thời Pháp còn cai trị nước ta, đã diễn ra một lễ thề văn minh bắt hủ tại mảnh đất ngàn năm văn vật.

Chuyện rằng :



Cầm dao vạch đất mà thề

麻 龜 捻 誓 淹 坦



Ném đất xuống sông mà thề

Bà Lang đầu đơn kiện bà Tư không chịu trả số tiền vay nợ 2300 đồng (tiền Đông Dương). Ra tòa bà Tư chối vì không có bằng chứng. Tòa xử bắt bà Tư phải xách một con gà tới đền Bạch Mã, để chặt cổ mà thề. Buổi lễ thề được cảnh sát giữ trật tự, được luật sư hai bên chứng kiến.

Lần thứ nhất, bà Tư không đến thề.

Lần thứ nhì, bà Tư chặt cổ gà thề rằng : *"Tôi mà vô nợ thì xin chết như con gà này"*.

Nhưng vẫn chưa xong, toà tổ chức thêm lần thứ ba để chồng bà Tư tới thề.

Nhà báo Xuân Trào kết luận câu chuyện : *Coi đó thì tòa án quỷ thần cũng có nhân đạo, không khi nào vì câu thề độc mà giết một người không đáng chết. Thề thì, những cuộc đi thề, chỉ là những chuyện "cá trê chui ống"* (Ngô Tất Tố, tập 1, Văn Học, 1975, tr. 441-444).

Hóa ra thề thì rất dễ, ai thề cũng được. Nhưng giữ được lời thề mới thật là khó. Khó bởi vì cho dù có nuốt lời thề thì thực tế cũng chẳng bị thần linh nào quật chết, chẳng hề bị trời đất tru diệt, tội gì không nuốt. Khó hơn nữa là vì những người ở bậc trên thường nhờn tự cho rằng chỉ có người dưới mới phải giữ lời thề đối với mình. Tôi phải trung với vua, con phải hiếu với cha mẹ, dân phải sợ quan. Đã có ai phạm thượng dám đặt câu hỏi vua phải đối xử với bề tôi, cha mẹ phải đối xử với con cái, quan phải đối xử với dân như thế nào chưa ? Đối với các bậc trên, nhất là các ông con trời, thì đến bố mình là ông trời còn không làm gì được mình huống hồ là người dung thiên hạ. Hiển nhiên là như vậy.

Xét cho cùng, dường như chỉ có đám bình dân ngang vai vế nhau mới hay quân tử tào, nghĩ đến chuyện tôn trọng lời thề. Thậm chí có chàng trai đã cùng thề thốt với người yêu. Nhưng than ôi người yêu không giữ lời thề, bỏ chàng đi lấy chồng. Thế mà chàng còn tự đề nghị đứng ra làm lễ *giải oan lời thề* để cho nàng về nhà chồng được bình an, hạnh phúc.

*Đồng tiền Vạn Lịch thích bốn chữ vàng,
Anh tiếc công anh gắn bó với cô nàng bấy lâu.
Bây giờ nàng lấy chồng đâu ?
Để anh giúp đỡ trăm cau nghìn vàng.
Năm trăm anh đốt cho nàng,
Còn năm trăm nữa giải oan lời thề.
Xưa kia nói nói, thề thề,
Bây giờ bẻ khóa trao chài cho ai ?
Bây giờ nàng đã nghe ai,
Gặp anh ghé nón, chạm vai chẳng chào !*

Yêu đến thề là cùng. Bị mang tiếng cù lần cũng cam.

Người Phật tử quy y tam bảo, có bốn lời nguyện lớn :

*Chúng sanh không số lượng thề nguyện đều độ khắp.
Phiền não không cùng tận thề nguyện đều dứt sạch.*

*Pháp môn không kẻ xiết thẻ nguyện điều tu học.
Phật đạo không gì hơn thẻ nguyện được trọn thành.*

Cao hơn hết, khó hơn hết có lẽ là thẻ và giữ được lời thẻ với chính mình.

Ngày nay thẻ bị biến chứng, đổi dạng. Mỗi nguy trước mắt là bị ... chữi thẻ cạnh tranh, lấn áp. Chữi thẻ không cần trang nghiêm, cứ lấy tục tĩu đè người nơi đầu đường xó chợ là xong.

Mặc thế sự đổi thay, mời bạn nâng ly yêu đời, cùng thưởng thức lời thẻ thâm thúy đáng được tôn là hay nhất : *kể từ giờ phút này, tôi mà còn thẻ nữa thì ... trời tru đất diệt tôi !*

Nguyễn Dư
1/12/ 2000

Yêu Ên - Xa

Thơ Louis Aragon (1897-1983) / Đan Tâm dịch

Nghiêng trên những chiều ...

Thơ Pablo Neruda (1904 - 1973)/Đan Tâm dịch

Yêu Ên - Xa

ghen những hạt mưa sa
quá giống những nụ hôn
mắt nhưng chỉ chói sáng
làm ghen điếng cả hồn

ghen ghen những tấm gương
những dấu chích của ong
lãng quên của ký ức
và của giấc ngủ nồng

ghen hè phố em đi
bàn tay gió vuốt ve
ghen tương luôn trong máu
đánh thức giữa cơn mơ

ghen tiếng hát than van
ghen hơi thở dịu dàng
ghen những đóa jacinthes
thoảng mùi hương kỷ niệm

ghen ghen những pho tượng
có tia nhìn xao xuyến
ghen khi em im tiếng
ghen tờ giấy em trắng

ghen tiếng cười câu khen
mùa đông em rùng mình
ghen áo dài em mặc
mùa xuân cây lá xanh

ghen thấy em yêu lửa
cành cây vươn theo em
ghen lược cài trên tóc
lúc bình minh nửa đêm

Louis Aragon (1897-1983)

Nghiêng trên những chiều ...

Nghiêng trên những chiều, anh tung lưới buồn
trên đôi mắt em đại dương
chòi lửa ngất cao cô đơn cháy bỏng
như người chết trôi đôi tay buông thòng

Anh ghi dấu đỏ trên mắt hoang vắng
như biển gợn sóng quanh chân hải đăng

Người yêu xa xôi bám vào bóng tối
từ ánh mắt em hiện bờ kinh hoàng

Nghiêng trên những chiều anh tung lưới buồn
trên biển lay động mắt em đại dương

Bầy chim ăn đêm mổ những vì sao
lấp lánh như hồn anh yêu em hôm nào

Và đêm phi nhanh trên mình ngựa xám
rải trên ruộng đồng những dé lúa xanh.

Pablo Neruda (1904 - 1973)

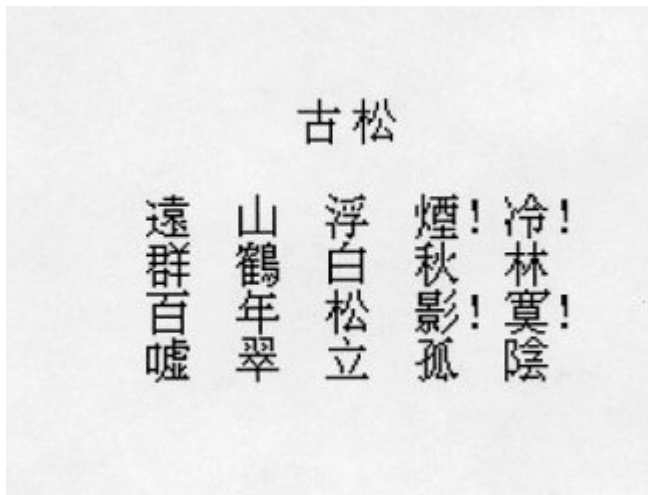
Cánh chim bay

Nguyễn Hồi Thủ

Một con chim bay không ấm được buổi chiều
tôi ngồi chờ ngày đã nhá nhem
con bắc lớn đã sang bờ bên đó
biết ngủ lại hay chờ thêm chuyến nữa
cửa biển về đêm càng lộng gió
dăm ngôi nhà mắt đỏ vẫn nằm yên
tôi nhớ những thành phố mùa khô đã đi qua râm nắng
cỏ vệ đường xơ xác đợi thời gian
tôi nhớ mỗi sân ga bến tàu thẳm lặng
chờ một hồi còi dưới màn mưa giăng
rồi mi mắt nào như những cánh chim
đập vào cửa kính
mùa đông giá ngoài kia tuyết bám đầy cành
rồi bàn tay của cô đơn
như chiếc lá vàng khô rơi nhẹ trên vai
khi mùa thu đi vào công viên
biết bao giờ
biết bao giờ tôi mới lại quên
những đêm dài mơ tưởng bóng thanh bình
trên gác xếp dăm ba đầu bạn trẻ
còn bàn tán xôn xao
khi bình minh đến dịu dàng bên cửa sổ
có ngờ đâu
đêm nay tôi ngồi một mình bên biển gió
ngóng con tàu
mà tự nhủ :
một con chim bay sao ấm được buổi chiều !

Royan, một đêm chờ bắc, hè 1982

Cổ tùng



C° tùng

Viển sồn phù yên ! Lãnh !
Quần hắc bạch thu lâm
Bách niên tùng ảnh ! Mịch !
Hũ thúy lạp cô âm

C° tùng

Non xa m© khói ! Lãnh !
Cánh hắc trịnh rỗng thu
Bóng tùng trầm nệm ! Quảnh !
Ủng xanh rì hũ vô

thơ Hạt cát

Buồn thu (Hàn Mặc Tử)
Cuối thu (Hàn Mặc Tử)
Thu Rừng (Huy Cận)
Tiếng Thu (Lưu Trọng Lư)
Khi thu rụng lá (Lưu Trọng Lư)
Thu (Xuân Diệu)
Ý Thu (Xuân Diệu)

Buồn thu

Áp úng không ra được nửa lời
Tình thu bi thiết lắm thu ơi !
Vội vàng cánh nhạn bay đi trót,
Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi...
Năm găng đã không thành mộng được.
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.
Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt,
Cánh sắp về đông mắt lệ vui.

Hàn Mặc Tử

[^]

Cuối thu

Lựa trời ai dệt với ai căng,
Ai thả chim bay đến Quảng-hàn,
Và ai gánh máu đi trên tuyết,
Mảnh áo da cừu ngấm nở nang.

Mây vẽ hăng hà sa số lệ,
Là nguồn ly biệt giữa cô đơn.
Sao không tô điểm nên sương khói,
Trong cõi lòng tôi buổi chập chờn.

Đây bãi cô liêu lạnh hững hờ,
Vội buồn phơn phớt, vắng trơ vơ.
Cây gì mảnh khảnh run cầm cập,
Điểm báo thu vàng gầy xác xơ.

Thu héo nắc thành những tiếng khô.
Một vì sao lạ mọc phương mô ?
Người thơ chưa thấy ra đời nhỉ ?
Trình bạch ai chôn tận đáy mô ?

Hàn Mặc Tử

[^]

Thu Rừng

Bỗng dung buồn bã không gian,
Mây bay lững thấp giăng màn âm u.

Nai cao gót lẩn trong mù
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về .

Sắc trời trôi nhạt dưới khe;
Chim đi, lá rụng, cảnh nghe lạnh lùng.

Sầu thu lên vút, song song
Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu.

Non xanh ngây cả buồn chiều
-- Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.

Huy Cận

[^]

Tiếng Thu

Tặng bạn Văn

Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thỏn thức ?

Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ ?
Em không nghe rừng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô ?

Lưu Trọng Lư

[^]

Khi Thu Rụng Lá

Em có bao giờ nói với anh,
Những câu tình tứ, thuở ngày xanh,
Khi thu rụng lá, bên hè vắng,
Tiếng sáo ngân nga, vắng trước màn .

Em có bao giờ nghĩ tới anh,
Khi tay vịn rủ lá trên cành ?
Cười chim, cột gió, nào đâu biết :
Chua chát lòng anh biết mấy tình ?

Lòng anh như nước hồ thu lạnh,
Quạnh quẽ đêm soi bóng nguyệt tà ...
Ngày tháng anh mong chầm chậm lại ,
Hững hờ em mặc tháng ngày qua...

Mùa đông đến đón ở bên sông ,
Vội vã cô em đi lấy chồng ,
Em có nhớ chăng ngày hạ thắm :
Tình anh lưu luyến một bên lòng ?

Lưu Trọng Lư

[^]

Thu

Nồn nà sương ngọc quanh thềm đậu.
Nắng nhỏ bằng khuâng chiều lỡ thì .
Hư vô bóng khói trên đầu hạnh;
Cảnh biếc run run chân ý nhi.

Gió thâm, mây lặng, dáng thu xa
Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà .
Buồn ở sông xanh nghe đã lại,
Mơ hồ trong một tiếng chim qua.

Bên cửa ngừng kim thoa bức gấm,
Hãy hãy thực nữ mắt như thuyền;
Gió thu hoa cúc vàng lưng giậu,
Sắc mạnh huy hoàng áo trắng nguyên.

Xuân Diệu



YÙ Thu

Tặng Nguyễn Lương Ngọc

Những chút hồn buồn trong lá rụng
Bị nhàu ai tưởng dưới trâm chân.
Bồng hoa rút cánh, rơi không tiếng;
Chẳng hái mà hoa cũng hết dần.

Dưới gốc, nào đâu thấy xác ve
Thế mà ve đã tắt theo hè.
Chắc rằng gió cũng đau thương chứ;
Gió vỗ ngoài kia thu có nghe ?

Hôm nay tôi đã chết trong người
Xưa hẹn nghìn năm yêu ủmến tôi;
Với bóng hình xưa, tăm tiếng cũ,
Cách xa chôn hết nhớ thương rồi.

Yên vui xây dựng bởi ngôi quên.
Muốn bước trong đời, phải dậm trên
Muôn tiếng kêu than thầm lặng lặng.
Nhưng hoa có thể cứ lâu bền.

Ờ nhi ! sao hoa lại phải rơi ?
Đã xa, sao lại hứa yêu hoài ?
Thực là dị quá, - Mà tôi nữa !
Sao nghĩ làm chi chuyện nhạt phai ?

Xuân Diệu

Chữ người tử tù

Nguyễn Tuân

Nhận được phiên trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường, viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc trong đề lao :

- Này, thầy bát, cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huân Cao. Tôi nghe ngò ngợ. Huân Cao ! Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không ?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

- Dạ, bẩm chính y đó. Dạ, bẩm có chuyện chi vậy ?

- Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhủ đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. À, nhưng mà thông thả. Thầy bảo ngục tốt nó quét dọn lại cái buồng cuối cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không ? Thầy có nghe thấy người ta đồn Huân Cao, ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không ?

- Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà !

- Ồ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chắc lưỡi ?

- Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiêng tiếc.

- Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại va miệng thì khôn. Thôi, thầy lui về mà trông nom việc dưới trại giam. Mai, chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiếng đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ có cho mấy thằng thập nó đánh bạc nghe !

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa ở giá gương, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư cũ đã nhạt màu vàng son, một cây đèn để leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngục quan bần khoản ngồi bóp thái dương. Tiếng trống thành phủ gần đây đã bắt đầu thu không. Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiếng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thăm của nội cỏ đầm sương, vắng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân trời không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiếng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm

phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, son đã mờ, đĩa dầu sỏ trên cây đèn nền vơi lần mực dầu. Hai ngọn bắc lép bép nổ, rụng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ty Niết. Viên quan coi ngục ngắc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bắc. Ba cái tim bắc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đây.

Người ngồi đây, đầu đã điểm hoa râu, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự, bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đây, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ. (*)

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc; tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông Trời nhiều khi hay chơi ác đem đầy ải những cái thuần khiết vào giữa một đống cặn bã. Và những người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ lại. " Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hẳn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biết đãi ông Huân Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hắn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu ".

Sớm hôm sau, lính tỉnh dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều hôm qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi, làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông dài tám thước. Cái thang dài ấy đặt ngang trên sáu bộ vai gầy. Cái thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắt lên mở cân, có thể nặng đến bảy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tử tù. Gỗ thân gông đã cũ và mờ hôi cổ mờ hôi tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một nước quang dầu bóng loáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại sần lại những chất ghét đen sần. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huân Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí :

- Rệp cắn tôi, đỏ cả cổ lên rồi. Phải gỡ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông đầu cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đùa một câu :

- Các người chả phải tập nữa. Mai một chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bây giờ tha hồ mà tập. đứng dậy không ông lại phết cho mấy hèo bây giờ.

Huân Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thành gông xuống thêm đá tảng đánh thuyñnh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tẩm những điểm nâu đen.

Cánh cửa đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một bọn thợ nề thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai.

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nể, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn đối riêng với Huân Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại :

- Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng. Xin thầy đề tâm cho. Hấn ngạo ngược và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói chữ "đề tâm" có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giở những mảnh khóc hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung :

- Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chớ nhiều lời.

Bọn lính răn cả ra, nhìn nhau mà không hiểu. Sáu tên tử tù có ngạc nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huân Cao vẫn thấy một người thợ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu, với thức nhắm, người thợ lại lễ phép nói : " Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm ".

Ông Huân Cao vẫn thản nhiên nhận rượu và ăn thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm, quản ngục mở khóa cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huân :

- Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất. (**)

Ông đã trả lời quản ngục :

- Người hỏi ta muốn gì ? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà người đừng đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc đến điều, ông Huân đã đợi một trận lôi đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục. Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huân bức mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu : " Xin lĩnh ý ". Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không đặt chân vào buồng giam ông Huân. Ông Huân càng ngạc nhiên nữa : năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huân Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tương tất của quản ngục. " Hay là hấn muốn dò đến những điều bí mật

của ta ? ". " Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ty Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung ta ký rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận ".

Trong đề lao, ngày đêm của tử tù đợi phút cuối cùng, đúng như lời thơ xưa, vẫn đặng đặng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huân. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời quấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiêu lại giữ tù. Quản ngục chỉ mong mỗi một ngày rất gần đây ông Huân sẽ diu bớt tính nết lại, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho...cho mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền, từ những ngày nào, cái sở nguyện của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huân Cao viết. Chữ ông Huân Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoáng, trừ chỗ tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huân mà treo, là có một vật báu trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huân Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa y nhiều quá, y chỉ lo mai một đây ông Huân bị hành hình mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời nữa.

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình Bộ Thượng thư trong Kinh bắt giải ông Huân Cao và các bạn đồng chí ông vào kinh. Pháp trường lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tinh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói : " Dạ xin ngài cứ yên tâm, đã có tôi " Rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huân, đẩy cửa buồng giam, hốt hơ hốt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng quản ngục, và ngấp ngừng báo luôn cho ông Huân biết việc về Kinh chịu án tử hình.

Ông Huân Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười : " Về bảo chủ người, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ ".

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vắng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột phân gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, họ dụi mắt lia lia.

Một người tù cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng phẳng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huân Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quan ngục đứng thẳng người dậy và đỉnh đạc bảo :

- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng treo với những nét chữ vuông vắn tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thôi mực, thầy mua ở đâu tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không ? ...Tôi bảo thực đấy : thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cái đời lương thiện đi.

Lửa đốt cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức chân, rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào : " Kẻ mê muội này xin bái lĩnh ".

(Trích Vang bóng một thời)
Nguyễn Tuân

(*) kiểm duyệt thời pháp thuộc bỏ mất bảy dòng chưa tìm ra được.

(**) kiểm duyệt thời pháp thuộc bỏ mất sáu dòng chưa tìm ra được.

TẮT ĐÈN

Lời bình của Nguyên Si

Có một anh mù lại thăm một người bạn đến khuya mới về. Người bạn trao cho anh ta một cái đèn.

- "Tôi cần chi tới đèn, anh ơi. Đối với tôi, ánh sáng cũng như bóng tối mà thôi", người mù buồn bã trả lời.

- "Tôi biết lắm. Anh chẳng cần đèn để dò đường đi. Nhưng có đèn anh sẽ đỡ bị người khác đâm vào anh. Vậy anh cứ cầm lấy đi."

Người mù cầm đèn mạnh dạn bước đi. Nhưng chẳng bao lâu, có kẻ đâm thẳng vào anh ta.

- "Ô hay! Đi đứng phải coi chừng một chút chứ. Bộ ông không nhìn thấy ánh đèn của tôi sao?"

Người lạ mặt trả lời chậm rãi:

- "Này ông bạn ơi ! Đèn ông bạn đã tắt từ lâu rồi..." (*)

Lời bình của Nguyên Si

Chắc hẳn sẽ có kẻ đa sầu đa cảm đọc chuyện này mà động mỗi thương tâm, trách ta sao lấy sự tàn tật của người đời mà làm trò cười cho thiên hạ. Ta xin gạt nước mắt cho người, và đáp : luân lý hay phi luân lý đều không có chỗ đứng trong chuyện Thiền. Dĩ nhiên vẫn có những kẻ trình bày hay hiểu chuyện Thiền như những bài học luân lý, lại có kẻ khác rêu rao rằng Thiền là một hệ thống triết lý hoàn toàn phi luân lý, phi đạo đức, phi nhân bản, phi văn văn. Ta thấy thật chẳng khác chi một đấng trời buộc Thiền lại bằng một sợi dây khô cằn, cứng nhắc, một đấng ném tung Thiền lên thượng tầng không gian, để rồi nhào xuống... hổ thẹn của tư tưởng. Hơn nữa, chưa thấu được lẽ Không mà đã bài bác tất cả, ta e ngại rằng thái độ đó chẳng là kiêu ngạo lắm thay!

Cho nên vấn đề luân lý hay phi luân lý thường đưa tới cố chấp hay ngạo mạn, cả hai đều trái ngược với tinh thần Thiền vậy.

Chuyện Thiền thường có giá trị biểu tượng, cho nên "mù" ở đây phải hiểu theo một nghĩa rất rộng, chẳng những bao gồm những kẻ không có mắt, mà còn gồm những kẻ "có mắt không người", những kẻ tuy giác quan đầy đủ, nhưng nhận thức vẫn sai lầm. Nói như vậy thì câu chuyện trên xảy ra mỗi ngày, và ở mọi nơi, chẳng có chi là hiếm lắm thay!

Nhận định sai lầm đầu tiên của kẻ mù là khi được người bạn trao cho cây đèn, anh chỉ nghĩ đến một mặt của cái dụng, tức là soi đường cho anh đi. Anh quên rằng cây đèn còn có thể soi sáng anh như soi sáng một đồ vật, để kẻ khác nhìn thấy mà tránh anh. Ôi, chẳng qua là chấp ngã quá mà thôi! Kẻ ngu si luôn luôn coi mình như trung tâm của vũ trụ, như chủ thể của mọi tiếp xúc. Có biết đâu rằng mình cũng chỉ là một sự vật trong thế giới tương quan, một đối tượng cho một chủ thể khác.

Ta chợt nhớ tới mùa hè trong thư viện, thường có những kẻ cời giày cho mát mẻ đôi chân. Chủ thể được mát mẻ, nhưng có biết đâu rằng đôi chân cũng là một đối tượng gây nhiều "khó khăn" cho những kẻ khác?

Sai lầm thứ nhì của kẻ mù là khi có cây đèn rồi, thì lại chấp chặt vào ý niệm đèn sáng, cho nên quên rằng cây đèn có thể tắt đi. Ôi ! còn gì dễ lu mờ, dễ tắt hơn ngọn đèn đang sáng tỏ? Còn gì tiêu biểu hơn cho tính vô thường của vạn vật, như trong kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật Đa, đã có nói:

"Hãy coi thế giới biến ảo này như một ngôi sao mờ dần buổi bình minh, một chiếc bọt trên giòng sông, một ánh chớp trong đám mây hè, một ngọn đèn le lói, một bóng hình, một giấc mộng."

Lý do của sự chấp thường là thiếu sót hai thái độ thực nghiệm và phương tiện thường được đề cao trong đạo Phật.

Thái độ thực nghiệm tức là tìm cách sống gần sự vật, để cho ý niệm của mình về sự vật phù hợp trong mỗi giây phút với sự vật. Như trong câu chuyện, nếu không nhìn thấy ánh sáng thì anh mù vẫn có thể dùng giác quan khác để biết đèn sáng hay đèn tắt, chẳng hạn như lấy tay đo nhiệt độ của cây đèn. Không có thực nghiệm thì con người sẽ chấp vào một ý niệm của mình, một ý niệm tách rời sự vật.

Thái độ phương tiện nghĩa là hiểu rõ phương tiện, và hiểu rằng phương tiện không phải là chân lý, rằng ngón tay (chỉ mặt trăng) không phải là mặt trăng. Người mù trong câu chuyện không hiểu phương-tiện-đèn là gì, không hiểu chức năng của nó. Ta lại nghĩ đến những kẻ chấp nhận chủ thuyết này nọ, mà không hề thấu hiểu rằng những chủ thuyết đó chỉ là những phương tiện cần phải được ứng dụng tùy theo hoàn cảnh.

Nhưng cái nguy hại nhất của sự mù lòa, ngu dốt, không phải do chính sự ngu dốt này mà do những bộc phát tình cảm từ đó đưa tới. Nghĩ rằng mình mù lòa đưa tới mặc cảm tự ti, sự buồn bã, chua xót, trách đời. Nghĩ rằng mình có ánh đèn che chở đưa tới thái độ ngạo mạn, hung hăng, gây gổ. Ta thấy vậy mà chép miệng than rằng : Ôi ! trên thế giới này, những kẻ trái lý, sai lầm, ngu si, đần độn nhiều lắm thay ! Chỉ khác với câu chuyện trên là khi nghe nói "đèn tắt rồi", người mù liền tỉnh ngộ, trong khi đó nói lên sự thật cho những kẻ "có mắt không người" lại như chế dầu vào lửa, càng làm cho họ thêm hung hăng...

Bàn về thiên hạ mãi rồi, Nguyên Si mới vỗ đầu chợt nhớ tới mình vốn cũng là một phần của thiên hạ. Ôi! đa tạ đức sinh thành đã đặt tên cho ta là Nguyên Si. Mỗi lần ta tự gọi tên, cũng là một lời tự nhủ : Si ơi là Si ! Ngu ơi là ngu... Chân lý thì vô cùng tận mà tâm trí ta thì bé nhỏ vô cùng. Chẳng khác chi kẻ mù với một cây đèn đã tắt.

Thế rồi, từ khiếm tốn ta đi tới buồn lo, lo mãi rồi thì đi kiếm sách đọc, kiếm sách đọc thì gặp một bài thơ của Thiền sư Vạn Hạnh, ý nhị vô cùng :

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy, vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Tạm dịch là :

Sự vật như bóng chớp, có rồi lại không
Cây cối vào xuân thì tươi, đến thu lại khô
Mặc kệ thịnh suy xoay vần, không lo sợ gì
Thịnh suy chỉ như hạt sương trên đầu ngọn cỏ.

Ôi ! Sự vật như bóng chớp, như hạt sương, như bèo bọt. Có không hay thịnh suy chỉ là hai trạng thái của một sự vật biến chuyển, hai trạng thái do tâm ta phân biệt mà thôi.

Có chi mà lo sợ buồn rầu, có chi mà kiêu ngạo hung hăng?

Phải rồi ! Anh bạn mù ơi, đọc giả mù ơi ! Đừng có lời thôi nữa.

Hãy tắt đèn trên câu chuyện này đi, mà ra giòng sông nhìn bọt nước vỡ tan, ra cánh đồng nhìn hạt sương bốc theo làn gió ẩm.

Nguyễn Si

(*) Dịch thoát theo quyển "101 chuyện Thiền" ("Zen flesh, Zen bones") do Paul Reps soạn.

Chùa Trà Am

Hồ Đắc Duy

- [Chùa Trà Am hay Tra Am](#)
- [Tổ khai sơn là một vị công tử](#)
- [Lược Ước Tùng Sao tập thơ của chủ nhân chùa Trà Am](#)
- [Trà Am hôm nay](#)

Mùa hè cách đây 46 năm khi tôi vừa học xong lớp nhất trường tiểu học An Cựu lúc đó chúng tôi chỉ mới 12 tuổi , tôi , Lê Ngọc Dinh và Vũ ba đứa rủ nhau đi chơi chùa Trà Am , chỉ nghe tiếng chứ chưa biết đường nhưng ba đứa nhỏ chúng tôi vẫn quyết định khởi hành , từ sáng tinh mơ mẹ tôi đã làm sẵn cho một vắt cơm bới và một chai nước cho thêm ba đồng bạc cây dừa chúng tôi qua đò ở cống Phát Lát , đi ra ngã lằng Vạn Vạn gần nhà cụ Phạm Quỳnh , lên Trường Bĩa rồi đến ngã ba Ngự Bình , từ đó chúng tôi hỏi đường để vào chùa Trà Am , con đường đất nhỏ ngoằn ngoèo chạy theo chân núi Ngự Bình , hai bên đường toàn là cây bứa , cả một rừng bứa rợp bóng cây với các trái bứa trĩu vàng với những tàng lá che kín ánh sáng mặt trời làm mát rượi con đường đi , lên Trà Am thì tha hồ mà ăn bứa , trái bứa chua ngọt và chất mũ dính miêng nhưng đứa nào cũng muốn ăn , đó là kỷ niệm đầu tiên trong đời tôi về chùa Trà Am , về sau này tôi mới biết chùa Trà Am nằm gọn ở giữa ba hòn núi nổi tiếng ở Huế là Núi Ngự Bình , núi Thiên Thai và núi Ngũ Phong , thuộc thôn Tứ Tây , An Cựu huyện Hương Thủy

Đi từ Huế lên Trà Am non 10 cây số , con đường vòng vèo qua chân núi Ngự Bình , vừa qua một con suối nhỏ là đã tới Trà Am

Chung quanh Trà Am còn có nhiều ngôi chùa cổ như Viên Thông , Tây Thiên , Trúc Lâm . Hồng Ân...

Muốn đến Viên Thông thì đi chừng cây số rưỡi , muốn qua Hồng Ân , Trúc Lâm thì đi vòng qua chân núi Ngự Bình ra Nam Giao qua Tây Thiên hay đi xuống Cầu Lim mới vào được Trúc Lâm , nhưng đi đường tắt thì nhanh hơn chỉ đi vòng qua mấy quả đồi , mấy quả núi đá nhỏ dưới dãy núi Thiên Thai là có thể tới Hồng Ân rồi lội qua một con suối nhỏ vòng qua một giếng đá , nước trong veo ngọt lịm mát rượi là đến địa phận chùa Trúc Lâm

Trà Am hay là Tra Am ?

Cách đây 80 năm khi lập chùa , tổ khai sơn lấy biệt hiệu của mình đặt tên cho chùa là Tra Am , Tra Am là do diễn tích của Trung Hoa , theo Nam Sử , Trương Phu thuở nhỏ tên là Tra, cha ông là Trương Thiệu tên tục là Lê . Vua Tống Văn Đế thường gọi đùa rằng : " Tra sao bằng Lê được !" Trương phu cười mà tâu rằng: " Lê là cây trăm quả, Tra đâu dám sánh bằng !" Đời sau dùng diễn tích này chỉ người sau không bằng người xưa , ngụ ý khiêm nhường , Tổ khai sơn lấy biệt hiệu Tra Am này tự cho mình không bằng được sư phụ .Trong di chúc

để lại vị tổ khai sơn này nói câu; Tự hận Tra bất như Lê đã " để tỏ lòng tôn kính sư phụ mình

Người dân Huế đọc không quen được chữ Tra Am họ đọc trại ra thành chữ Trà Am lâu ngày người ta quen gọi tên chùa là Trà Am mà quên mất nó là Tra Am với cái điển tích cái ý nghĩa mà vị tổ khai sơn đã đặt cho nó

Chùa Trà Am khởi công xây dựng vào năm 1923 , chủ nhân cùng mấy đệ tử là Trí Uyên , Trí Hiền, Trí Giải và vài ba người giúp việc xắn tay đốn cây , chặt lá ,cuốc đất làm nền dựng chùa ,giữa một mảnh đất còn hoang sơ chưa vết chân người lui tới , lúc đầu chỉ là một mái am tranh sơ sài , phên tre được trét bằng đất sét vàng , gian trước để thờ Phật , bên tả là nhà trai và bếp , bên hữu làm phòng khách phía sau là thư phòng và chỗ nghỉ ngơi của chủ nhân

Cảnh trí chung quanh chùa là một bài thơ , một tác phẩm nghệ thuật hiếm có , tất cả cây cỏ , khe suối , núi đồi , đá tảng được sắp xếp tạo dáng để khi ai đó bước chân đến ngôi chùa này cũng cảm thấy phảng phất chung quanh một sự nhẹ nhàng bay bổng , để tâm hồn mình trở nên thanh thản , siêu thoát trước cảnh sắc phong quang thoát tục , ở đó con người dễ hòa mình trong sự trầm mặc của triết lý Phật Giáo . Cái khung cảnh tuyệt vời đó cũng nói lên cái sâu sắc , cái ý nghĩa của con đường đã chọn và cái ngộ của chủ nhân ngôi chùa

Để đi vào chùa Trà Am phải đi ngang qua một cái cầu làm bằng thân một cây thông to ,có tay vịn chiếc cầu này vắt ngang một giòng khe nhỏ mang tên là Tẩy Bát Lưu , Tẩy Bát Lưu có nghĩa là là giòng khe để rửa bình bát

Và chiếc cầu mang tên một chữ trong câu cổ thi " Lược ước hoành thu thủy" hay một câu thơ của Lục Du" tiên tiên nhất cử thủy, vãng lai nhất lược ước " (bên bờ nước chảy trong veo , qua về trên chiếc cầu treo hững hờ) chiếc cầu chỉ dùng cho người đi qua , xe ngựa không qua được

Lược Ước Kiều là tên của chiếc cầu nói lên cái phương tiện đi đến với đạo , cái thâm ý của chủ nhân ngôi chùa là ; "Ta chỉ đưa người chứ không đưa xe ngựa" hãy vứt bỏ cái ngã tướng , cái chấp nê khi bước chân vào chốn thiền môn này

Vị chủ nhân chùa Tra Am là ai ?

Đó là công tử Công Tôn Hoài Trấp là cháu nội của Định Viễn Quận Vương con vua Gia Long , công tử sinh năm 1879 , xuất gia năm 1895 lúc vừa tròn 17 tuổi , thọ giáo với Viên Giác Đại Sư tại chùa Ba La Mật , đạo hiệu là Viên Thành , pháp húy Trùng Thông , để chấp nhận công tử xuất gia làm đệ tử Viên Giác Đại Sư đã bảo : " ...thử nghĩ vài câu ,nếu có cơ duyên , tôi sẽ giúp đệ xuất gia " sau khi lạy Phật công tử Hoài Trấp viết hai câu trình Viên Giác Đại sư như sau :

*Nếp bóng rềm thưa trông bóng thỏ
Thấy trăng tròn ,tay vỗ ca xang*

Sư Viên Thành đậu thủ khoa Sa Di năm 1901 tại Phú Yên , trú trì chùa Ba La Mật từ năm 1901 cho đến năm 1923 và cũng trong năm này sư Viên Thành đã dựng lên chùa Tra Am , 5 năm sau sư viên tịch ở Tra Am lúc đó vừa 49 tuổi .Trước khi trở về với cát bụi sư để lại mấy câu thơ

*Lão khứ , vân hà nhất tháp tân
Tha niên bì đãi tự tương thân*

*Nhàn lai ý trượng Khê biên lập
Hà xứ thanh sơn bất đãi nhàn*

(Già rồi xây tháp giữa non mây , Gửi gắm mai sau nắm xác gầy .Chống gậy ,
lúc nhàn , bên suối đứng .Núi xanh nào chẳng đón người đây)

Sư Viên Thành một người uyên bác về giáo lý đạo Phật , dưới sự dẫn dắt của sư Viên Thành chùa Trà Am đã trở nên một Giảng Đường có uy tín, học tăng từ nhiều nơi gởi đến xin thọ giáo , các khóa học thường được tổ chức vào mùa xuân hay mùa hạ , sư Viên Thành còn tổ chức nhiều pháp vụ giảng giải Phật pháp cho các tín đồ , kiến giải vài chỗ sai lầm về nội điển trong các tạng ni... ngoài ra sư Viên Thành cũng còn là một thi nhân , thơ văn chân thật , thâm thúy và thoát tục và đôi bài cũng có tính cách hài hước của một người đã thoát vòng tục lụy

*Kim điện bất thắng thu
Nguyệt tà trúc hộ lãnh
Chỉ hữu tâm hạ phong
Khiên duy điều sáu ảnh*

(Điện vàng hiu hắt hơi thu, Lạnh run cửa trúc mật mù gương nga ,Bên rừng gió thổi la đà Vén màn thương bóng sao mà xác xơ) hay là bài

*Xao bãi tàn chung , hiểu vị nhân
Đằng sàng phá nạp ủng lô huân
Gia phong bất dụng phiên quân vấn
Mao ốc tam giam, nhất ổ vân*

(Thỉnh trợn hồi chuông sáng vẫn mờ , Ôm lò nằm sưởi áo gai xơ , Cửa nhà đâu dám phiên lòng hỏi , Mây trắng lều tranh phủ mật mờ)

hoặc là bài Lạc Diệp mà thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã dịch thơ như sau :

*Rì rào cây vắng tiếng đêm qua
Nghe lạnh đời thông chiếc hạc già
Vu giáp chiều buồn mưa lất phất
Động Đình thu gợn sóng bao la
Tùng khô chỉ sót đôi phần lá
Bàng rợp đâu tìm một tán hoa
Lạ nổi đau lòng chi Tống Ngọc
Còn hay mất, hãy mặt trời xa*

Thơ văn của Sư Viên Thành được hợp lại làm thành một tập gọi là Lược Ước Tùng Sao , trước khi mất sư Viên Thành đã trao lại tập thơ này cho đệ tử Thích Trí Thủ, 46 năm sau khi sư viên tịch Hòa thượng Thích trí Thủ mới cho ấn hành tập thơ này với công phu biên soạn của ông Nguyễn văn Thoa và phần hiệu đính bình luận , nhuận sắc của các ông Nguyễn hữu Chương , Bửu Cầm và thi sĩ Vũ hoàng Chương

Trong lời tựa Thượng tọa Trí Quang viết : "*.. sách nhỏ như cái cầu nhỏ .Nhưng chỉ nhỏ đối với người đi xe ngựa...không thể qua cầu Lược Ước mà vào Trà Am . Dẫu rằng cái cầu ấy chỉ chân không là qua được liền. Vào Trà Am dễ mà khó đến thế đó , hướng chỉ vào Trà Am trong sách "*

45 năm sau tôi trở lại thăm Trà Am

Hình ảnh và phong cảnh Trà Am không còn như trong kỷ niệm của mình , rừng
búra ngày xưa chỉ còn lác đác cây, Bây giờ người ta có thể đi thẳng vào chùa
bằng xe honda xe hơi , chiếc cầu Lược Ước đã không còn ai nhớ đến nữa

Diễm phúc thay cho ai đã một lần đi chân không qua cầu để vào Trà Am

"Ta chỉ đưa người chứ không đưa xe ngựa" câu nói của vị thiền sư vẫn còn
thấp thoáng đâu đây như một ngậm ngùi thiên cổ

Hồ Đắc Duy

Bất chính

Miêng

Đáng lẽ tôi không nên dính vào những chuyện mà người đời thường gọi là bất chính. Tôi nói "đáng lẽ" bởi vì tôi thường dính vào. Và thường dính vào bởi tôi không biết phân biệt thế nào là bất chính. Tôi vẫn được cái mà nhà Phật gọi là vô minh, tiếng dân gian nôm na là dốt.

Cái dốt đó, tôi đổ thừa tại mắt kém. (Ai chẳng biết người sành sỏi nhìn đời với con mắt tinh tường ? Mắt không tinh, sao tường được ?) Việt Nam mình mà mới bảy tuổi đầu đã phải mang kính là chuyện cổ kim hiếm cực kỳ. Chuyện bắt đầu từ một chiều đi học về, tôi ra vườn chơi với con bò đang gặm cỏ, vừa lúc nó phất cái đuôi. Bò mà, muốn phất đuôi lúc nào thì phất. Có phải người ta phất cờ khởi nghĩa đâu mà phải lựa thời cơ. Hậu quả là sáng hôm sau, cả nhà kinh hoàng tưởng đêm qua tôi hoá thân làm con gái quý : hai hồ thu trở thành hai hồ máu. Hai hồ máu trông trắng trẻo hẳn hoi !

Thôi thì hết thịnh bác sĩ này tới thầy thuốc kia. Ai cũng cho vài ba món rồi chuồn. Bố mẹ phải cầu tới tiên tới thánh. Tiên thánh nhập vào cái ông ngồi giữa chiếu trước bàn thờ, đầu trùm khăn đỏ ủ chiếc khăn đóng bên trong. Chiếc áo dài the đen phất dưới nổi bật với chiếc khăn đỏ phủ xuống ngang lưng lắc lư nghiêng ngả, đưa cầm tay gỗ gõ viết viết lên chiếc mâm đồng, ồn ào nhộn nhịp tạo cơ man hy vọng ! Bằng giọng lơ lớ âm dương, ông phán tôi lấy tất cả mọi người chằm chệ trên bàn thờ. Nào ông Tổ ông Tăng ông Cao ông Cố... Ai cũng với nụ cười nửa miệng, khinh khỉnh, thách thức sao sao. Và cái nhìn các cụ trông khiếp lắm : mình bước sang phải sang trái gì các cụ cũng trừng trừng rồi theo, ý muốn thấu suốt coi lòng mình có thực sự thành kính hay không ! Xong tôi uống chén nước lạnh mà ông tiên ông thánh đã hươ hươ đưa thần vào đấy. Rồi tiên thánh cũng chịu thua, vất đĩa, thăng. Thường thì trước khi thăng, tiên thánh hay cười khanh khách, ta đây lắm, hát ông trùm khăn đỏ ngã lăn quay, chổng trơ bất động hồi lâu. Nhưng lần này tiên thánh chỉ cười khúc khích (bởi vì không cười thì bớt về "tiên" đi), không quên hất nhào cái xác phàm mình đã nhập vào, đủ hiểu tiên thánh cũng "tri túc", biết chắc lần này mình không thể biến hai hồ máu kia thành hai hồ thu trở lại. Ông Cao ông Cố vẫn tùm tùm, nhưng có phần tên tò, ngại con cháu coi thường thực sự (rồi chúng nó sẽ chẳng thêm hoá vàng hoá bạc cho thì có mà... khát thực !). Bố mẹ héo hon. Tôi thì không nói ra chớ chẳng tơ hào buồn, tự nhiên được miễn ngày hai buổi tới trường, lại được chăm chút đặc biệt.

Anh con cậu, biết bố ghét dị đoan. Nhưng tới nước này thì cũng đành thủ thủ thôi thì rước thử ông thầy pháp thầy gì gì đó. Cùng đường rồi, bố gật. Vừa bước vô sân, ông thầy phán "có gì đâu, anh em nó gặp nhau mừng nhau đó mà", rồi đặt bàn cúng ngoài sân và bảo phải làm cây cung với bốn mũi tên. Chị tôi lấy len cho bố làm dây cung.. Ông rầm rì dụ dỗ anh tôi gì đó (thầy pháp dụ ma như trai dụ gái) , xong bảo tôi bắn bốn mũi tên đi bốn hướng. Chẳng là anh Ba tôi chết non, chưa đầy tuổi. Chết non yếu thiêng lắm. Và vì đứng hạng nhì sau quý nên có kiểu mừng của thế giới bên kia, thế giới bên này hơi bất mãn. Và dây cung mà bằng len thì bắn xa vạn dặm, hiệu nghiệm như một viên đạn du kích bắn chết một hơi bảy tên GI : sáng hôm sau thức dậy, mắt tôi xanh như

mắt đằm. Cả nhà mừng hơn bất được của (dĩ nhiên còn tùy của gì). Tôi thì cũng chẳng nói ra nhưng tiếc, biết là sắp tới ngày ôm cặp, và cũng chẳng còn lý do để cứ đôi mắt máu liếc tới đâu là y như toại nguyện cái ấy nữa. Sáu tháng sau, tôi bắt đầu mang kính. Người ta thường gọi quê tôi là nơi khi ho cò gáy, chớ nếu tỉnh thành thì chắc chắn tên tôi được thượng vào danh sách chuyện lạ bốn phương !

Để góp phần vào cái thị lực mong manh ấy, tôi rất ít nói, mà hễ mở miệng thì văn hoa bí hiểm. Người cho tôi tàng tàng (bồ lơ đi, không nghe). Người (chắc là tàng tàng) thì cho tôi có máu thi sĩ (bồ tùm tùm, bảo con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Và không nghi ngờ gì lòng thủy chung của mẹ, bồ nhứt định là tôi mang máu bồ, chính thống). Ví dụ vào năm lên mười, đang ăn cơm, bất chợt tôi nhăn nhó với mẹ :

- Có người quỳên sinh !

Cả nhà ngưng đũa, trợn mắt nhìn. Tôi gật gù tiếp :

- Trên sông. (Các đôi mắt vẫn không chớp) Bên đám rong rêu.

Bồ thờ dài. Con gái đã mang tật mắt lại còn dở hơi thì dù có đại tiện trên đồng vàng cha mẹ cũng chẳng vui nào. Nhưng bồ quên là tôi con nhà tông, mang máu bồ, chính thống. Mẹ buông đũa ôm vai tôi :

- Ăn đi con. Chuyện thiên hạ ở đâu mà nói làm gì.

Tôi lắc đầu suýt văng cả kính :

- Nhưng nó muốn chui vào bụng con !

Có một đứa con như vậy thì phải biết lòng kiên trì của mẹ. Những sợi tóc mai chân trắng nghiêng xuống bên tôi :

- Ai mà chương vậy, nói mẹ nghe.

Tôi chỉ vào chén canh, có cái gì lênh đênh. Bồ sửa mực kính, liếc, nhướn mày nhìn mẹ :

- Con ruồi, mẹ nó à !

Bối rồi, mẹ vội lấy chén cơm tôi sấm soi rồi kêu lên :

- Ruồi muỗi gì đâu, nắm hương đó con. Còn một cái bồ thì tiếc, mẹ xắt bồ vô canh. (Chép miệng) Con nhỏ mắt mũi đã vậy mà ông thì cũng chẳng hơn gì ! Thôi ăn đi con, có ai quỳên sinh đâu !

Tôi thích ngồi trầm ngâm hằng giờ chẳng cục cựa, tịnh khẩu, mắt nhìn xuống. Mà hễ nhìn ai thì cứ chăm chăm không chớp khiến thiên hạ rờn rợn với ý nghĩ dù tội từ tổ tông, dưới mắt tôi cũng sẽ phơi phới chung ra. Người ta ơ ơ, muốn tìm mà chẳng hiểu nổi trong cái đầu tóc bum-bê kia chứa đựng phù phép gì. Và họ cho tôi giống bà già. Thì mới nứt mắt đã mang mực kính, đã "nói chữ" ra gì thì có muốn trẻ e cũng khó. Ở trường tôi không có bạn gái. Tôi không thích bọn con gái chớ không phải mới nứt mắt đã ham trai. Vô lớp đầu giờ hay sau giờ chơi, ông cai luôn luôn dành cho tôi cái vịnh dự đánh trống. Tôi cho đó là cách *cảnh tỉnh chúng sinh*, nhắc nhở tới lúc phải trở về với thực tại,

với trách nhiệm, đừng lao mãi vào *vững lấy nhân loại* (tôi ưa dùng chữ này lắm !). Giải thích vậy mà bọn con gái vẫn không hiểu tại sao tôi thích đánh trống ! Và tôi hỏi tại sao bọn con gái thích chơi trò cút kiếm. Bởi lần nào tôi kiếm cũng chẳng ra ai, mà trốn thì cứ bị bọn nó bắt gặp liền, lại bị úp mặt vào tường đếm tới trăm xong dáo dác đi kiếm, lại cũng chẳng ra ai, lại úp mặt vào tường đếm trăm... có gì thú vị ?

Trở lại, năm đầu tiên tôi lên trung học, chị tôi xin mẹ cho bạn là chị Diễm ở trọ, vì nhà chị Diễm mãi trong quê. Nhà lại quen chú Đạm, chẳng biết bạn ai. Bố thì lớn hơn chú nhiều, anh Hai thì đàn em quá trẻ, và chị em tôi thì gọi bằng chú. Chú Đạm tốt lắm, thường tới nhà chơi và chỉ trời mới biết từ bao giờ, chú hay giúp chị Diễm làm bài. Nhưng vì tánh tình ba hoa mà kín đáo, chú hay đưa cho tôi bao thư, dặn không nên nói ai nghe, chị Diễm sẽ mắc cỡ là không tự mình làm bài được. Bài làm của mình còn lười huống chi bài làm của người khác thì xem làm gì, tôi chỉ nhận và đưa. Chú Đạm có nhiều cách giải bài khác nhau, nên mỗi lần chị Diễm chỉ đưa cho tôi một đề bài, chú Đạm giải đáp những ba bốn lần. Vậy mà chú không dạy học, cũng tiếc. Có khi chú hỏi gì chẳng rõ ràng mà chị Diễm chỉ trả lời bằng mắt là chú hiểu ngay. Thông minh dễ sợ !

Hơn một năm trôi qua như vậy, kể cũng êm đềm. Nhưng sau hè năm đó chị Diễm bỏ học, ít có tin tức. Chú Đạm không còn ai để giải bài, cũng thừa lui tới.

Bỗng vào những ngày gần Tết, chị Diễm tới thăm. Sau khi đã trò chuyện cùng mẹ và chị tôi, chị Diễm vuốt lưng tôi và chỉ chỗ bài làm sai. Công lao chú Đạm chẳng phí. Công lao phát thư của tôi cũng lợi. Rồi chị kể tôi nghe nhiều thứ lắm về đời sống thôn dã. Chị đem hết gia phả nhà chị ra như vẽ trước mắt tôi một bức họa đồng quê vô cùng ngoạn mục. Nào con chó Mực ngày ngày đóng vai vú em khi chị đi vắng. Nào những con heo đực heo cái thả rông trong vườn, ủn ỉn chán lại thên thang vào nhà cạ lưng vào cột. Nào đàn gà mẹ gà con tíu tít trong sân, trẻ con nhà quê thường ăn cứt gà như con nít phố ăn kẹo mù u . Nào mấy con bò... tới đó thì tôi khựng. Kỷ niệm không may với bò vẫn còn rành rành. Nhìn bò đâu đâu tôi cũng thấy anh mình núp bóng tính "mùng" - cái kiểu mùng của bên kia thế giới, thế giới bên này hơi bất mãn. Chị kể phải tào tào ra sao để nuôi đứa con sinh non thiếu sữa... Tôi ngạc nhiên :

- Xuất giá... ?

- Không, chị không xuất giá. Chị có người thương mà cha mẹ chị không chịu. Chị có bầu, phải ra riêng nên mới cực.

Sửa lại mục kính, tôi chép miệng lắc đầu :

- *Vững lấy nhân loại* !

Chị cũng lắc đầu, thở dài :

- Chị cực như con chó.

Bất giác tôi đưa mắt nhìn con KiKi ngủ dưới bàn, đang tùm tùm với chó cái trong mơ. Chắc chị Diễm nói con chó nào ở nhà quê, chó con KiKi ngày hai bữa, rong chơi rồi ngủ, không bị đi học, lại được cả nhà cưng. Chị Diễm tí tê nhiều thứ lắm, thứ nào nghe cũng ngò ngò lạ tai. Và chị cần tiền, cần lắm. Rốt cuộc để cho kiếp sống của chị không phải kiếp chó, hay ít ra đỡ cực hơn chó, tôi đập bưng bình, tài sản tích trữ những dịp Tết,

đưa hết cho chị. Đâu được bốn trăm. Tôi hài lòng, ít ra đồng tiền mình hữu ích. Chớ có phải tiền bất chính đâu mà cứ trốn chui trốn nhủi mãi trong hũ.

Gần Tết năm sau chị Diễm lại ra thăm, đúng hẹn. Sau khi đã trả tiền cho tôi, chị Diễm bắt đầu kể chuyện. Trong câu chuyện, tôi thấy đám chó vẫn còn ve vãn truyền kiếp cho chị. Và chị kết luận không kém phần sôi nổi duyên dáng :

- Vì giữ lời hứa phải trả cho em, chớ nếu chị có số tiền này thì đủ mua thuốc độc tử tử cho cả nhà, chị với hai đứa nhỏ.

Tôi trở mắt sau lớp kính sáu vòng :

- Song sinh ?

- Không phải song sinh, đứa lớn hơn một tuổi, đứa nhỏ mới hai tháng. Chị mất con, ảnh mà đụng tới chân giường là chị có bầu.

Tôi vẫn nhìn chị, ý hỏi vậy thì ảnh phải tránh đụng cái giường ? Chẳng biết chị Diễm có hiểu thấu ý tôi không mà bật cười gật đầu. Khổ vậy mà vẫn cười được thì quả chị Diễm là người can đảm. Rồi chị lại trở về câu chuyện thuốc độc. Chị tả cái đường đi nước bước của thuốc độc vào thân thể chị và hai đứa nhỏ, ngon lành như đang ăn phở. Chị nói say sưa, nghe phát thèm. Chị tả cái hậu quả kỳ diệu khi chất độc đã theo dòng máu giang hồ khắp nơi rồi hăm hở chạy về tìm.... Đến nỗi thuốc bắt đầu ngấm trong người, tôi tò mò :

- Quyên sinh ?

Chị gật đầu :

- Chớ sống làm gì, chị cực như con chó !

Con chó nào được chị Diễm đem so sánh chắc chắn ở nhà quê. Mà ở nhà quê thì cả đời chó có đứa không biết tới công khó bác nông phu. Thế chúng nó xơi gì ? Nó xơi... Thôi, đó là chuyện của chó. Nhưng nếu đời không có chó, hoặc con người làm dòi hết để xuống âm phủ khỏi chép miệng tiếc hậm hùi, không biết chị Diễm sẽ so sánh với con gì. Tôi nhìn chị với cách nhìn bầm sinh và chị chịu nổi, cũng nhìn lại thẳng vào mắt tôi, không chớp. Tôi nhìn tấm thân mảnh dẻ của chị. Tôi nhìn đôi mắt tròn vo với con mắt phải hơi le lé dễ thương của chị. Tôi nhìn cặp môi rõ nét cong cong đang tùm tùm của chị... Có lần mẹ nói con Diễm có cái đẹp gian truân. (Bất giác tôi giật mình vì khám phá cái đẹp của chị hao hao con... KiKi ! Thôi chết !)... Tất cả đã cho tôi cảm giác chị đáng sống cuộc đời tốt đẹp hơn, xứng đáng hơn, đỡ khổ hơn. Và nếu cần phải so sánh thì phải so sánh với con người - một người nào đó bất kỳ, ví dụ với bà Chín bán rau muống ai cũng chê rau già như bà, không mua, cũng được đi, nhưng đừng với chó - dù đó là con KiKi ngày hai bữa, rong chơi rồi ngủ, không bị đi học, lại được cả nhà cưng. Và tôi cảm thấy có bốn phận phải cứu chị khỏi kiếp này, khỏi những con chó cứ chồn vờn chung quanh. Và tôi cảm thấy một lần nữa, những đồng tiền mình không nên nằm uể oải vô ích trong bụng bình, mà phải tích cực giúp chị Diễm đầu thai một kiếp huy hoàng hơn, đỡ chó hơn. Và tôi cảm thấy lòng lâng lâng, lần đầu tiên trong đời cảm thấy sự hiện diện của mình hữu ích. Và tôi đưa hết cho chị số tiền chị vừa trả...

Lạ, Tết năm đó nghe xôn xao có người uống thuốc độc tử tử, mà không phải chị Diễm. Hoặc người bán thuốc mất kém đưa nhầm thuốc bổ thay vì thuốc độc cho chị. Hoặc

người bán thuốc đưa nhầm thuốc độc của chị cho ai vừa chết đó... Dù sao chị cũng bắt tằm. Tới hè, tôi chuẩn bị khăn gói vào Sài Gòn du học thì cũng là lúc nghe thím Đạm đòi ly dị vì khám phá ra chú Đạm "tàng tịu" và có hai con với chị Điềm. Năm đó 1964, đã có bộ Luật Gia Đình. (Vây mà khi nghe chị ấy nói về chồng, chẳng bao giờ tôi biết hỏi chồng chị là ai !). Mẹ bảo : cái thằng bất chính ! Tôi hỏi : Mẹ nói "tàng tịu" là thương, vậy tại sao thương mà là bất chính hả mẹ ? Mẹ chỉ hứ.

Gần tết năm thứ hai ở Sài Gòn, tôi xuống bưu điện chính phon về nhà. Làm gì có điện thoại mà nghe phon, phải nhờ nhà hàng vàng bên cạnh :

- Mẹ, con về sau Tết.

Giọng mẹ sôi nổi nồng nàn :

- Sao lại về sau Tết ? Khoảng đưa ông Táo phải về chớ con ? Ở lại làm gì mà về trễ ?

- Con chờ toà xử.

- Xử ai ? Xử cái gì ?

- Tội ăn cắp.

Bên kia đầu giây hình như có ai chọc tiét mẹ (hy vọng không phải mẹ vừa chộp cái gì của bà hàng vàng và đang dính chính) :

- Cái gì ? Ai ăn cắp ?

- Mẹ hỏi con hả mẹ ?

- Chớ tao hỏi ai bây giờ ? Ai ăn cắp ?

- Bạn con.

Giọng mẹ uất nghẹn :

- Thì con có gì mà mà về trễ ?

- Con... làm chứng !

Mẹ thở hắt ra nghe mới náo nùng ! Rồi cần nắn hỏi bạn ăn cắp cái gì, của ai, mà sao con lại phải làm chứng, con ơi con dính vào những cái bất chính đó làm chi... Tôi làm thình. Điều bạn tôi làm không may may bất chính. Đó là tình yêu. Đó là cái đam mê của tình yêu. Mẹ làm gì hiểu nổi vì mẹ có biết tình yêu mặt mũi ra sao. Ông Ngoại ông Nội bạn nhau, hứa hẹn làm sui. Ngoại tới giờ trần trời, cả nhà phải vắt giò lên cổ lo đám cưới chạy tang. Lúc đó mẹ mười bảy, sợ phải chờ ba năm, thành gái già. Về nhà chồng, tuổi "bê gãy sừng trâu" không địch nổi cụ Không Tử khắp nơi. Không những cụ Không ngồi trên bàn thờ, mà còn trong phòng khách, trên bàn ăn, ngoài sân, dưới bếp... Ra đường thì bước sau bố một bước. Tiếp khách thì ngồi sau bố một cái lưng. Ăn cơm thì sau bố một chén. Tóm lại cái gì mẹ cũng phải nhường bố một bậc. Không nghe mẹ nói cụ Không có vào tận giường không. UỖ, thì chắc mẹ cũng phải... dưới bố. Nhưng thôi, đó là chuyện phòng the. Và tóm lại, thường thường cái gì mẹ cũng cho là bất chính.

Mẹ mà hỏi cái gì thì tới cùng. Rốt cuộc tôi phải khai ra. Bỏ thằng bạn thích cái ghế kiêu xua của ông khoa trưởng. Thích mê, nói hoài. Mỗi lần nhắc tới cái ghế như nhắc nem công chả phụng, nước dãi thập thò. Thằng bạn đặc biệt khoái những giọt dãi e áp bên khoé mép này, cho là con nhỏ ưa cái gì là "đam mê hết mình", thì nó cũng sẽ yêu tao tận cùng con tim. Thằng bạn nhờ tôi phụ một tay làm quà tết. Nặng kể gì. Đang hí hục thì ông gác trường bắt gặp.

- Trời ơi, chẳng lẽ bỏ nó ham cái hột xoàn, nó đập kính ăn cắp rồi mày cũng giúp nó hả ? Chết con ơi, mẹ chịu, không hiểu nổi con !

Tôi chợt nghĩ bố có thể hiểu. Nhưng ý nghĩ vừa thoáng qua đầu là tiêu ngay. Bố mà hiểu nổi lòng đam mê của tình yêu thì đã cãi lời ông nội, không chịu cưới mẹ. Bố đeo cô ả đào như sam mà phải nhả. Nghe đâu "anh, ả" đối đáp toàn bằng thơ phú văn chương, kẻ vai lá gối, tâm ý gì cũng rất rất hợp. Mẹ nói cưới về bố nhìn mẹ như nhìn hoa cúc lợn, trong khi bố chỉ tơ tưởng tới hoa hồng.

Anh lính nào đó thường rên rỉ "*Tết con không về chắc mẹ buồn lắm, mái tranh nghèo...*" Tôi không là lính. Nhà tôi không phải mái tranh. Nên mẹ không buồn, chỉ bức bối kết án "Con lớn rồi, sao cứ dính vào những chuyện bất chính đó làm chi ?"

Không cãi làm gì, mẹ lại trù thêm cho cái khăn bắt kính, bắt hiểu, bắt mục gì gì đó. Tôi cứ làm thính, mẹ cứ lải nhải. Cuối cùng hai mẹ con cùng cúp máy, bắt mắt. Chợt tôi không muốn lớn lên, bởi vì người lớn thì chắc chắn lắm lúc phải sống dối lòng để không mang tiếng là "bất chính".

Miêng
Paris, Février 2001

Hợp âm trong vùng sân khấu

Mai Ninh

Nắng chỉ nghiêng xuống khoảng sân hai giờ một ngày là nhiều nhất. Từ nơi tôi đứng, nếu nhìn chéo về bên trái sẽ bắt gặp những con chim phượng thêu ren trên mấy tấm màn cửa sổ được kéo ra mỗi ngày trong cùng khoảng thời gian ấy, để đón nắng cho óng ả chậu cây xanh của người đàn ông màu tóc đã bạc phơ. Còn trước mặt, tầm nhìn bị chặn ngang bởi bức tường bọc quanh khu vườn toà lâu đài cũ xưa. Bao nhiêu cảnh phong bảm sâu trên đá tổ ong lồi lõm, điểm những cụm hoa dại nở tùy mùa. Nhưng ngoảnh sang tay phải, tôi sẽ lọt hăng vào hai khung kính to, trong vắt, treo lơ lửng trên vòm cổng dẫn vào mảnh sân chung lát những hòn đá xám, kẻ vuông vức bằng nhiều lần cỏ xanh chẳng bao giờ được cắt xén. Thỉnh thoảng người bạn ghé qua, đứng gần bàn viết cạnh cửa sổ, thốt một câu đã hỏi nhiều lần. Thế nào được, với bức tường lừng lững ngang đầu và các hình chữ nhật lẫn ô vuông đóng khung bên trái, bên phải, dưới chân. Tôi cười lảng đãng, hiểu làm sao thế giới ấy, những con người loanh quanh trong vùng sân khấu lấp.

Ngay dưới tầng lầu tôi ở, người đàn ông cỡ tuổi bốn mươi chạy ra chạy vào với thằng bé phụ bếp. Cả hai đến từ miền Nam nước Ý, mang theo màu da nâu ngăm, giọng nói đục, và cái cười không hề sến. Quen thuộc nhất là những buổi chiều khi nắng ngả, tôi nghe vọng lên tiếng huýt sáo mấy âm điệu " *Torna a Sorrento* " lẫn với mùi sốt cà chua và các loại lá thơm. Tất cả như bốc thành hơi len lỏi trong vườn chanh xanh um lá, ửng quả vàng cạnh bờ biển mà anh ta một năm đóng cửa hiệu ăn hai tuần để trở về thăm viếng. Mỗi lần, anh đem thằng nhỏ đang phụ bếp trả lại, rồi dẫn sang đứa khác. _ Signora à, tuổi này lơ mơ là lêu lổng làm bậy ngay. Tôi cười. _ Chẳng biết có phải hẳn là thằng nhỏ đã xì lốp xe tôi trước tiệm cà-phê làng Sorrento thơ mộng của anh không ? Anh ta cãi. _ Đâu có chuyện đó ở quê tôi, chỉ xảy ra ở Naples thôi, chính mấy đứa này tôi đem từ đó tới. Nói rồi, miệng bung thẳng cái hột ô-liu bay vọt. Giá những khe cổ có nhiều đất hơn, với bao nhiêu hột anh ta đã nhổ, hẳn một ngày sẽ có cây ô-liu mọc lên trong mảnh sân này. Anh đưa tay vò vò mái tóc dày đen của thằng bé vừa lọt tuổi trưởng thành, đang cán những sợi mì trên chiếc bàn gỗ kê gần cửa ra sân. Nó lắc đầu tránh né lườm nhàu bằng tiếng mà nhờ nghe quen tôi đoán ra ý nghĩa. Mỗi thằng nhỏ khi nói được ít câu tiếng xứ này, để bắt chuyện với tôi và người đàn ông già có chậu cây xanh, thì lại lên đường về quê. Đôi lần tôi hỏi anh chủ, sao chẳng để chúng học nghề lâu hơn, anh ta khua tay cười cười, cặp lông mày rậm nhướng lên chùng xuống. _ Còn nhiều chuyện để làm, còn lắm thứ để làm... Signora.

Tiếng hát " Come back to Sorrento " ấy là của buổi chiều. Đến chín giờ tối tới phiên những nốt dương cầm trong bản concerto thứ 26 của Mozart tuôn xuống từ khung cửa có màn chim phượng. Âm thanh từng chuỗi reo trong rồi bùng lên cùng với dàn nhạc mạnh mẽ đăng quang. Người đàn ông tóc trắng nghe nhiều nhạc cổ điển, nhưng cứ ở khoảng đêm tối đó ông ta để đĩa nhạc này. Ông sống một mình, ít người lui tới, thường đi ra ngoài rồi trở về lúc gần trưa, khi anh phát thư dặt chiếc xe đạp vào qua vòm cổng. Hai người hay trao đổi vài câu trước thùng thư của tôi. Thỉnh thoảng tôi về ngang lúc ấy, ông già nghiêng đầu chào và anh phát thư vội vàng rút lại xấp thư đã bỏ vào thùng, đưa cả cho tôi. _ Nhiều thư và sách báo quá, làm sao đọc hết. Ông già tự nhiên nhún vai đáp hộ. _ Cũng phải hết. Một lần, ông ta đề nghị mang giùm tôi lên lầu. Căn gác tôi ở chỉ có mỗi khung cửa sổ nhìn xuống vùng sân ấy, không đủ ánh sáng nên tôi để nó trần trụi, không màn, không cây cảnh. Ông già có vẻ ngạc nhiên trước không gian nhỏ hẹp,踱 cái giường đầy gối chiếm hết góc phòng và một bàn viết với ba cái ghế. Những thứ ấy nằm

gọn giữa những bức tường che kín bằng kệ sách. Tôi quay vào bếp cầm máy cà-phê, ông ta đến gần bàn để chồng thư từ lên đó. Vừa mở tủ lấy hộp đường tôi vừa nhìn ra, cái túi ni-lông đặt trên sàn gỗ lòi thanh bánh mì dài và cộng tôi tây. Ông ấy đang đứng trông ra mấy cây bạch dương mọc cao trên vùng đất phía bên vườn lâu đài, mái tóc sáng rung rung như lá bạc, bỗng nói thản nhiên. _ Cô chong đèn khuya lắm. Tôi đáp với ra. _ Tuy khi tôi hứng. _ Thế à, ngày xưa... tôi có làm thơ, nhưng thích đọc hơn. Tôi bụng khay cà-phê đến gần. _ Bây giờ thì không ? Người đàn ông quay lại, tôi ngỡ ngàng bắt gặp, trên khuôn mặt đậm dấu thời gian, một ánh mắt xanh bằng bạc. _ Hồi xưa, mở tờ báo ra là thấy thơ, bây giờ, muốn đọc thơ phải tới nhà sách, phải đi tìm mua mới có, phải bới lục trong cả rừng tạp chí và sách báo. Ngay cả, cô không thấy sao, tiểu thuyết truyện dài, tự truyện đầy ối, nhưng truyện ngắn khó tìm.

Khi ông ta cầm túi ni-lông đi xuống cầu thang, tôi nghe tiếng bước chân chậm chạp, khác hẳn những câu nói mau mắn, rõ ràng vừa qua. Từ trên cửa sổ tôi nhìn theo dáng ông hơi gù lưng thững đi về nhà mình, dừng lại trước hộp thư, mở ra, trổng lóc, rồi từ từ đóng lại. Lúc ấy tôi chỉ mong đến chín giờ đêm, để âm thanh lỏng lẻo rộn ràng của bản concerto đề lấp giùm tôi cảm giác bùi ngùi. Tôi trở lại bàn viết, những con rối của tôi đang múa may trên nhiều trang giấy dở dang với những nếp đồi bừa bộn quá. Con này mang bộ mặt thâm đậm đến quái đản, luôn luôn chực chờ rập rình, tưởng mình sắp cho ra đời thứ triết lý hiện thực nhất để chứng minh sự tận diệt của con người. Con kia tung bùng buông thả tâm hồn lẫn thân xác trong bất cứ giờ phút sống nào, nhưng chỉ cần trong một giây nhìn lại quanh mình, bắt gặp cái " không thời gian, không không gian, không một ai ", là đủ để rít lên tiếng kêu oằn oại của loài chim trúng tên, sa từ đỉnh núi.

Có nhiều giống chim lạ vỗ cánh về trên những cành cây bên kia khu vườn rộng. Có con chim xanh lông rất mượt với mỏ vàng hay xà xuống tìm sâu trên viền cỏ ô vuông, rồi bay vút lên đậu ở đòn gỗ chìa ra nương những mảnh ngói. Dưới đó là hai khung kính treo trong vạt thường thấp thoáng bóng người đàn ông cuối cùng của thế giới tôi. Gã thanh niên độ chừng hai mươi ba tuổi, ít nói nhất trong bốn người chính thức ngụ trong khoảng sân này. Không biết chàng ta sống bằng gì, nghe đâu học Beaux Arts (*), người dong dỏng, ra dáng lắm với tám cạ-tông kênh cang đựng tranh cặp dưới nách. Tóc óng ả, mắt trong như người Bắc Âu, nhưng anh chàng thường thích vào tiệm Sorrento ngồi trước miếng lasagne vàng màu, thơm nhiều lớp. Tới khuya hiệu ăn đóng cửa, chủ và khách còn tiễn nhau với ly rượu trong tay dưới cửa phòng tôi, cười đùa dạy nhau những câu nói lóng và tục. Như ngầm thoả ước, thời gian của âm thanh nơi đây chia đều cho từng người. Chen giữa đầu buổi chiều dành cho anh người Ý trút nỗi sầu xứ trong mấy đoạn *O sole mio...* và chín giờ đêm của bản concerto vừa thánh thót vừa lừng lừng là khoảnh khắc lúc ngày tàn, mơn trớn dập dềnh điệu jazz của gã thanh niên. Còn tôi, có quyền đánh thức những người đàn ông này vào buổi sáng. Tùy theo hứng thú vui buồn, thời tiết tốt xấu, mưa gió hay nắng đẹp, tôi tha hồ tung ra từ Barbara, Brel, Beatles tới Collins... có khi rất ngược đời bằng giọng Joan Baez xót xa một thứ Farewell Angelina đã cũ. Không biết tự bao giờ đã như vậy, không ai phản đối ai. Mỗi người sung sướng hân hoan với giờ phút thanh của mình và tôn trọng vùng âm thanh trong người khác.

Cũng nhiều lần gã thanh niên về với một tên bạn, chợt những tiếng cười vang lên cùng điệu rock hay disco sầm sầm sau đó. Anh tiệm ăn liền chạy ra sân, tay tung hứng cục bột mì đang nhào nặn, người lắc lư uốn éo theo. Thằng nhỏ phụ bếp chừng như bưng ngủ, quay tròn bàn tay múa máy với những sợi mì vàng đượm, dù trước đây nó đã trở mặt trên từng bước đi đom đống của tên bạn B.A.(*). Còn người đàn ông già dường như ngầm thích thú với sự khuấy động bất chợt trẻ trung. Thỉnh thoảng ông vắng mặt đôi ngày, trước khi đi bê chậu cây để một góc sân nếu trời chưa trở lạnh. Khi trở về xăm xăm mở hộp thư, dù vẫn trống, trừ vài ngày mỗi tháng có phong bì nhà băng và vài hoá đơn điện

nước. Những lần như thế, đèn nhà ông tắt sớm, tiếng dương cầm chưa thả hết một mouvement đã ngưng bật, ông ta có vẻ mỏi mệt. Chẳng hiểu ông đi đâu và có xa không. Hình như dáng ông càng ngày càng còm, mớ tóc bạc chùng dài hơn vào lúc đông về, tiếp trùng với màu sân đầy tuyết phủ. Vào những ngày không gian mịt mù trắng xoá này, anh chàng thờ dài, những món ăn nức thơm gia vị miền nam như đông đặc, lạc lỏng. Sáng chiều anh quần tạp-dề, chùm mũ len, cầm xẻng hốt những đồng tuyết trước cửa ra vào cho mỗi nhà chúng tôi, miệng lầm nhảm than tiếc cái nắng vàng tươi trên màu biển xanh ngắt. Có cả những câu lầm bầm tự trách, Sao đã về rồi lại đi. Ông già nằm im trong căn gác. Chỉ có tôi và gã thanh niên vẫn lục xục vào ra vùng sân khuất, cùng nhịp độ.

Đã một dạo, vắng mái tóc vàng dày của chàng Beaux Arts sau hai ô cửa kính bao giờ cũng được anh ta chùi sạch bóng, càn trong suốt hơn trên bờ tường rêu đã bám xanh. Thời gian ấy, khi vệt sáng cuối ngày thu gọn lại chỉ còn đốm nhỏ thoảng trên ngọn bạch dương, ông già đã bắt đầu mở nhạc, như thể ông không chịu được khoảng trống âm thanh của người thanh niên để lại. Nhưng ít lâu sau chàng ta lại về, trời bắt đầu mùa xuân, khoảnh sân sáng lên với nắng ngập ngừng. Tên bạn trai gần nhất của B.A. từng đến và ở lại hai ba hôm bây giờ ghé vội rồi đi, cuối cùng vắng biệt. Không hiểu sao anh ta tự nhiên đổi lấy khúc blues chờn vờn mòn mỏi. Từ cửa sổ nhìn xuống, tôi thấy anh chàng bước nhẹ tênh qua vòm cổng buổi chiều, đáng trở nên phật phờ, xiêu ngã. Chẳng còn gọn ghẽ trong chiếc blouson, tấm áo mưa rộng chùm người, dù trời nắng tạnh cổ áo vẫn kéo cao. Một hôm giữa trưa tôi về, ông già còn đứng trong sân, húng hắng ho. _ Dạo này tắt đèn sớm, cô không khoẻ. Tôi loay hoay tìm chìa khoá, lắc đầu. _ Tôi lười. Hết hứng sao ? Tự nhiên tôi ngược về căn phòng người thanh niên, ông già cũng ngừng theo. Hai ô kính vốn trong veo bây giờ loàn ngoằn những vệt mưa khô, hiện rõ dưới ánh mặt trời. Rồi chúng tôi quay lại nhìn nhau. Tôi chán, những nhân vật của tôi, chúng không cho tôi nói hết lời, chúng chẳng chịu nhìn ra điều tôi thấy. Ông già lại ho vài tiếng, đưa tay đỡ hộ tôi mấy cuốn báo vừa rút từ thùng thư, rồi đứng sau lưng chờ tôi mở cửa. Đột nhiên ông nói, như một mình. " Ta thấy, ta thấy. Người thấy gì ? Ta chẳng thấy. Có màu gì ? Ta không thấy. Vấn đề không phải điều gì nhìn thấy được, mà là tự nhìn ra. Cái không màu... Sự trong suốt ". Tôi ngẩn ngơ, chiếc chìa dừng trong ổ khoá. Anh chàng Sorrento bỗng từ trong nhà chạy tuôn ra sân cỏ, ngồi bẹp trên mảng gạch, gục mặt giữa hai đầu gối, nấc lên. Ô, Mamma.

Trưa ấy anh ta khóc, thì đến đêm trời đổ cơn mưa. Nước xối xả trên mái ngói, chảy như sông, cơ hồ làm lún sâu mảnh sân hơn nữa. Hiệu ăn Sorrento đóng cửa, người chủ đang sửa soạn lên đường. Tôi nhìn qua hai bên hàng xóm, những ánh đèn từ đó hắt ra, nhoè nhoè sau màn mưa dày đặc. Ông già không vặn nhạc đêm nay. Tôi nằm cong người giữa đồng gối, nhắm tính quãng đường dài từ đây đến ngôi làng ven bờ Tyrrhénienne bên Ý. Không biết anh ta có về kịp đám tang. Vẫn chập chờn trước mắt tấm ảnh người đàn bà mập mạp, quần khăn quàng rực rỡ. Chỉ thoảng qua, tôi đã thấy cặp mắt sâu nhìn thẳng như muốn nói biết bao điều. Chiều ấy tôi mới được biết, chính người đàn bà này đã bắt con trai út của mình cu r mang những đứa trẻ học nghề. Thằng anh của anh chàng Sorrento đã chết trong một cuộc đụng độ băng đảng ở Naples khi vừa hai mươi tuổi. Sáng sớm hôm sau, tôi ngơ ngàng nhìn bao nhiêu cành lá và những nụ hoa vừa chớm nở từ bên kia khu vườn đã toả tả bay rụng trên vùng sân sũng nước. Ông già dậy sớm đang lục đục quét gom trước cửa nhà. Người đàn ông trung niên mạnh mẽ, rộng lòng để giúp chúng tôi những lúc ngổn ngang đã đi rồi, trong đêm. Trước đây mỗi lần có biến cố, tên B.A. cũng xuống đảm đương công việc một phần, bây giờ im im. Tôi xắn quần, xách chậu và chổi bị bơm, lòng nao nao khó tả.

Mấy hôm sau đó mây nặng nề trên sân gạch xám. Tôi không làm được gì hơn, đi về tự nhiên hụt hẫng. Thiêu giọng ồ ồ của Sorrento đã đánh, gã thanh niên ít xuống lầu, nhạc

anh ta có bật lên cũng chập chờn, đứt quãng. Còn ông già như sợ tiếng động làm phiền chàng hàng xóm đối diện. Tối tối vẫn cùng bản hoà âm nhưng tiếng phát ra nho nhỏ, tưởng chừng hoà tan, lẫn quẩn với lá đêm. Tất cả như thoi thóp trong không gian bất ngờ hẹp hẫng lại. Có ông y tá ngày hai lần leo lên căn gác chàng thanh niên, nhưng đi qua sân cỏ quá vội vàng. Tôi và ông già cùng nhau lên thăm B.A., vẫn đầy nụ cười có nét gì dịu như con gái, nhưng má trũng sâu và làn da bệch hẫng đi vì thiếu nắng. Lúc trở xuống, dưới chân cầu thang nhà anh ta, ông già cúi nhặt một hột ô-liu đen khô quắt, để trong lòng bàn tay rồi nắm lại thật chặt. Ngoài công việc ra, lúc ở nhà, tôi hay đứng gần cửa sổ hơn, nhưng để nhìn mà không thấy như ông già đã lầm nhảm lời J. A. Valente, văn hào Tây Ban Nha, hôm nào. Cho đến một hôm tôi đang bọc bệ gạch bỏ bôi xoa trên những trang giấy, chợt nghe tiếng chân nhẹ nhưng khác thường và ngập ngừng bước trong sân. Vội đứng dậy ngó xuống, ông già bên trái cũng đang vén bức màn chim phượng. Một cô gái mặc áo mưa xám, đeo cặp sách đỏ đang ngược nhìn những khung cửa bờ tường bao quanh, cô cầm một tờ giấy nhỏ. Mái tóc đen tròn quay vòng một lượt rồi dừng lại trên hộp thư của B.A.. Nắng ngày vẫn còn đủ để tôi nhận ra đôi mắt to và hai gò má thật hồng trên làn da mặt mỏng. Cô gái lên căn gác đó một chốc rồi xuống cùng ông y tá lầm lì. Hai người trao đổi với nhau vài câu trước khi ra khỏi vòm cổng.

Bầu trời thật im lặng, màu âm u ướt đọng trên mái ngói và ngấm sâu vào những viên gạch trên mảnh tường ngăn chia không gian còn sống bên này và thế giới cổ độ bên kia. Tôi cảm thấy ngột thở từ mấy hôm nên mở tung cửa sổ, các con chim chẳng biết đã đi đâu bỏ những lùm cây lá bạc đứng yên trong bầu không khí chùng hẫng xuống. Ông già trượt chân trên sân gạch trơn ướt tối hôm qua. Tôi đã bước sang nhà ông sáng nay, cái chân băng bột đuổi ngang trên nệm ghế. Mới thoáng đó thôi mà bất chợt tôi thấy ông cỗi xưa như sắp đi hết năm tháng của đời người. Lần đầu tiên, ông đưa bàn tay có những ngón dài khô nắm nhẹ tay tôi lắc lắc. Trên chiếc bàn con cạnh chậu cây xanh, một trang thư bỏ dở, nét chữ khá to, mới ghi được mấy dòng ngày tháng. Tôi không thể giấu vẻ ngạc nhiên khi thấy một xấp phong bì và giấy viết thư nằm ngay ngắn. Ông già kéo cao tấm chăn đắp lại nửa người, chậm rãi. Tôi có thằng con trai cỡ B.A. đi Martinique không về, tôi vẫn viết thư dù nó ít trả lời. Rồi chắc miệng tiếp. Kệ, như vậy tôi đã giữ lời hứa với mẹ nó khi bà ấy qua đời. Ông lại tìm tay tôi, vỗ vỗ. Người ta thường nói, nếu những cử hành năm nay mọc nhiều lớp thì mùa đông tới này lạnh lắm, cẩn thận. Tôi rời ông, bước lại khung cửa, tốc những con chim phượng sang hai bên, nhìn thẳng trước mặt. Hai vũng tối âm u hút mắt giữa ban ngày làm tôi choáng người, đưa tay ôm lấy bờ vai. Mãi sau tôi lại có cảm tưởng trước hai ô cửa đối diện ấy có những bóng lá lung linh, và bên kia chúng là dáng dấp gầy thanh của chàng B.A. thấp thoáng. Rồi mắt chợt thấy ánh nắng mong manh nghiêng trên mảnh sân, đang sáng lên màu áo mưa bạc thuỷ ngân của cô sinh viên y khoa đã đến chăm sóc B.A. vào những tuần lễ sau này. Ba tối mỗi tuần, cô gái nhỏ đạp xe thẳng vào sân ngay lúc bản concerto vỡ bờ như sóng lũ, tựa hồ nâng đỡ người đàn ông già ngày càng chìm xuống trong cuộc sống đi về đơn độc. Cô dựa chiếc xe đạp vào bờ tường, dưới hộp thư B.A., rồi ngược đầu lên về phía phát ra âm thanh đang rộn ràng lay động những con chim phượng dưới ánh đèn. Tôi có cảm giác cô gái uốn vai, hít thở, mở toang buồng ngực để lắng nghe một chốc rồi mới mở cửa bước lên cầu thang. Thỉnh thoảng tôi thấy cô đứng sau khung kính không còn trong vắt nữa, như thể muốn thu giữ nốt những hợp âm tròn đầy trước khi hạ đèn. Từ đó, còn mỗi bóng đèn chong thấp nhỏ cho đến sớm hôm sau, khi cô ra về nhường chỗ cho người y tá. Nhưng trong đêm, vắng tiếng chàng thanh niên la hét, tôi nhòm dây chạy ra cửa sổ. Đèn bên ấy bùng sáng lên, bóng cô gái di động, một lát sau tất cả mới trở về với thỉnh lặng của đêm. Và lá trong gió lại tiếp tục rì rào. Tôi trở vào ngồi trước bàn viết, những trang bản thảo đầy chữ mà trống rỗng. Quanh quẩn trong không gian hạn hẹp chỉ có tôi cùng ba người đàn ông ấy, nhưng mỗi cá nhân rời rạc như những nốt nhạc riêng lẻ lệch lạc, chẳng kết nối thành một hợp âm nào. Những cảnh sống đơn điệu âm thầm trượt qua nhau. Phải đợi đến

những đêm khuya xao động như thế này cùng sự xuất hiện của cô sinh viên trẻ trung đó, với tâm áo sáng bạc và cặp sách đỏ thắm, mới có được vết màu tươi trên bức tranh đời xám ngắt. Nhiều buổi sớm ông già nhẹ nhàng giữ cô gái lại, hắt cái nhìn về căn gác B.A., gương mặt hao đi sau một đêm thiếu ngủ của cô tỏ nét ái ngại. Nhưng cuối cùng, bao giờ cô cũng mở nụ cười còn đầy chất hồn nhiên để chào ông và vội vã đến trường.

Khoác chiếc áo mưa vào người, tôi xuống cầu thang. Những bậc gỗ cựa mình đáp trả từng bước một, chậm, lẻ. Dừng lại ở ngưỡng cửa, trên bệ đá gần đây còn rỏ vỏ chanh của anh Sorrento. Những miếng vỏ đã gọt vàng thơm để đậm hương vị cho nồi thịt bê osso-bucco, bây giờ quần queo lên màu ảm mốc. Mấy viên gạch nung anh ta vẫn dùng lót lò nướng pizza ngổn ngang dưới chân tường bên cạnh một hai cái nồi lật úp. Tật bầy bừa ra sân của anh Sorrento thường làm ông già cầu nhàu, nhưng sau nụ cười đồng lõa với cặp mắt và cái gật đầu lia lịa hứa hẹn, Si, si, sẽ đâu vào đó, đâu sẽ vào đó, Signor... thì tất cả vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Cũng may không có thức ăn gì bày hớ hênh để quyến rũ bọn mèo đêm từ vườn trên đổ xuống. Qua khung kính đục mờ của nhà bếp, ẩn hiện hình thù các vật dụng nấu ăn và chập chờn ánh kim khí sắc lạnh của muôi dao muỗng nĩa chung quanh cái lò nướng mở toang đen mờ, rỗng toác. Tôi rùng mình, kéo sát hai vạt áo. Liệu anh ta có về đốt nóng không khí ẩm ướt này. Biết đâu người đàn ông ấy sẽ ở lại với những màu tường vách đá vàng cam rực ối trong cơn nắng miền nam hào phóng. Chẳng hiểu căn nhà bà mẹ anh ta nằm lẫn khuất giữa vùng đất trồng chanh xanh ngắt, tiếp giáp với bãi cát thênh thang nhào vào biển. Hay nó là một trong những ô nhà ngang hẹp cao lênh khênh lưng chừng trên vách núi. Có bao cảnh bông giấy đỏ thắm lượn leo từ chân lên đến đỉnh, níu vào những thành vịn cầu thang vòng vèo bao nhiêu khúc, đưa xuống tận chân sóng đập rì rào. Tôi đã từng qua đó, một khách du lịch vô tư nhìn ngắm cảnh lạ, không nghe ra tiếng cười lẫn nhìn thấy vết nám trong tâm hồn người bản xứ tựa anh ta.

Người phát thư vừa dặt xe vào giữa khuôn sân trống, tay khua khua tấm bưu ảnh đến từ Sorrento, vui mừng ra mặt. Anh hiệu ănnấn viết tên ba người theo thứ tự, ông già, tôi, rồi chàng B.A.. Mấy hàng chung bảo sẽ về, và một dòng ân cần nhấn riêng B.A. hãy đợi. Cuối chiều, tôi bước lên đưa cho B.A. tấm thiệp, ở đầu cầu thang chợt dừng ông y tá lăm lăm tuôn từ trên xuống, suýt đâm sầm vào nhau. Ông ta chạy vội ra cổng rồi lại chạy vào cùng với tiếng còi xe cứu thương rú lên như bay qua mái nhà rồi từ trên không chụp xuống. Tôi nép vào bờ tường, tất cả quay mòng trước mắt. Chẳng bao lâu lại thêm vòng xe đạp lăn tròn của cô gái lọt qua vòm cổng. Cô chợt khựng lại, vội vàng nhảy xuống, ngơ ngác trước cảnh tượng đang náo động trên sân cỏ này, buông ngang chiếc xe đạp đổ nhào xuống đất. Chưa ai kịp phản ứng, cô bé đã chạy bỏ tới cạnh chiếc băng-ca, hai người đàn ông mặc áo blouse trắng vội vàng thu vén nốt những dụng cụ cứu cấp rồi khiêng đi. Ông già cố bước nhanh choàng ôm cô bé lại. Tôi lúp húp chạy theo ra tới ngoài, đèn xe đèn đường phố phờ phờ nhòa sáng. Rồi tiếng xe cứu thương bất ngờ xé rách không gian. Bước quay vào, trong góc sân gần nhập nhoà bóng tối, cô gái gục trên vai người đàn ông tóc trắng. Có tia sáng yếu ớt từ ngọn đèn treo đầu bờ tường đá ong đang rọi xuống, rung rung trên màu cặp sách đỏ nằm giữa vuông gạch xám, kẻ viền bởi cỏ xanh.

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ

Hàn Thủy

Để tưởng nhớ Bùi Mộng Hùng

*Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo thì lòng mới ngon
Tục ngữ*

Sinh học là môn học về sự sống, muôn màu muôn vẻ. Tin học nói chung chỉ biết có số không và số một, không có gì khô khan hơn. Hiện nay đại đa số những người làm tin học không biết gì đến sinh học, và đa số người làm sinh học cũng chỉ dùng máy tính như một dụng cụ để viết bài hay tính toán.

Thế nhưng chỉ cần lật xem những tạp chí phổ biến khoa học trong thời gian vừa qua cũng thấy không hiếm những thông tin hay bài báo nói về những khảo cứu vận dụng cả hai ngành khoa học - công nghệ nói trên. Thí dụ một số tựa như : "*Sự thành hình ngành y khoa xi-be*", L'avènement de la cybermédecine, La Recherche, tháng 2.2000 ; "*Phải chăng ngày mai sẽ có loài vật nhân tạo ?*", Les animaux artificiels sont-ils pour demain ?, La Recherche, tháng 10.1998 ; "*Từ Sinh học tới Tin học*", De la Biologie à l'Informatique, La Recherche, tháng 2.1999 ; "*Tính toán bằng ADN*", Calculer avec l'ADN, Pour la Science, tháng 10.1998 ; vân vân, không thể kể hết. Người ta luôn luôn gặp những thuật ngữ mới (vì mới quá, xin phép không dịch vì đây là công việc mà ngay những người trong nghề cũng phải bàn cãi cẩn thận), như *Biopuce*, *Biocomputer*, Pilule électronique, Algorithme génétique, mạng noron... cũng không thể kể hết.

Vậy chuyện gì đang và sẽ xảy ra ? Tầm quan trọng và ảnh hưởng của nó tới đâu ?

Phần 1 : đôi điều khẳng định

Tin học và sinh học là hai khoa học - công nghệ đang đảo lộn sinh hoạt kinh tế, xã hội, sức khỏe, văn hoá, của con người. Ngày nay điều này đã hiển nhiên. Hai hành tinh lớn này di chuyển trên những quỹ đạo độc lập cho tới những năm gần đây, nhưng những dấu hiệu nêu trên cho thấy chúng sẽ va chạm. Hậu quả ra sao, một vùng cát bụi mịt mờ, hay sẽ bắn ra một tinh thể mới tròn trặn và đẹp như trăng rằm ? Đó còn là chuyện tương lai khó mà đoán trước, nhưng dù sao cũng sẽ là một hiện tượng rất cần để ý.

Xin mở ngoặc để nói về tựa đề bài này : đặt tên *Đầu thế kỷ 21...* vì có lẽ hiện nay không ai dám nói chuyện tiến bộ khoa học của cả thế kỷ tới ! Hình như những nhà khoa học đang sống vượt quá số tất cả những người làm khoa học đã khuất của nhân loại từ thiên cổ. Thế mà năm mươi năm trước đây thôi, có ai tưởng tượng thế giới ngày nay nó lại như thế này đâu. Thôi thì cứ cho là dự phóng được trong tầm thập kỷ, và ngay trong tầm nhìn đó cũng xin phỏng theo một tác giả của Diễn Đàn : có *đôi điều khẳng định và có đôi điều có lẽ*. Kỳ này xin thông tin và có vài suy nghĩ về đôi điều... có lẽ khẳng định, và xin để một lần khác bàn về những điều có lẽ... có lẽ. Vì những điều có lẽ đó sẽ không ngoài giấc mơ cướp quyền tạo hóa, đã có từ thế kỷ ánh sáng, và vẫn còn gây nhiều bàn cãi triết học cũng như tôn giáo. Vậy xin trở lại những tiến bộ đã manh nha, và có thể tới trong tương lai không xa lắm, kết quả của đám cưới Sinh học - Tin học. Vâng, và sẽ thưa tại sao có con lợn béo dẫn cưới ở trên.

1. Một quan hệ lâu đời

Phải nói ngay, đám cưới này có nhiều thế gia vọng tộc đỡ đầu, thí dụ như Jacques Monod, giải Nobel về sinh học, trong tác phẩm nổi tiếng "*Le hasard et la nécessité*" từ năm 1970 đã dành cả một chương bàn về "vi điều khiển học" (cybernétique microscopique) ; ngược lại thì điều khiển học do bác học Mỹ Norbert Wiener đề xướng từ sau thế chiến thứ hai cũng bắt nguồn từ quan sát các hành vi của sinh vật. Những khái niệm cơ bản của điều khiển học hiện đã nằm sâu trong tin học, và thuật ngữ điều khiển học ít được dùng nữa, ngoại trừ việc nó trở lại trong thuật ngữ "*không gian điều khiển*" (đọc trong một tài liệu chính thức của Việt Nam để dịch chữ *cyberspace*, trên mặt báo này đã có lần viết "*không gian xibe*").

Vậy sinh học và tin học đã có quan hệ từ lâu đời, nhưng ngày nay càng thấm thiết hơn. Theo Joel de Rosnay, một bác học nổi tiếng khác của Pháp thì một trong ba hội tụ về khoa học - công nghệ của đầu thế kỷ 21 là hội tụ giữa sinh học và tin học. Hai sự hội tụ kia thì một là giữa tin học, viễn thông, truyền thông và đa media ; và một là hội tụ giữa môi trường học và kỹ nghệ (Science et Vie, tháng 12.1999).

Hy vọng Hoàng tử và Công chúa sẽ sống hạnh phúc lâu dài, mà không bị lời nguyền từ một phù thủy ác độc nào đó. Trong truyện cổ tích người ta thường vẽ phù thủy xấu xa dị hợm, nhưng đây là cho trẻ con thôi, chứ phù thủy thiếu gì phép thuật để tự cho mình bộ mặt đẹp đẽ. Hãy cảnh giác, phù thủy và nàng tiên rất giống nhau. Với khoa học, khả năng đem lại hạnh phúc cho con người càng lớn thì sức tàn phá càng ghê gớm. Thôi, câu chuyện đó ta sẽ bàn với nhau quanh lửa hồng, một đêm trời đầy sao. Bây giờ cứ cho là cặp này có hạnh phúc dài lâu đi, và sẽ được (ít nhất) hai người con, đó là : khoa học về bộ não và di truyền học. Nếu không vì quá dài dòng có thể thêm công nghệ rôbôt, trong đó tin học mới chỉ mô phỏng sinh học một cách thô lỗ.

Nhưng trước hãy xem những quà cưới của hai họ : sinh học đem lại gì cho tin học, và tin học đem lại gì cho sinh học ?

2. Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo thì lòng mới ngon. Hai con lợn béo tốt như nhau thì bộ đồ lòng cũng ngon như nhau. Ngẫm nghĩ câu tục ngữ này mà tán thêm như thế thì hoá ra đây không phải chỉ là một quy luật về loài lợn, nó là một ý tưởng cơ bản trong phương pháp luận của những nghiên cứu tin học, như *trí tuệ nhân tạo*, *robot*, *mạng nơron*. Đó là việc thành lập những mô hình, và điều chỉnh sao cho quan hệ giữa đầu vào và đầu ra giống như hiện thực.

- Kia một con lợn béo tốt, muốn hiểu biết bên trong nó phải làm sao ?

- Thì hãy cố gắng chế tạo một con lợn cũng béo tốt !

Bên ngoài giống nhau thì bên trong chắc cũng có gì giống. Đi đến cùng ta có trắc nghiệm Turing : đối thoại với một máy tính mà không phân biệt được với người thì phải công nhận là máy tính có trí năng.

Có thể phản biện lại rằng " Hai hộp đen có đầu vào và đầu ra hoàn toàn giống nhau, rất có thể bên trong được chế tạo bằng những nguyên tắc và giải thuật hoàn toàn khác nhau ". Đúng vậy, và người ta có thể thực hiện cụ thể những thí dụ như thế, tuy không dễ. Và hành vi " trông mặt mà bắt hình dong " này nếu là độc nhất thì quả nhiên không khoa học, hay cùng lắm được gọi là khoa học sơ khai. Nó phải, và luôn luôn được kết hợp với các hoạt động khoa học quy phạm khác để tạo ra những mô hình ngày càng hoàn chỉnh của hiện thực.

Trong khoa học có khám phá, sáng tạo, phân tích, tổng hợp, kiểm chứng, giải thích... mỗi khái niệm này chỉ nhấn mạnh một khía cạnh nào đó của một tổng thể những hành vi có liên hệ chặt chẽ với nhau ; và trong sáng tạo có sự may mò, tìm kiếm trong mù mờ, tức tinh thần *cứ làm như thể là*. Nhưng chính vì *cứ làm như thể là* có một hành tinh khác xáo trộn quỹ đạo của hành tinh Thiên vương (Uranus) mà Le Verrier đã " khám phá " hành tinh Hải vương (Neptune) vào giữa thế kỷ 19, chỉ bằng tính toán.

Sau khi đưa bằng chứng về dòng dõi thế gia của những mô hình tin học ta có thể mô tả cái quá trình tiến triển hỗ tương giữa tin học và sinh học như sau :

* Sinh học tiếp tục nghiên cứu với những phương pháp đặc thù của mình, kết hợp các dụng cụ hoá hữu cơ, kính hiển vi, giải phẫu học... với các nguyên lý tân Darwin để tổng hợp các ngành sinh học phân tử, di truyền học và phát triển phôi (embryologie), bằng cách so sánh các sinh vật trong quá trình tiến hoá của chúng từ đơn giản đến phức tạp... Cho đến nay những tiến bộ diệu kỳ của sinh vật học, đưa đến những hiểu biết về sinh lý con người, về các virút và các thành quả y học tương ứng... vẫn hầu như toàn bộ nằm trong hệ ý niệm đó. Trong tiến trình này máy tính điện tử chỉ được sử dụng như một công cụ xử lý thông

tin phụ giúp cho người làm khoa học như trong bất cứ ngành nào khác. Nhưng hình như trong việc nghiên cứu các đối tượng như hoạt động của ADN trong phát triển phôi, hoạt động của bộ não... hai vấn đề điển hình nhất hiện nay, các nhà sinh vật học đã gặp phải hàng rào của sự phức tạp, và dùng máy tính điện tử như một công cụ xử lý thông tin cổ điển để phụ giúp việc lưu trữ, so sánh và tìm kiếm... không đủ nữa, họ thấy cần thiết nắm lấy công cụ này một cách sáng tạo để nó phục vụ đắc lực hơn cho mình. Hiện tượng nổi bật gần đây nhất là Craig Venter, được coi như người đã thủ thắng trong cuộc chạy đua đọc mã gen, là người đã dựa vào máy tính điện tử một cách sáng tạo nhất.

* Trong khi đó tin học, dựa trên những tiến bộ kỹ thuật về điện tử, về phương pháp lập trình, về viễn thông... càng ngày càng có những công cụ xử lý thông tin rất mạnh, và do đó càng có tham vọng đề cập những bài toán mỗi ngày một phức tạp. Xử lý song song và phân tán, trong đó nhiều máy tính cộng tác với nhau đang là đề tài nóng bỏng, và các đối tượng sử dụng trong địa hạt " vô sinh " không thiếu, như khí tượng học, như điều khiển hữu hiệu hơn mạng thông tin toàn cầu đang bùng nổ từng bùng... và người ta lại thấy cần trở lại nguồn cảm hứng ban đầu : có " bộ máy " nào phức tạp, thông minh, bền vững và tin cậy được như một sinh vật ? Mạng nơron đã bắt đầu có ứng dụng, và đó chỉ là một mô phỏng rất mờ nhạt của các nơron thực sự, hiểu biết rõ hơn về hoạt động của nơron chắc chắn sẽ giúp ích nhiều hơn.

* Vòng luẩn quẩn ? Không, đây là một vòng xoáy đi lên. Không phải là ngành nọ chờ đợi tiến bộ của ngành kia và trong khi đó dậm chân tại chỗ, mà chính là một tiến triển hỗ tương, nhờ ở sự " cứ làm như thể là ", cứ mày mò tìm kiếm với những ước đoán theo tương tự, với những công cụ không thật sự thích hợp, với những giả thuyết " cầu vồng ". Nhưng cũng với những phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm nghiêm ngặt các giả thuyết ấy ; để rồi cũng có những phát minh, khám phá và giải thích có giá trị ; rồi khi ấy một tiến bộ bên này sẽ lại giúp đỡ bên kia. Và như thế sẽ dần dần thành hình một khoa học hoàn chỉnh, với những lý thuyết sát thực tế hơn và với những công cụ nghiên cứu thích hợp hơn. Đến đây có lẽ không cần thiết xác định đâu là khía cạnh chính và đâu là phụ ; tin học và sinh học của thế kỷ 21 sẽ cùng tấn công vào cái *vô cùng phức tạp*, cũng như các nhà khoa học từ thế kỷ 16 tới nay đã tấn công vào cái *vô cùng lớn* và cái *vô cùng nhỏ*.

* Có thể miễn cưỡng nói đại thể có hai loại phức tạp khác nhau, cái phức tạp tuyến tính theo chiều sâu và cái phức tạp trải rộng trên bề mặt do quá nhiều yếu tố khác nhau tác động qua lại để tạo ra một hiệu ứng nào đó. Tôi viết bài này trong khi nghe tiếng hát Hồng Nhung trong CD " Đoàn khúc thu Hà Nội " ; làm sao đi từ những con số 0 hay 1 ghi trong CD, qua đầu đọc laser đi vào máy tính, biến thành sóng điện từ rồi trở thành những âm thanh ngắt ngắt trong đầu tôi ...

tôi mong về Hà nội, để nghe gió sông Hồng thổi...
tôi mong về Hà nội, tìm lại tiếng ve thời trẻ dại...

Cái phức tạp chiều sâu kỹ thuật đi từ đĩa CD tới âm thanh có lẽ không còn xa lạ lắm với chúng ta, tuy đã là cả một vấn đề. Nhưng tại sao tôi thấy tiếng hát hay ngắt ngắt ? Ở đây có biết bao nhiêu là tín hiệu của các nơron chạy trong đầu ? Trong những nơron đó còn ghi lại những gì của thời thơ ấu đã trôi chảy, bắt ve và đổ đẽ ven đê sông Hồng ? Nếu nhìn sự sống của sinh vật từ các chuỗi ADN trở đi ta có thể thấy sự vô cùng phức tạp này gồm cả hai chiều, từ các phân tử protein tới tế bào, từ tế bào tới các bộ phận nhỏ của cơ thể, rồi từ các bộ phận tới toàn thể, ở mỗi kích thước nghiên cứu đều biết bao nhiêu vấn đề, biết bao nhiêu tác động qua lại.

Cho tới nay những thành quả của tin học đã có một chiều sâu đáng kể, chẳng hạn bạn ở xa chỉ cần vào trang nhà của Diễn Đàn trong mạng Internet, bấm con chuột vài lần là sẽ được ngắm những bức tranh tuyệt diệu, phố cổ Hà nội của Bùi Xuân Phái. Nếu phải giải thích từ số không trở đi tại sao làm được như vậy, thì cũng hết vài ngày. Nhưng còn những nghiên cứu về sự phức tạp do tác động nhiều yếu tố cộng lại thì phải nói chưa đi đến đâu, các hệ máy cho phép nối kết những xử lý song song khác nhau, để đưa đến một trình độ thông minh mới, còn chập chững. Ở đây sự sống của sinh vật, dù chỉ là những côn trùng giản dị nhất, là một nguồn cảm hứng và học hỏi rất lớn. Và để lại nói theo kiểu một tác giả khác : sự sống cũng *là một phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại*. Theo chiều ngược lại, các phương pháp mô phỏng bằng tin học, với toán và lôgic là nền tảng, có thể cho phép thử nghiệm rất nhanh những giả thuyết về các cấu trúc sinh học và hoạt động của chúng.

3. Khoa học về bộ não

Tìm hiểu hoạt động của bộ não là công trình nghiên cứu đã lâu đời, với những phương tiện quan sát bên trong như giải phẫu, bên ngoài như đo các phát sóng điện từ... , kết hợp với quan sát bệnh lý, làm trắc nghiệm... người ta đã đạt được rất nhiều kết quả. Ngày nay bộ não đã được phân chia thành nhiều vùng, và người ta đã xác định được chức năng của mỗi vùng, mặt khác những điều kiện sinh hoá cần thiết cho bộ não hoạt động cũng ngày càng rõ, và các dược phẩm chữa trị các bệnh liên quan tới não càng ngày càng nhiều và hữu hiệu. Nhưng càng biết thêm càng thấy nhiều câu hỏi.

Trong đầu con người có khoảng 100 tỷ noron, mỗi noron được nối với nhiều noron khác bằng những *synapses*, một noron có thể có đến hơn nghìn *synapses*, và số *synapses* tổng cộng lại được ước lượng khoảng 1 triệu tỷ. Tín hiệu được truyền qua thân noron tới các *synapses*, và tùy theo trạng thái của chúng mà một hay nhiều noron khác sẽ được kích thích để tiếp tục truyền tín hiệu. Đó là mức thấp nhất, nhưng từ đó tổ chức lên các tầng trên như thế nào, có thể có được một bản đồ chi tiết của *một* bộ não tới từng noron không ? Thêm nữa, bộ óc con người ta không giống nhau, vậy đâu là cái tổng quát và đâu là phần đặc thù ? Bộ óc lại biến chuyển với thời gian theo cuộc sống của từng người, vậy đâu là phần bẩm sinh và đâu là phần lịch sử cá nhân ?

Các phương tiện tin học có thể mô phỏng một cấu trúc như vậy hay không ? Xin thưa về mặt kỹ thuật hoàn toàn có thể được, chỉ chưa biết phải làm cụ thể thế nào thôi ! Nhưng may mắn thay có Darwin. Vì nếu tin rằng con người do tiến hoá từ các sinh vật giản dị hơn mà ra, thì người ta có thể, *và đã luôn luôn thành công khi làm như vậy*, nghiên cứu những sinh vật giản dị hơn để từng bước hiểu biết thêm về con người. Nghiên cứu về bộ não cũng vậy, các nhà sinh vật học đã thấy rằng cấu trúc của bộ não con người còn giữ lại nhiều dấu vết của tổ tiên từ xưa, rất xưa.

4. ADN, ô thật là giản dị

Sinh học có thể được coi như bắt đầu từ lúc, với phát minh kính hiển vi, người ta khám phá ra là các sinh vật là một tập hợp các tế bào, mô tả tế bào lần đầu được xuất bản năm 1667. Kể từ đó, một chuỗi dài các nghiên cứu về thực và động vật đã đưa tới đỉnh cao là khám phá ra cấu trúc ADN của Watson và Crick năm 1953. Từ đó người ta có thể nói như sau :

* Sinh vật chủ yếu gồm một tập hợp các tế bào, các tế bào lại phân hoá theo những nhiệm vụ khác nhau và được kết cấu với nhau trong những bộ phận khác nhau của cơ thể. Tế bào có màng bao bọc, chứa một dung dịch hữu cơ và một hạt nhân. Trong hạt nhân có các nhiễm sắc thể (chromosomes). Nhiễm sắc thể mang đầy đủ các thông tin cần thiết để làm nảy sinh một sinh vật. Tức cũng mang đầy đủ các yếu tố di truyền. Mỗi tế bào có khả năng, trong những điều kiện nhất định, tự chia đôi thành hai tế bào, làm cho sinh vật tăng trưởng.

* Nhiễm sắc thể là một tập hợp các gen. Mỗi gen là một chuỗi xoắn đôi ADN (Acides DesoxyriboNucléiques, ouf !). Người viết bài này không biết gì về sinh học thì chỉ nhớ được rằng mỗi chuỗi xoắn đôi ADN có thể được mô tả bằng một ngôn ngữ chỉ có 4 chữ cái là A, T, G, và C (các phân tử hữu cơ).

* Tại sao lại gọi chuỗi xoắn đôi ? Vì nó có 2 nhánh xoắn quanh nhau và gắn bó theo một quy luật nhất định : A bên này nối với T bên kia, và G bên này với C bên kia. Biết một nhánh tức là biết đầy đủ cấu trúc hoá học của gen. Thần kỳ của tạo hoá là làm ra cái máy tính ADN như thế. Vì trong khi sinh trưởng hai nhánh của một chuỗi có thể tách ra độc lập và tổng hợp từ các chất hữu cơ của tế bào cái nữa còn thiếu của mình. Để cuối cùng thành hai chuỗi, và một tế bào thành hai tế bào.

* Công việc của các chuỗi ADN không phải chỉ là như thế, mà nó còn thường trực tổng hợp các protein để tạo nên hình hài cho cơ thể. Để làm việc này ADN phát ra những mẫu " câu chữ " của mình dưới một dạng khác gọi là ARN (Acides RiboNucléiques), trong đó chỉ có chữ T được thay bằng một chữ khác (tức là một phân tử hữu cơ khác), chữ U. ARN là một thông điệp mà ADN gửi đến cho một " đơn vị ngoại vi "

khác của tế bào, các Ribosome, có khả năng tổng hợp khoảng 100 ngàn protein theo yêu cầu, tức là theo ARN mà nó nhận được.

* Các tế bào đầu tiên giống nhau, nhưng rồi dần dần phân hoá các hoạt động. Trong sự phân hoá này người ta chưa hiểu rõ tại sao : tuy các ADN trong mỗi tế bào đều giống hệt nhau, nhưng lại có thể nhả ra các ARN khác nhau để tổng hợp các protein khác nhau. Các gen trong một tế bào hoạt động song song, nhưng có những gen bỗng không hoạt động nữa...

* Người ta biết lơ mơ về trách nhiệm của một số gen trong một vài trường hợp bệnh lý, nhưng các nhà sinh học đều cho rằng nhiều chức năng của cơ thể là do nhiều gen hợp tác đảm nhiệm.

Đó là tóm tắt những điều người viết bài này, làm nghề tin học, nghĩa là biết một ít về tin học và mù tịt về sinh học, tìm hiểu được, và múa rìu qua nhiều mắt thợ trình bày như trên. Hy vọng sẽ có những cao nhân chỉ giáo thêm. Nhưng cũng có thể hãnh diện mà nói rằng : thế thì nếu thay trong 4 chữ mỗi chữ bằng 2 bit là viết được cấu trúc của gen trong máy tính rồi. Theo những tin cuối cùng người ta hy vọng sẽ đọc mã được hết các gen của con người trong năm nay. Con người có khoảng từ 30 000 đến 35 000 gen, mỗi gen là một chuỗi ADN rất dài, trung bình khoảng 200 000 chữ. Vậy đọc mã được toàn bộ gen của con người tức là viết ra được 6 tỷ chữ, 12 tỷ bit. Đọc mã chưa phải là giải mã, nhưng người ta đã đi được vài bước đầu, tức là không phải hoàn toàn mù tịt về hoạt động và chức năng của một số gen. Phương pháp vẫn là nghiên cứu các sinh vật đơn giản, so sánh mã gen của các sinh vật khác nhau, hay của những mẫu khác nhau của cùng một loài sinh vật, suy đoán giữa khác biệt về gen và bệnh lý...

Đây mới là bước đầu, cũng như có CD của Hồng Nhung mà không biết làm sao làm máy nghe. Hay có một chương trình tin học rất lớn dưới dạng nhị nguyên mà không có tài liệu giải thích và cho biết cách dùng. Nhưng bước đầu này hứa hẹn những tiến bộ rất lớn trong sinh học và áp dụng trong y học nói riêng. Nhìn dưới góc độ tin học thì mỗi tế bào là một máy tính có 30 000 bộ xử lý chạy song song và cộng tác với nhau. Người ta sẽ có mã các chương trình của mỗi máy tính, không dài lắm, nhưng cũng chưa biết chi tiết chúng hoạt động ra sao. Tương lai còn nhiều khó khăn nhưng mang đầy hứa hẹn.

(còn tiếp)
Hàn Thủy

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ

Hàn Thuỷ

Phần 2 : đôi điều có lẽ

Kỳ trước đã điếm qua một số tiên bộ khoa học mà người ta hy vọng có thể đạt được trong tương lai gần, nhờ ở sự hội tụ giữa Sinh học và Tin học. Sự hội tụ này nhờ ở khả năng mô hình hoá của Tin học ngày càng cao, tấn công được vào những hiện tượng vô cùng phức tạp mà những nghiên cứu về sinh học càng đi sâu càng đặt ra nhiều. Những tiên bộ ấy nằm trong hai phạm trù nghiên cứu : khoa học về bộ não và di truyền học, với những thành công hiện đã manh nha, như mạng nơron, đọc và giải mã gen. ở đây chỉ bàn về những vấn đề liên hệ đến khoa học luận, vì báo chí đã nói quá nhiều trên những ứng dụng của tin học và sinh học. Những ứng dụng này có ảnh hưởng xã hội và kinh tế rất lớn, và không phải hoàn toàn chắc chắn là sẽ theo chiều hướng tốt. Chính vì thế lại càng cần thiết nắm bắt nội dung của các ngành nghiên cứu này.

Nhưng, để tiếp tục trình bày về những viễn tưởng xa, mênh mông... và manh mong... hơn, xin được phép nhìn chung cảnh quan từ điểm khởi đầu, theo người viết bài hiểu được. Cái nhìn khởi đầu đó là nhận thức rằng đối tượng của tư duy con người nằm trong ba thế giới : thế giới vật chất, thế giới của sự sống, và thế giới tư tưởng. Về quan điểm này người viết hoàn toàn đồng ý với Phan Huy Đường, trong cuốn *Penser librement* (xem giới thiệu trong Diễn Đàn số 99, 9.2000).

Nhưng nếu lối tiếp cận của tác giả, theo triết học duy vật biện chứng, là chất vấn những quan hệ của tư duy với ba thế giới đó một cách tổng thể, thì lối tiếp cận của các người nghiên cứu khoa học vẫn là tách bạch bản thân mình, chủ thể tư duy khoa học, và đối tượng tư duy, mặc dù phạm vi của đối tượng đó ngày càng rộng lớn và sâu xa. Mặc dù đối tượng tư duy khoa học có thể bao gồm sự sống và tư tưởng. Và phương pháp luận vẫn là chia nhỏ, khu biệt các vấn đề, đi từng bước, phân tích và tổng hợp, tìm kiếm sự đồng thuận tối đa qua lý thuyết và thực nghiệm.

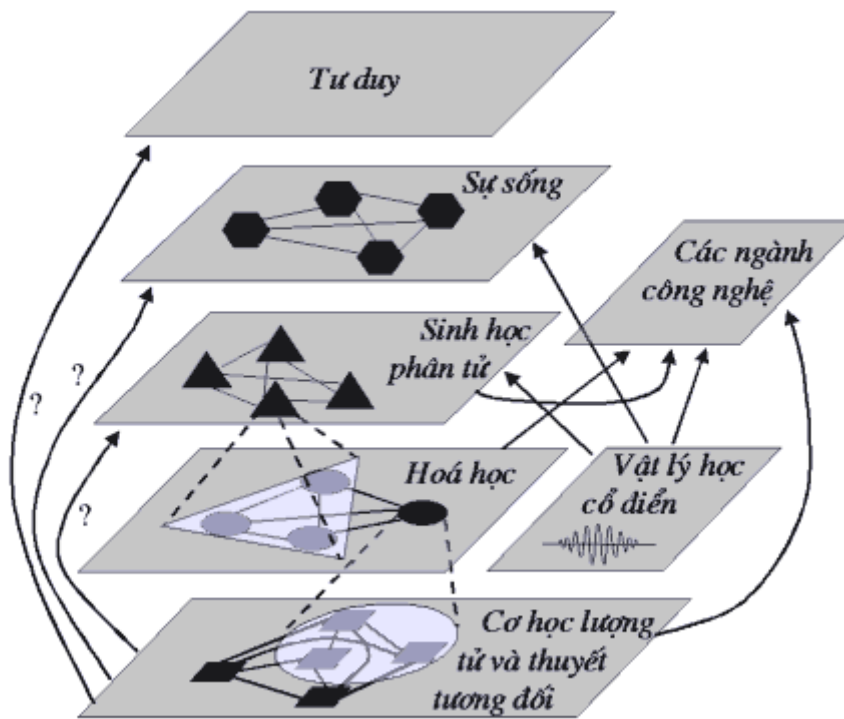
Từ những thành công cục bộ và cụ thể như đã nói kỳ trước, con người ngày nay đã trở lại những tham vọng cướp quyền tạc hoá đã có từ muôn thuở, với phần nào tự tin hơn, và với phương pháp chặt chẽ hơn. Vì những câu hỏi *tại sao ? như thế nào ?* không dấu được cái tham vọng *làm thế nào ?* nằm trong. Trong viễn cảnh nói tới ở đây, công việc là đi tìm cái cầu nối giữa thế giới vật chất và thế giới của sự sống, và tìm cách bắc cầu từ thế giới sự sống đến thế giới tư duy. Nói cách khác, như thế là đã đặt được hai câu hỏi cụ thể hơn : từ vật chất nảy ra sự sống như thế nào ? và từ sự sống nảy ra tư duy như thế nào ? Tuy về mặt thực nghiệm các câu hỏi này vẫn nằm trong hai phạm trù nghiên cứu : khoa học về bộ não, và sinh học phân tử, trong tương lai dĩ nhiên người ta sẽ dùng bất cứ phương pháp, lý thuyết, kết quả cụ thể nào của các ngành khoa học khác khi cần thiết.

Vậy sau khi xem xét về phương pháp luận của sự bắc cầu, sẽ xin điếm lại một vài dự phóng về hai khoa học trên. Rồi cuối cùng cũng không thể không nhắc tới những phê phán (gồm cả sự tự phê phán của các nhà khoa học) về bản thân việc áp dụng phương pháp khoa học trên những đối tượng như sự sống và tư duy.

1. Giảm thiểu

Hình 1 đi kèm dưới đây tượng trưng một cách giản lược hệ thống hiểu biết khoa học hiện nay. Hiểu biết được chia thành nhiều bình diện có trật tự trên dưới, tuy không phải là một trật tự tuyến tính. Càng ở phía dưới thì càng đơn giản và càng đi sâu vào những cấu tạo và cấu trúc cơ bản nhất của thế giới vật chất.

Hình 1 : Các tầng lớp của hiểu biết khoa học chính xác, tầng trên cùng là viễn cảnh.



Ở mỗi bình diện người ta nhận diện được những thực thể (entités) và nghiên cứu để nắm bắt được những quan hệ (relations) giữa những thực thể ấy. Trong hình vẽ, thực thể là các hình khối và quan hệ giữa chúng là những đường nối các hình khối. Như ta thấy ở đây, một thực thể ở bình diện trên có thể được giải thích như là một tập hợp những thực thể và quan hệ ở bình diện dưới. Thí dụ như thực thể nguyên tử của hoá học (và những tính chất của nó) có thể được giải thích bởi những hạt lượng tử đã kết cấu với nhau theo những quy luật nhất định của cơ học lượng tử. Các quan hệ ở bình diện trên cũng có thể được giải thích bởi những quan hệ ở bình diện dưới.

Nói như trên sợ bị hiểu nhầm là khoa học chính xác chỉ có một cái nhìn hoàn toàn tĩnh lặng về hiện thực. Dĩ nhiên không phải như vậy, khoa học chính xác cũng nghiên cứu sự thay đổi trong tính chất của các thực thể và trong quan hệ của chúng. Và chính sự thay đổi và các quy luật thay đổi này mới là những điều đáng chú ý. Sau đây xin gọi chung những sự vật, quan hệ, biến đổi... mà khoa học khảo sát ở mỗi bình diện là những hiện tượng. Và phương pháp luận đi tìm những giải thích của một hiện tượng ở bình diện cao bằng những hiện tượng ở bình diện thấp hơn được gọi là phương pháp "giảm thiểu" (reductionisme).

Giảm thiểu là gì : khi một hiện tượng hay quy luật ở một bình diện cao được phát hiện (thường là trong quá khứ), người ta có khuynh hướng cho rằng đó là một quy luật "trời cho", nó là như thế, không có gì để giải thích cả. Nhưng như thế thì tích tụ lại càng ngày trời cho càng nhiều, khó nhớ ; và vì chúng có vẻ như độc lập với nhau, khó áp dụng linh hoạt. Vì thế nghiên cứu khoa học là tìm ra trong các quy luật đó một số ít quy luật ở bình diện cơ bản hơn, để có thể từ đó suy ra nhiều quy luật thực nghiệm ở bình diện đời thường, đưa tới sự thống nhất và nhất quán của khoa học tự nhiên qua tác động hai chiều, phân tích từ trên xuống và tổng hợp từ dưới lên.

Thí dụ quy luật nổi tiếng mà Archimède (thế kỷ thứ ba trước tây lịch) trong một phút xuất thần đã phát hiện : *mọi vật khi nhúng xuống chất lỏng thì bị đẩy lên bằng một sức đẩy ngang với số chất lỏng được chứa trong thể tích mà nó chiếm chỗ*. Cho tới thời khoa học cổ điển của thế kỷ 17 không ai tìm cách giải

thích định luật ấy cả, nó là như thế, và nó bao giờ cũng đúng. Hoặc giả nếu ta đặt lại mình vào thời cổ đại chắc cũng có thể nghĩ như sau : *chiếm chỗ của nó thì bị nó đẩy là tự nhiên, càng chiếm nhiều chỗ thì càng bị đẩy mạnh*. Nhưng tại sao lại *đẩy lên*, mà không *đẩy ra*, hay *đẩy xuống* ?

Với những hiểu biết cơ học và hoá học hiện nay, thì một em học sinh tú tài có thể giải thích được định luật Archimède theo phương pháp giảm thiểu : Lực đẩy là do tác dụng tổng hợp của các phân tử trong chất lỏng khi va chạm vào vật thể (A) bị nhấn chìm mà thành. Làm sao tính toán được tác dụng ấy ? nếu đi vào phân tích thì sẽ bị khó khăn, nhưng em học sinh có thể lý luận khôn khéo như sau : thí dụ ta cũng nhận chìm một vật thể khác (B) giống hệt vật thể ấy (A), nhưng có một vỏ bọc rất mỏng, tác dụng không đáng kể, và chứa cùng chất lỏng của môi trường bên ngoài. Hiển nhiên là (B) chịu một lực tổng hợp bằng không, vì nếu không chất lỏng trong bình sẽ phải lưu chuyển theo một chiều hướng nhất định. Vậy thì (B) chịu một sức đẩy bằng trọng lượng của nó và ngược chiều (tức là đẩy lên). Và vì (B) giống hệt (A) nên (A) cũng chịu sức đẩy đó. *Vậy thì, thưa thầy, em đã chứng minh được định luật Archimède*. Cũng cùng điểm khởi đầu đó, rằng vật chất ở thể khí và thể lỏng được tập hợp bởi các phân tử luôn luôn va chạm vào nhau trong khoảng không, người ta có thể giải thích tại sao trong cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất thì số phân tử của các khí khác nhau lại bằng nhau (số Avogadro), hay là tại sao khi trộn lẫn hai chất lỏng khác nhau thì thể tích dung dịch lại có thể nhỏ hơn hai thể tích khi tách rời cộng lại. Ba chuyện đời thường tưởng như chẳng ăn nhập gì với nhau.

2. Tân xuất và giảm thiểu

Nhưng cũng có những người cho rằng có những hiện tượng không thể được giải thích sâu hơn mà là những quy luật riêng của bình diện trên, "tổng thể lớn hơn các thành phần cộng lại". Đó là hiện tượng "emergence": có một cái gì mới mẻ xuất hiện ở bình diện cao hơn mà ta không thể giải thích bằng những khái niệm dùng ở bình diện thấp hơn. ở đây xin tạm dịch hai chữ "phénomène émergent" trong nghĩa này là "hiện tượng tân xuất". Trên thực tế, trước kia người ta công nhận : nước có những đặc tính mà khinh khí và dưỡng khí đứng riêng là không có, bởi vậy phải nghiên cứu, thực nghiệm và suy luận ngay trên đối tượng là nước chứ không phải chỉ nghiên cứu dưỡng khí và khinh khí là có thể *suy ra* những đặc tính của nước. Nhưng hiện nay, với cơ học lượng tử, người ta tin rằng *có thể* làm việc này, tuy rằng những phương trình cần giải quyết là hết sức phức tạp, và trên thực tế người ta vẫn cần đến khái niệm nước và những đặc tính của nó, dù chỉ để nói chuyện với nhau cho ngắn gọn. Tuy nhiên phải nói thêm là trong công việc *suy ra* nói trên không phải chỉ có tính toán, người ta có thể đi một con đường thô thiển hơn nhưng cũng có hiệu quả trước mắt hơn, đó là sử dụng những phương tiện rất mạnh của tin học để mô hình hoá và mô phỏng một cách gần đúng phân tử nước.

Như vậy quan niệm về các hiện tượng tân xuất vẫn rất cần thiết, không những thế một hiện tượng tân xuất còn đặt ra thêm công việc cho công tác khoa học : áp dụng tiến trình giảm thiểu vào hiện tượng này để hiểu rõ nó sâu sắc hơn, và biết đâu, có thể đi đến phủ định hay hoàn chỉnh một khía cạnh nào đó của các quy luật cơ bản.

Những bàn cãi về sự đối lập giữa tân xuất và giảm thiểu là rất lý thú, và có liên hệ mật thiết đến những vấn đề trong khoa học luận về sự phức tạp nói chung, và sinh học nói riêng.

Trở lại **Hình 1** ở trên, ta thấy ở tầng cơ bản nhất là hai lý thuyết về bản thể của vũ trụ : thuyết tương đối và thuyết lượng tử, hai thuyết này hiện nay coi như giải thích được tất cả các hiện tượng của đời thường. Nhưng có phải vì thế mà có thể bỏ qua hai ngành khoa học là hoá học và vật lý học cổ điển như chúng ta vẫn học ? Dĩ nhiên là không, để mô tả và khảo sát các thực thể của đời thường thì hai ngành học này vẫn có những giá trị không thể bỏ qua. Người làm sinh học phân tử có thể không cần biết đến cơ học lượng tử nhưng không thể không nắm vững hoá học. Tương tự như vậy, người làm công nghệ nói chung cũng có thể chỉ cần nắm vững hoá học và vật lý học cổ điển.

Vậy đặc điểm nào cho phép một bình diện trung gian là cần thiết ? Dĩ nhiên là những thực thể và quan hệ nằm trong bình diện đó phải đủ bền vững trong phạm vi nghiên cứu thích hợp. Thứ hai là những quy luật tự nhiên trong bình diện ấy cũng phải được phát biểu bằng những khái niệm của chính nó. Bởi thế trong

quá khứ chúng đã là những ngành học gần như độc lập. Và có trước các ngành vật lý học cơ bản mà hiện nay làm nền tảng cho nó.

Điều này có ý nghĩa gì ? Trước hết là vì trong quá khứ các ngành khoa học cổ điển đã có một hệ thống khái niệm và ngôn ngữ riêng, nhất quán và tự đầy đủ trong phạm vi nghiên cứu của nó. Nhưng với thời gian các hiện tượng mới được phát hiện, và những khái niệm, quy luật, ngôn ngữ riêng của bình diện đó đã trở nên không đủ để giải thích hết mọi hiện tượng. Vì nếu chúng là đầy đủ thì có lẽ chẳng bao giờ người ta lại cần tìm hiểu sâu hơn. Đó là giai đoạn sau. Nhưng như thế không phải là loại bỏ nền tảng cũ mà là làm cho nó giàu hơn lên. Chẳng hạn, khi cơ học lượng tử đi sâu hơn để thành lập nền tảng vững chắc và đầy đủ hơn cho hoá học, thì không phải là loại bỏ bình diện hoá học, mà chính lại làm cho nó giàu có hơn bằng những vật chất và hiện tượng mới, phát biểu được bằng ngôn ngữ của hoá học cổ điển được sửa chữa để trở nên tinh tế hơn.

Quan hệ qua lại giữa hai bình diện hoá học và sinh học phân tử cũng tương tự.

Nhưng vấn đề lý thú đặt ra ở đây là quan hệ giữa *ba* bình diện : Những dấu chấm hỏi trong các mũi tên phía trái của **Hình 1** muốn nêu lên vấn đề sau : vậy hoá học, với những khái niệm, thực thể, quan hệ của nó... có thể làm nền tảng để *giải thích* toàn bộ toàn bộ sinh học phân tử không ? ở đây dùng chữ *giải thích* chứ không dùng chữ *hiểu*, vì muốn *hiểu* cũng cần ngắn gọn, tức là không chỉ cần dùng ngôn ngữ, khái niệm riêng của sinh học mà còn nghiên cứu và thực nghiệm trên những thực thể sinh học. Vấn đề ở đây phức tạp hơn nhưng tương tự như bài toán với nước, dưỡng khí và khinh khí ; trên nguyên tắc có thể quan niệm là khi muốn phân tích sâu hơn thì mỗi hiện tượng sinh học có thể được giải thích bằng hoá học, nếu hoá học là một tầng lớp trung gian đầy đủ. *Trừ phi là không*, nghĩa là có các hiện tượng lượng tử tác động một cách ma quái nào đó lên các hiện tượng quan sát được ở mức độ sinh học phân tử, mà không thông qua những hiện tượng trung gian của hoá học như nguyên tử và phân tử.

Tại sao không như thế ? Và nếu lấy thí dụ ở các ngành khác thì có những hiện tượng đời thường trong cõi vô sinh là không thể giải thích được bằng cơ học cổ điển, dù cho chấp nhận chỉ gần đúng thôi ; hơn thế nữa, người ta không thể chế tạo được nhiều vật liệu hiện nay nếu không trực tiếp ứng dụng cơ học lượng tử, không chỉ thông qua những quy luật của hoá học và cơ học cổ điển. Câu hỏi càng trở nên thích thú khi ta đặt vấn đề tương tự cho bình diện tư duy.

3. Từ vô sinh đến hữu sinh và công nghệ sinh học

Thế nào là sự sống ? Ngoại trừ thi sĩ : "*ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*" chắc ai cũng có thể nói được là sỏi đá là vô sinh, yên nhiên tự tại, chẳng cần ai cả. Nhưng sỏi đá khác một sinh vật ở chỗ nào ? nói chung những bài học vỡ lòng về sinh vật học bảo rằng có thể gọi một thực thể là sinh vật khi chúng có ít nhất ba đặc tính : 1) có tiêu thụ (và sa thải) vật chất và năng lượng ; 2) có tăng trưởng ; và 3) có sinh sản ; và tự thực hiện những đặc tính đó trong một môi trường thích hợp ; có lẽ trong đó *tự sinh sản* là đặc điểm chủ yếu nhất. Chẳng thế mà chữ "sinh" được dùng để phân chia hai thế giới.

Nhưng tự sinh sản là một cái vòng luẩn quẩn : quả trứng và con gà. Và chúng ta đã biết, để phá vỡ cái vòng luẩn quẩn đó là cả mấy nghìn năm suy luận, quan sát và thực nghiệm.

Aristote cho rằng trong mọi vật đều hàm chứa một *nguyên lý tĩnh, principe passif*, đó là vật chất (matière), khi gặp một *nguyên lý động, principe actif*, tức là hình thể (forme) trong điều kiện thích hợp thì nảy sinh sự sống. Nguyên lý động là cái gì rất trừu tượng, một *khả năng* làm cho vật chất nảy sinh. Con người phương Tây bằng lòng với cách giải thích đó cho tới thời hiện đại từ nửa sau thế kỷ 16. Nhưng từ đó cũng còn cãi nhau chán chê mới bỏ được cái tên đôi mới của *principe actif* tức là *principe vital, nguyên lý sự sống*, cũng chẳng khác gì. Vì tựu trung như thế vẫn bảo vệ quan niệm : sự sống (của một sinh vật) là tự nhiên xuất hiện. Cho tới những thí nghiệm của Pasteur thì nói chung mọi người mới công nhận : sự sống là do sự sống mà ra, còn trước đó ? thì do đấng tối cao sáng tạo muôn loài. Từ một quan niệm vô thần và siêu hình sang tới một quan niệm cũng vẫn siêu hình, nhưng hữu thần, tuy nhiên phù hợp hơn với quan sát và thực nghiệm khoa học trong một khoảng thời gian ngắn.

Đến giữa thế kỷ 19 với Darwin người ta mới thực sự chấp nhận đồng ý rằng sự sống có thể từ vô sinh mà ra, rồi tiến hoá trong một thời gian dài hàng tỷ năm mới thành ra muôn loài như hiện nay. Như thế đặt ra hai khẳng định : trong những điều kiện thích hợp các chất hữu cơ dần dần trở nên phức tạp, và đến một lúc nào đó có thể *tân xuất* một thực thể hữu cơ có khả năng tự sinh sản, sinh vật ; và đến lúc nào đó thì trong quần thể sinh vật đó lại *tân xuất* một quần thể sinh vật khác phức tạp hơn. Người ta có thể tự bằng lòng với một lý thuyết chung chung như vậy, vì giải thích một cách khoa học những bước nhảy vọt là rất khó. Không tránh được phải đưa vào những yếu tố ngẫu nhiên, nhưng sự ngẫu nhiên có thể được mô phỏng bằng tin học. Ngoài ra tính toán những đặc tính của các phân tử hữu cơ phức tạp hơn hàng nghìn lần phân tử nước là một điều không thể giải bằng những phương trình chính xác được. Người ta lại vẫn phải dùng phương pháp mô hình hoá và mô phỏng bằng tin học. Trên thực tế hiện nay trong các phòng bào chế dược phẩm lớn người ta đã dùng máy tính và phương pháp mô phỏng để tiên đoán đặc tính của những phân tử hữu cơ mới mà họ muốn tổng hợp.

Nói chung hiện nay lý thuyết tân Darwin, trong đó sự phân hoá dựa trên đột biến của các gen, và sau đó thì mới tới sự tồn tại của các sinh vật mới thích hợp nhất với môi trường, gần như được đồng thuận trong các nhà sinh vật học. Và đúng là sự đột biến đó là ngẫu nhiên do các gen bị biến đổi bởi tác động của các hạt lượng tử. Thế thì sự tân xuất cũng có thể được giải thích bởi phương pháp giảm thiểu với điều kiện sử dụng những khái niệm ở tầng cơ bản nhất. Và bản thân những khái niệm của cơ học lượng tử lại hàm chứa hiện tượng ngẫu nhiên như một thuộc tính cơ bản của thế giới vật chất.

Vậy phải chăng có nghĩa là con người không có khả năng tác động lên các sinh vật hay sáng tạo ra các sinh vật mới ?

Câu trả lời tùy thuộc thế nào là tác động, và thế nào là sáng tạo. Đúng là làm lại như tạo hoá bằng một quá trình hàng tỷ năm thì con người không có điều kiện, nhưng còn biến chế, tổ hợp lại trên cơ sở những chất liệu đã có sẵn, thì tại sao không ? Và thực chất là công nghệ sinh học đang làm chuyện đó. Hiện nay còn ở mức thủ công mò mẫm vì người ta còn chưa hiểu hết tác động tổng hợp của các gen, cũng như tác động của môi trường chung quanh lên trên sự phát triển phôi, vì vấn đề còn rất phức tạp. Ngăn chặn một con virút như virút SIDA còn chưa xong, huống hồ. Nhưng có thể nói là những nghiên cứu về vi sinh vật sẽ có những tiến bộ rất lớn, với tiềm năng nguy hiểm cũng rất lớn. Những thực vật và sinh vật với gen được cải tạo thì đã có rồi, tiềm năng hứa hẹn cũng như nguy hiểm tiềm tàng đã thành vấn đề thời sự.

Còn liệu trong vài thập kỷ hay vài thế kỷ tới liệu người ta có thể sản xuất ra được những Frankenstein ? chưa thể nói. Vấn đề đặt ra một cách ngông cuồng là như sau : liệu có thể tác động lên gen để từ đó làm thành các siêu nhân hay siêu quái vật, như ý muốn. Như thế có nghĩa là đã nắm vững được toàn bộ quá trình phát triển từ *đặc thái di truyền (génotype)* tới *đặc thái hiện tượng (phénotype)* trong một môi trường tăng trưởng nhất định. Dĩ nhiên người ta sẽ bắt đầu bằng các sinh vật rất giản dị, chỉ có một số rất ít noron, còn với những sinh vật phức tạp hơn thì hoạt động của bộ não còn chưa hiểu, nói chi đến điều khiển gen để cuối cùng có được bộ não như ý muốn. Có lẽ trong nhiều thập kỷ nữa nghiên cứu về bộ não, kết hợp với nghiên cứu về trí năng nhân tạo còn là một ngành độc lập với sinh học phân tử và di truyền.

(còn tiếp)

(trang 1)

(trang 2)

(trang 3)

Hàn Thuỷ

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ

Hàn Thuỷ

4. Bộ não con người và điện não

Chữ *điện não bộ*, nếu người viết không nhớ sai, được dùng ở Trung Quốc để dịch chữ *computer* (Anh, Mỹ) hay *ordinateur* (Pháp), mà miền Nam ngày xưa gọi là *máy điện toán*, ngày nay phổ biến trong nước là *máy tính điện tử* (MTĐT). Khi dùng lại chữ *điện não* trong tiểu tựa người viết không có ý đồ bàn về thuật ngữ, mà chỉ vì nó thích hợp với khung cảnh của bài. Thật vậy, khi MTĐT mới ra đời, người ta hỏi nghĩ rằng nó sẽ thay thế cho bộ óc con người (gọi là *sinh não* cho gọn), nên trên báo chí tại Âu Mỹ cũng đã thấy dùng những chữ như : *cerveau electronique, electronic brain...* Tuy rằng đó chưa bao giờ là những thuật ngữ chính thức của các nhà tiên phong về tin học, đa số trong họ đều tin vào khả năng thay thế *sinh não* bằng *điện não* trong tương lai. Các nghiên cứu trong chiều hướng đó chưa bao giờ bị gián đoạn, nhưng hiện nay chúng ta đều biết tác dụng kinh tế xã hội rất to lớn của tin học không phải ở chỗ nó đã thay thế được tư duy của con người, mà ở chỗ nó trở thành một công cụ hỗ trợ rất hữu hiệu. Trên thực tế sử dụng đại trà hiện nay, MTĐT cơ bản chỉ làm được hai chuyện, một là tính toán với vận tốc hàng tỷ phép tính một giây, và hai là lưu trữ và tìm kiếm thông tin nhanh từ phần nghìn giây đến vài giây, trong một khối lượng thông tin rất lớn ; và với sự bùng nổ của Internet những thông tin đó có thể nắm bắt cứ đâu trên toàn cầu. Còn những chuyện rất đơn giản với sinh não, như nhận ra ngay một gương mặt quen biết, thì MTĐT lại chưa làm được chuẩn xác và nhanh bằng.

Phải chăng quan hệ giữa điện não và sinh não cũng như giữa con chim và chiếc máy bay ? Ước mơ bay bổng của con người, từ Icare buộc cánh chim vào tay, qua những chiếc máy (không) bay đầu tiên có cánh vỗ giống hình chim, chỉ thành hiện thực với các máy bay có cánh cố định, không vỗ, không có chức năng động cơ. Chúng đã không còn gì là bất chước con chim nữa, chúng chỉ làm được một chuyện là vận tải đường không, nhưng làm tốt hơn thiên nhiên rất nhiều, chở hàng trăm người xuyên đại dương trong vài giờ.

Sự so sánh trên có phần đúng về hiện tượng, nhưng như thế là bỏ qua một khía cạnh có tính bản chất : các công cụ nhân tạo như xe hơi, máy bay... là các sản phẩm vật chất được quan niệm và chế tạo cho một mục đích nhất định, còn *MTĐT là một công cụ trừu tượng vạn năng*. Trừu tượng, vì điều quan trọng trong MTĐT không phải là cái hộp đựng bộ vi xử lý và ổ đĩa, cộng bàn phím và màn hình, mà là những chương trình nằm trong bộ nhớ của máy ; và chương trình cũng chỉ là một chuỗi chữ viết mà thôi. Và vạn năng, vì khi người ta thay đổi chương trình thì khả năng của MTĐT cũng thay đổi.

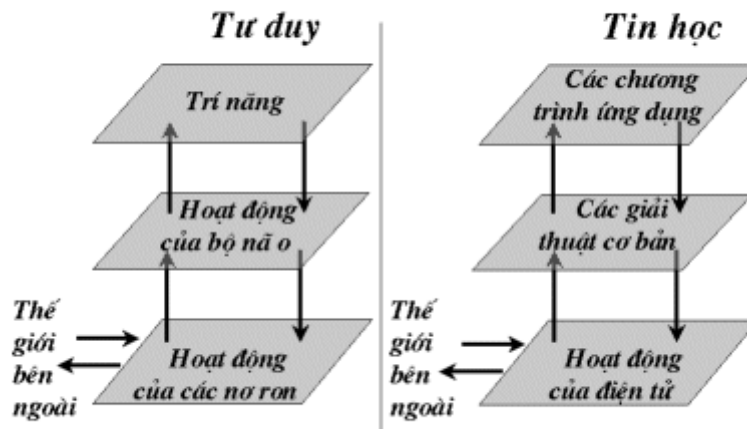
- " Tôi phản đối, nói như vậy có thể bảo đó là *đa năng* chứ chưa phải là *vạn năng* ".

- Vâng, đúng là *có thể làm nhiều việc* khác với *có thể làm mọi việc*. Nhưng thực ra MTĐT vẫn là vạn năng, theo một cách hiểu " chuyên môn " hơn : bất cứ điều gì có thể được *mô tả hoàn toàn đầy đủ và chính xác* thì có thể viết chương trình giao cho nó thực hiện ; dĩ nhiên với hai hạn chế : thời gian nó làm nhiệm vụ không thể bằng không (trên thực tế với sức máy hiện nay thì đây không còn là vấn đề), và để thực hiện những nhiệm vụ có ảnh hưởng vật chất tức thời thì cần cho nó những bộ phận cơ khí và điện tử vào-ra thích hợp để đóng vai trò tai mắt và chân tay. Hiện đã có hàng tỷ bộ vi xử lý làm những công việc như vậy trong máy bay, xe hơi, máy ảnh... và khi đó nó trở thành một bộ phận trong những công cụ chuyên dụng như những công cụ chuyên dụng khác, nhưng mềm dẻo, dễ dùng và rẻ hơn.

Xin mở ngoặc về dòng chữ *mô tả hoàn toàn đầy đủ và chính xác*, đây chính là cốt lõi trong việc ứng dụng tin học trong mọi vấn đề, và đây là khâu của con người, nó quyết định phần lớn sự thành bại trong một đề án tin học hoá. Đó là chuyện thường ngày, nó giải thích tại sao các chuyên gia tin học là những người rất " ma nhắc ", hoạnh hoệ tí mĩ đủ mọi thứ chuyện mỗi khi cần đến họ. Vì như có người nói " con quỷ nằm trong các chi tiết ", có cái gì không chạy mà lại hỏi chuyên gia cây nhà lá vườn, thí dụ như " tại sao máy

tôi nó không chịu in... " là sẽ bị hỏi lại : " anh đã làm thế nào ? ... " vì nếu không biết đủ chi tiết thì không thể đối diện cái MTĐT, trong mọi trường hợp từ nhỏ đến lớn.

Trở lại việc so sánh sinh não và điện não. Trong hình 2 dưới đây, bình diện tư duy của hình 1 trong bài trước được phân tích chi tiết hơn thành ba bình diện : trí năng, hoạt động của bộ não, và hoạt động của nơ ron. Dĩ nhiên với sự phức tạp của tư duy thì phân chia tuyến tính như thế rất là đại khái, đây không phải là một giải thích khoa học, mà chỉ là những cái mốc đề bàn luận và so sánh mà thôi. Bên cạnh là hình vẽ tương tự cho tin học.



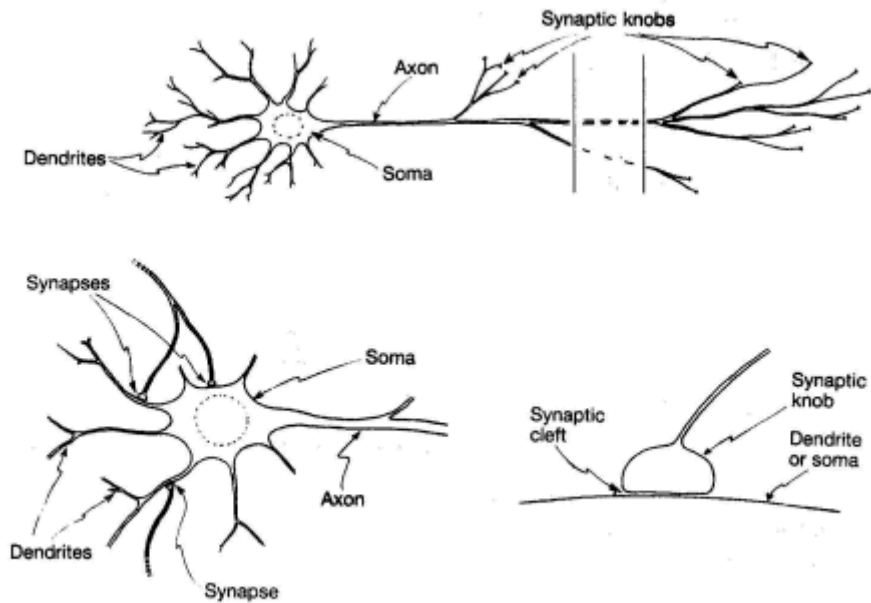
Hình 2 : Các tầng lớp trong hoạt động tư duy và của các hệ thống Tin học.

Tương ứng với các chương trình ứng dụng tin học chỉ xin đề một chữ *trí năng* mà thôi, vì tuy hoạt động tư duy của con người còn nhiều mặt khác, tất cả những gì máy tính làm được cho đến nay chắc là chưa đầy một chữ *trí năng* này. Còn những nghiên cứu để dùng tin học mô phỏng các chuyện khác như trực giác, sáng tạo... sẽ xin được nói sau. ở đây có vài dòng về thuật ngữ *trí tuệ nhân tạo* đã được dùng quen, theo thiên ý nên sửa lại là *trí năng nhân tạo* (theo đề nghị của giáo sư Hồ Thuần ở Việt Nam), vì trong *trí tuệ* có *tuệ giác*, một khái niệm của duy thức học Phật giáo khác hẳn, nếu không nói là đối lập với, tư duy thuần lý ; điều mà máy tính hoàn toàn chưa có (cũng vì tuệ giác là cái gì chưa mô tả được hoàn toàn đầy đủ và rõ ràng ! chỉ có thể bản thân mỗi người thể nghiệm mà thôi).

Trong bình diện tương đương với những hoạt động khác nhau của bộ não mà hiện nay người ta đã có một số hiểu biết, như nghe, nhìn, vận dụng ngôn ngữ... có thể sắp đặt một số những giải thuật và cấu trúc có tính cơ bản và tổng quát của tin học. Và bình diện cuối cùng đặt ngang hàng hai công cụ nhỏ nhất từ đó xây dựng các bình diện trên : nơ ron của sinh não và các mạch điện tử của điện não. Sau đây xin đi vào chi tiết từ dưới lên trên, qua đó ta có thể tóm tắt một số kết quả và vấn đề tương lai của công việc nghiên cứu hội tụ tin học - sinh học.

4.1. Nơ ron và transistor

Hai hình vẽ 3 và 4 là loại có trong nhiều sách báo phổ biến khoa học vì chúng đem lại những thông tin đã vững chắc từ khoảng vài chục năm nay. Hình 3 cho thấy sự cấu tạo và hoạt động của nơ ron, và hình 4 biểu diễn một trong vài hàm logic cơ bản nhất dùng trong MTĐT.



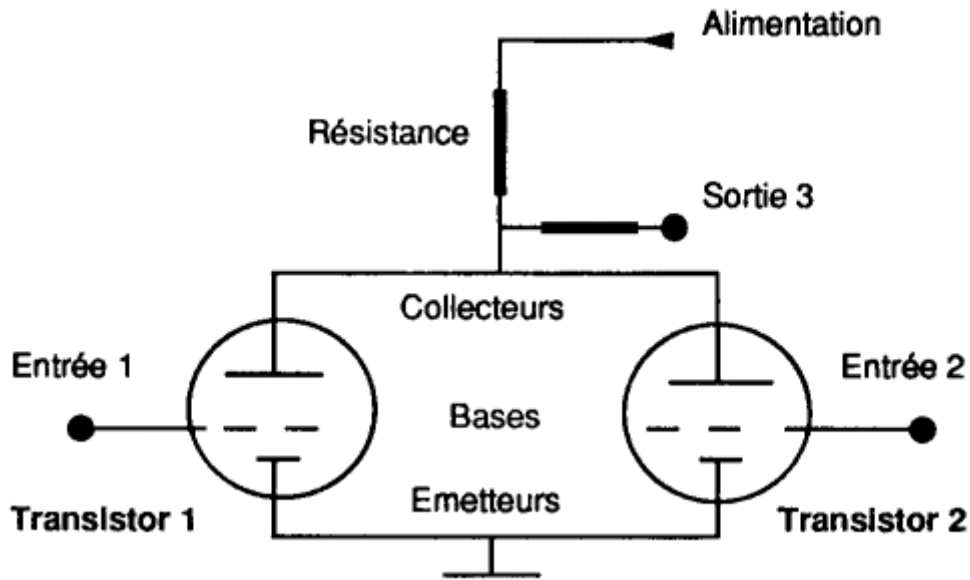
Hình 3 : Cấu trúc nơ ron và chi tiết. Theo " The emperor's new mind", Roger Penrose ; nxb Oxford University, 1990.

Mỗi nơ ron là một tế bào, có màng bao bọc và hạt nhân nằm trong, nhưng thay vì chỉ có một màng bao bọc "nhấn", màng nơ ron được gắn với nhiều dây tua ra gọi là *dendrites* (thượng nguồn) và một sợi *axon* (sợi thần kinh) mảnh dẻ vài micron, nhưng dài có khi đến vài chục cm, axon cũng kết thúc bằng một chùm *dendrites* (hạ nguồn), phần thân tế bào và hạt nhân còn được gọi là *soma*. *Dendrites* của một số nơ ron có thể được gắn với bắp thịt và các giác quan, nhưng phần lớn hơn là để nối các nơ ron với nhau, điểm nối này gọi là *synapse* (synaptic knob). Đa số các nơ ron chỉ nối với các nơ ron khác mà không có liên hệ với "bên ngoài", các *dendrites* của axon nối với các *dendrites* của soma hay nối thẳng vào soma.

Có thể coi nơ ron như một cơ chế xử lý thông tin. Nơ ron hoạt động như sau : Tín hiệu được truyền đi từ soma, qua axone, *dendrites* hạ nguồn, tới các *synapses* gắn với các nơ ron khác, vận tốc truyền vào khoảng vài trăm mét một giây, và soma hoạt động theo nhịp, mỗi giây có thể truyền đi khoảng từ 1 tới 1000 xung tín hiệu, nhịp điệu này tùy theo loại nơ ron và trạng thái hoạt động của bộ não như thức, ngủ... Nói tín hiệu được truyền đi theo nhịp nghĩa là axon có thể truyền một trong hai trạng thái đơn giản nhất, "có" và "không", tùy theo soma có bị kích thích hay không, nếu đúng nhịp mà không có một chất hoá học đặc biệt gọi là *neurotransmetteur* truyền qua các *synapse* tới các nơ ron khác, thì có nghĩa là không. Chất *neurotransmetteur* được chế tạo tại chỗ chứ không phải là được truyền qua axon và *dendrite*, cái được truyền đi là một loại tín hiệu hoá-điện rất chậm so với vận tốc truyền điện trong dây đồng.

Vậy khi nào thì soma bị kích thích ? điều này tùy thuộc các *dendrites* thượng nguồn của nó có thu thập (từ các nơ ron khác qua các *synapses*, hay từ các giác quan) đủ các chất hoá học truyền tới nó hay không. Và như thế là ta có hơn một trăm tỷ bộ máy "xử lý thông tin" đơn giản và có cơ chế hoạt động giống nhau, nối chằng chịt với nhau để hợp thành sinh não.

Theo như mô tả ở trên thật không có gì hoàn toàn tương đương trong các cấu phần cơ bản của sinh não và điện não, nhưng về chức năng thì tương đương : tín hiệu được truyền đi hay không truyền đi, theo nhịp điệu. Mạch vẽ trong hình 4 cũng có thể coi như một nơ ron rất đơn giản, chỉ có hai đầu vào và một đầu ra, đầu ra được kích thích và truyền đi tín hiệu khi cả hai đầu vào đều có tín hiệu. Mạch này hoạt động như sau : Khi không có tín hiệu thì các transistors dẫn điện, và vì điện trở của nó khi đó rất nhỏ so với điện trở dẫn tới đầu ra (3), cho nên chỉ cần một trong hai đầu vào (1) hay (2) không có tín hiệu là coi như điện chạy xuống, và không có điện ở đầu ra. Ngược lại chỉ khi cả hai đầu vào có tín hiệu, nghĩa là cả hai transistor đều ngắt điện, thì khi ấy điện mới chạy tới đầu ra, thành tín hiệu.



Hình 4 : Mạch logic "Và" (AND). Theo " Les nouvelles frontières de la connaissance ", André Rousset, nxb ellipses ; 1993.

Thật đơn giản, quá đơn giản. Nhưng vì thế mà hiện nay nhịp hoạt động của nó lên tới hàng tỷ lần mỗi giây. Một bên thì rất nhiều đầu vào đầu ra (có thể tới số nghìn) và rất chậm còn một bên thì rất ít vào ra, nhưng rất nhanh. Mặt khác người ta đã chứng minh được rằng chỉ bằng cách ghép nối khéo léo các mạch "Và" như trong hình 4 với nhau là có thể thực hiện được tất cả các chức năng phức tạp khác của việc xử lý thông tin, trên thực tế các linh kiện điện tử cũng được cấu tạo như vậy, nhưng từ một mạch cơ bản khác, do tiện lợi hơn.

Từ đó có thể chắc chắn rằng sinh não không cần gì khác ngoài tổ hợp các nơ ron để có đủ chức năng xử lý thông tin vạn năng. Nhưng, ngoài câu hỏi sinh não có những chức năng nào khác không ? ít ra còn hai điểm khác nhau lớn cần nói tới giữa nơ ron và mạch điện tử của MTĐT. Một là, chức năng ghi nhớ của sinh não hoàn toàn khác với chức năng ghi nhớ của điện não, và người ta chưa hiểu hết cơ chế ghi nhớ của sinh não. Điều người ta biết qua thực nghiệm là các synapses không giống nhau, với thời gian và qua tần số các xung tín hiệu truyền qua nó, một synapse có thể trở thành rất nhạy bén (gắn chặt hai nơ ron với nhau) hoặc rất lỏng lẻo, lâu không dùng thành ra càng khó kích động trở lại. Như thế người ta nghĩ rằng chức năng ghi nhớ của sinh não được thể hiện một cách tổng hợp b(những cấu hình liên lạc với nhau chặt chẽ hay lỏng lẻo của một số nơ ron, chứ không hề có một nơi nào đó ghi lại một thông tin đơn giản như một bit của điện não. Và hai là, độ tin cậy trong hoạt động của sinh não cũng phải được nhìn dưới góc độ hoàn toàn khác, và điều này cũng do tính chất của các xung tín hiệu, chức năng ghi nhớ và synapse. Một mặt các xung tín hiệu đến các synapse không phải là hoặc có hoặc không như trên đã đơn giản hoá, nó có thể mạnh hay yếu, và synapse có thể ví như cánh cửa hoặc trơn tru dầu mỡ rất dễ mở, hoặc lâu ngày rỉ sét kẹt cứng. Như thế nơ ron về thực chất giống như một cơ chế xử lý thông tin tương tự (một loại máy tính đặc biệt đã lỗi thời trong đó hàm số liên hệ đầu vào và đầu ra được mô hình bằng các một mạng các vật thể điện tử biến thiên liên tục chứ không thông qua khâu số thức hoá) rất không chính xác, hơn là một cơ chế số thức, mỗi lần hoạt động nó lại có tính chất hơi khác trước chứ không phải như một là một, không là không. Mặt khác hoạt động tổng thể của sinh não lại có độ tin cậy khá cao do việc bao giờ cũng nhiều nơ ron tham dự song song vào một chức năng. Thật là một sai lầm rất ấu trĩ nếu trong các suy luận về hoạt động tư duy của con người lại lấy cái MTĐT làm mô hình, như có khi ta đọc được ở đâu đó.

Thế thì ngược lại, có thể lấy sinh não làm mô hình cho điện não không ? có thể viết chương trình hay cấu tạo các mạch số thức để cho MTĐT hoạt động giống như một tập hợp nơ ron không ? lại phải tụng cái câu thần chú của người làm tin học : có thể được, nếu mô tả những hoạt động ấy được một cách đầy đủ và rõ ràng. Nhưng ở đây cần tương đối hoá bớt đi câu ấy, vì như đã viết trong một lần trước, quá trình hội tụ giữa tin học và sinh học, cũng như quá trình hợp tác giữa tin học và các ngành ứng dụng khác, là một vòng xoắn đi lên. Mô tả và mô hình có thể và cần tương tác với nhau để càng ngày càng đầy đủ và rõ

ràng. Mạng nơ ron là một lối đi theo hướng ấy, người ta đã thử nghiệm tương đối thành công và hữu ích những mạng nơ ron nhỏ (chắc chưa đến số nghìn) nối với nhau theo kiểu " mờ ", không phải 1 hay 0 mà một trị số nào đó ở giữa.

4.2. Những vấn đề còn lại

Mô hình hoá một số ít nơ ron thì có khả năng được, nhưng mô hình hoá bộ não thì chưa. Khó khăn không phải vì một sự khác biệt khá cơ bản : một bên chỉ có một (vài) bộ xử lý phức tạp hoạt động và một bên là hàng trăm tỷ bộ xử lý đơn giản hoạt động song song, vì với vận tốc nhanh hơn hàng chục triệu lần của điện tử so với nơ ron người ta sẽ có thể mô phỏng sự song song bằng sự tuần tự. Có lẽ khó khăn chủ yếu vì sự mô tả bộ sinh não quá phức tạp hiện nay còn quá mù mờ.

Đến đây chúng ta đi vào một vùng sương khói mịt mù, chưa thể gọi là lý luận khoa học kinh điển hoàn chỉnh được mà chỉ có thể nói là những ước đoán của các nhà khoa học mà thôi. Do đó mặc dù ở trên đã phân biệt các bình diện trí năng và hoạt động bộ não, không thể trình bày riêng biệt hai bình diện đó. Hiểu biết về bình diện ở giữa chính là hiểu biết về tính cách bắc cầu giữa những khái niệm trừu tượng về tư duy con người, xuống tới các hoạt động của nơ ron. Thế mà ngay cả những chữ : trí năng, trí tuệ, tư duy... cũng không có định nghĩa rõ ràng duy nhất, các định nghĩa tùy thuộc lập trường của mỗi nhà.

Và ở đây phải nói tới những hạn chế rất lớn của phương pháp " trông mặt mà bắt hình dong ", tìm cách thể hiện những đặc tính bề ngoài của sự vật để hy vọng hiểu rõ bên trong nó. Một thí dụ điển hình là các chương trình đánh cờ, về mặt hiệu năng chúng đã đạt các kết quả đáng kinh ngạc như thủ thắng trước vua cờ thế giới, nhưng chúng không giúp gì cho việc tìm hiểu các cơ chế tư duy của con người cả, các giải thuật cơ bản nằm dưới chương trình đánh cờ đó hoàn toàn là nhân tạo và tìm cách khai thác thế mạnh của MTĐT là chính, có cái gì giống như cái cánh máy bay. Trông mặt mà bắt hình dong là một phương cách nghiên cứu và sáng tạo, nhưng nó chỉ có thể đưa tới hiểu biết về hiện thực khi nó được kết hợp với phương pháp giảm thiểu. Nói cách khác chỉ khi các mô hình trong mỗi tầng lớp của một lý thuyết được kiểm chứng là sát với các hiện tượng của tất cả các tầng lớp trong quy trình giảm thiểu thì mới có thể cho rằng lý thuyết đó thích hợp, và giúp cho người ta hiểu hiện thực.

Khi tìm cách áp dụng quy trình tìm hiểu và kiểm chứng này trên bình diện cao nhất của tư duy và tìm cách bắc cầu xuống các hoạt động sinh lý của nơ ron (hay biết đâu, có thể xuống sâu hơn nữa) thì người ta còn chưa làm được, do sự phức tạp của bộ sinh não. Do đó, người ta mới chỉ " trông mặt mà bắt hình dong " một cách " tương đối khan " mà thôi, nhưng tương đối, cũng có nghĩa là không hoàn toàn từ trên trời rơi xuống. Hiện nay mỗi nhà khoa học, tùy thuộc phạm vi nghiên cứu, đã có thể vận dụng các hiểu biết của mình để đưa ra những ước đoán về cây cầu nói trên, với hy vọng các tiến triển của khoa học sẽ cho phép kiểm nghiệm, và cũng có người cho rằng sẽ không bao giờ kiểm nghiệm được và các hoạt động đó sẽ mãi mãi thuộc phạm trù suy tư triết học.

Điểm khởi đầu tương đối giống nhau, đó là các câu hỏi đã được đặt ra từ lâu đời, thí dụ như : tư duy phản tỉnh là gì ? tại sao con người có tư duy phản tỉnh (có ý thức về sự hiện hữu và suy tư của chính mình). Thế nào là một quyết định tự do ? con người có quyết định tự do hay không ? ít trừu tượng hơn là các câu hỏi làm sao phân loại và giải thích khả năng ghi nhớ, khả năng hiểu biết về ngôn ngữ và khả năng suy luận... Điểm kết thúc là các cơ chế hoạt động của nơ ron cộng với các cơ chế lý-hoá-sinh khác thì cũng giống nhau. Chương trình nghiên cứu đã khá sáng tỏ và cụ thể, đó là khác biệt căn bản với những suy tư thuần triết học từ vài chục năm trở về trước.

Thế còn những cây cầu khác nhau ? Có khá nhiều và chuyên sâu phức tạp, người viết không có khả năng hiểu hết, nói gì đến trình bày lại. Chỉ xin liệt kê một số tác gia được coi như bậc thầy trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác. Trước hết phải nói đến *Edelman*, giải Nobel về sinh học, ông khởi đi từ quan niệm các nơ ron trong bộ óc phát triển và liên kết trong một quá trình kiểu Darwin, và từ đó nghiên cứu sự hình thành các bộ phận cao hơn của bộ não, và các khái niệm triết học trừu tượng nói trên. *Minsky*, một nhà khai sáng trong lĩnh vực trí năng nhân tạo tại MIT đưa ra mô hình "xã hội các tinh thần", khởi đi từ một thực thể nhân tạo (gọi là tinh thần) rất đơn giản nhưng cũng có thể mô hình hoá nhiều tầng phức tạp bằng

nhiều cách kết hợp chúng với nhau. *Chomsky*, nhà ngôn ngữ học, với quan niệm về một khả năng chung nhất của con người về ngôn ngữ, cũng có ảnh hưởng lớn trong các nghiên cứu về sinh não, tuy ông không trực tiếp tham gia. Và sau cùng là *Penrose*, nhà toán lý tên tuổi, quan niệm rằng hoạt động của bộ sinh não không hoàn toàn có tính giải thuật, vì thế nào cũng có những tác động trực tiếp của những quy luật cơ học lượng tử lên trên hoạt động của bộ óc. Thật khó mà kiểm chứng, nhưng tại sao không ?

[\(trang 1 \)](#)

[\(trang 2 \)](#)

[\(trang 3 \)](#)

Hàn Thủy

Tôi phát biểu về Trịnh Công Sơn và những ca khúc phản chiến của anh

BỮU CHỈ

Lúc 12 giờ 45, ngày 01 tháng 4 năm 2001, Trịnh Công Sơn đã ra đi. Trái tim nhân ái và nhạy cảm ấy đã ngừng đập; bộ óc đầy mỹ cảm và sáng tạo ấy đã thôi vận động. Anh đã để lại cho bạn bè và những người hâm mộ anh một nỗi tiếc thương vô hạn. Một sự mất mát lớn, một khoảng trống không gì bù đắp nổi cho nền âm nhạc hiện đại Việt Nam. Một nhạc sĩ nổi tiếng cùng thời đã nhìn nhận một cách vô tư rằng Trịnh Công Sơn là người viết tình ca hay nhất thế kỷ của Việt Nam. Nói về sự ra đi của anh, những người mến mộ còn ở lại cái cõi trần ai này đã bày tỏ bằng nhiều cách với nhiều ý nghĩa khác nhau. Nhưng nói bằng cách gì và với ý nghĩa nào thì cũng không thể làm vơi đi được nỗi đau thương và mất mát ấy. Rõ ràng là có một sự biến mất về hình hài vật chất mà cha mẹ anh đã tạo nên anh. Quy luật tự nhiên của vũ trụ vô tình vốn hữu sinh thì hữu diệt, hữu hình thì hữu hoại. Nhưng mà thật ra anh vẫn ở lại, ở lại mãi mãi với nền âm nhạc, với nền văn minh và văn hóa nước nhà. Cả một đời lao động sáng tạo cật lực anh đã góp được vào trong sự nghiệp nghệ thuật chung của cả nước hơn 600 ca khúc. Một sự nghiệp đồ sộ. Và đây chính là cái phương tiện, cái quyền năng đã giúp anh chống lại định mệnh. Cái định mệnh của đời người vốn khắc nghiệt và độc ác đã chưa từng bao giờ cho phép ai sống đến tận cùng niềm vui và nỗi khát vọng sống như chính mình mong muốn.

Đối với cộng đồng xã hội, một khi anh nằm xuống, anh đã thanh toán hết mọi "trái khoán" một cách sòng phẳng với trần gian. Một đời mình anh đã làm hết mọi điều mà anh mong muốn, và đã ra đi đúng lúc. Còn tất cả những gì mà anh đã để lại cuộc đời nó sẽ cứ tồn tại một cách hiển nhiên và minh bạch. Không có gì đáng trách và cũng không có gì phải hồ nghi cả.

Thiên tài ư? Anh đâu cần cái hư danh ấy. Anh là anh, chính điều này mới lớn lao. Vả lại, chính hậu thế vốn rộng lòng và trong sáng hơn đương thời sẽ quyết định điều này. Nhưng dù gì thì gì, đấy vẫn là hư danh. Cái hư danh khiến cho những con người đầy tham vọng sẽ vật lộn, tranh giành nhau một cách đau khổ. Mà thật ra chưa khi nào, dù một lần anh đã thầm ước mơ đến cái tên gọi đầy sân hận đó.

Nhân cách của anh? Tôi sẽ trả lời rằng Trịnh Công Sơn là một nhạc sĩ đầy nhân cách. Còn lớn hay nhỏ ư? So với ai? - Người đời vốn hay chấp về hình tướng, mà hình tướng thì thường làm cho con người mê.

Tôi nói nhân cách của Trịnh Công Sơn nó đầy đủ ở trong thái độ nghệ thuật của anh. Thái độ nghệ thuật này luôn nhất quán ở trong sáng tạo nghệ thuật của mình mà chưa hề khi nào vong thân hay thoái hóa biến chất cho đến phút cuối cùng. Khẳng định về một điều như thế đối với một người đang còn sống thật khó. Nhưng đối với một người đã nằm xuống ta sẽ không còn phải lo sợ rằng họ còn có thể tốt hay có thể xấu, còn có thể đúng hay có thể sai, xứng đáng hoặc không xứng đáng nữa.

Một con đường dẫn nhập vòng quanh như vậy đối với tôi là cần thiết, để dọn đường vào vấn đề mà tôi đã tự đặt ra cho mình: Trịnh Công Sơn và nhạc phản chiến của anh. Trong quá trình trình bày vấn đề này, tôi sẽ cố gắng làm toát ra cái tài năng và nhân cách hiếm có đó nổi bật lên trên cái bối cảnh Việt Nam máu và nước mắt, khói lửa và nỗi kinh hoàng trong cuộc chiến dai dẳng và khốc liệt thời bấy giờ. Một cuộc chiến tranh mang tính tất yếu lịch sử của một dân tộc bị áp bức; nhưng sự chọn lựa và quyết tâm ấy đã không ít đau thương. Và Trịnh Công Sơn đã xuất hiện trong bối cảnh đó như lương tâm của một con người mang trái tim nhân ái nhạy cảm, chỉ biết nói lên những cảm xúc nồng nhiệt của mình đối với quê hương dân tộc, dù thiếu vắng một thái độ chính trị, nhưng trung thực. Nghĩa là tự đáy lòng mình thì mình nói.

Tôi sẽ không nói đến những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn với tư cách một nhà phê bình văn học về lời nhạc, cũng như không phải trong tư cách của một nhà nghiên cứu âm nhạc đối với nghệ thuật âm thanh của anh. Mà với tư cách của một người chứng, sống cùng thời và từng sinh hoạt với anh, tôi sẽ nói về thái độ dần thân bằng âm nhạc của Trịnh Công Sơn trong công cuộc vận động hòa bình cho đất nước đầy tuyệt vọng; nhưng cũng đầy ý nghĩa và giá trị nhân bản đó. Nghĩa là nói về một Trịnh Công Sơn nghệ sĩ đích thực, một con dân nước Việt mang tình yêu chân thực đối với quê hương vào cuộc. Khẳng định anh trong ý nghĩa này là khẳng định chính sự đóng góp của anh vào trong những giá trị văn hóa, văn minh của cả nước. Một Việt Nam luôn xây dựng trên nền tảng con người và hòa bình.

Thế nào là nhạc phản chiến, và phản chiến như thế nào?

Phản chiến ở đây là bày tỏ thái độ của mình không tán thành chiến tranh, và sự không tán thành này có nghĩa là một sự đồng cảm, chia sẻ với những con người đang phải gánh chịu những nỗi mất mát, đau thương trong chiến tranh. Đồng cảm mà không đứng ở ngoài, đứng ở một bên; mà đứng ở cái thế chung cùng một phận, một định mệnh. Sơn không nhân danh một "isme" nào cả; cũng như không chủ trương chống lại một "isme" nào cả. Hoặc có chăng là anh nhân danh cái gọi là "humanisme", xu hướng nhân bản. Mà thật ra cũng chỉ là một cách gọi đầy thôi. Nói cho cùng, đó là tất cả những gì mình cảm xúc, tất cả những gì vang vọng trong tâm khảm của mình từ một thực tại máu xương như thế của đồng bào thì mình nói ngay ra. Nói không do dự, nói như một lời khấn báo. Đổ Phũ ngày xưa ở bên Tàu làm thơ bày tỏ sự xót thương đối với hàng vạn con đồ đang bị chìm trong máu lửa chiến tranh mà người đời sau cho rằng ông có tinh thần chống chiến tranh là vậy. Thật ra ông chỉ muốn nói lên niềm xúc động sâu xa của mình đối với thời thế, mà ở bên sau cái nỗi niềm này không tiềm chứa một ý thức, một tinh thần cơ hội nào.

Tất một câu, trong dòng nhạc phản chiến của mình, Trịnh Công Sơn đã chẳng có một toan tính chính trị nào cả. Mà tất cả là làm theo mệnh lệnh của con tim mình, một con tim thương đời, thương người, để nói lên tiếng nói của con tim đó đối với quê hương, dân tộc một cách trung thực và chân thành. Và một khi anh đã vĩnh viễn nằm xuống yên nghỉ thì câu khẳng định này đã trở nên hùng hồn hơn.

Ta sẽ thấy mệnh lệnh của trái tim này đi xuyên suốt trong tất cả các sáng tác thuộc dòng nhạc phản chiến này của anh. Trước hết ta có thể tạm sơ lược về con đường sáng tác các ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn như sau:

- Ý thức phản chiến trong ca khúc của Trịnh Công Sơn đã manh nha vào những năm 1965, 1966. Trong giai đoạn này anh đã cho ra đời tập ca khúc Ca khúc Trịnh Công Sơn (Thần thoại quê hương, tình yêu và thân phận) do An Tiêm xuất bản 1966. Sau đó phát triển dần trong tập Ca khúc đa vàng vào cuối 1966 và đầu 1967, tập Kinh Việt Nam năm 1968, tất cả đều do anh tự ấn hành lấy. Cùng với những cuộc xuống đường rầm rộ của thanh niên, sinh viên, học sinh ở đô thị miền nam Việt Nam chống Mỹ và chế độ cũ đòi hòa bình, độc lập,

thống nhất đất nước, anh đã cho xuất bản tập ca khúc Ta phải thấy mặt trời vào năm 1970 (Tự ấn hành dưới cái tên Nhà xuất bản Nhân Bản). Năm 1972, khi tình hình chiến sự ở miền nam Việt Nam ngày càng leo thang đến độ khốc liệt nhất, anh đã cho ra đời tiếp tập Phụ khúc da vàng (Tự ấn hành dưới cái tên Nhà xuất bản Nhân Bản). Đây là tập cuối cùng của dòng nhạc phản chiến của anh. Tổng kết tất cả gồm 5 tập, với 58 ca khúc, chưa kể những bài rời được sáng tác ngay trong những cuộc xuống đường cùng thanh niên, sinh viên, học sinh Huế.

So với những tình khúc mà Trịnh Công Sơn đã sáng tác được trong suốt cuộc đời mình cho đến lúc qua đời, số lượng của những ca khúc phản chiến tương đối ít. Nhưng chính những ca khúc này đã làm cho danh tiếng của anh sáng lên một cách chói lọi. Phải nói là độc sáng. Và chính trong cái vầng hào quang làm nền này, tình khúc của Trịnh Công Sơn tiếp tục sáng giá cho đến hôm nay và mai sau. Chính những ca khúc phản chiến thời bấy giờ đã chấp cánh cho danh tiếng của anh bay ra khỏi biên giới Việt Nam để đến với thế giới, đặc biệt là Nhật Bản. Nơi xứ sở này anh đã từng có những "Đĩa Vàng". Và lưu danh trong bộ tự điển Bách Khoa Pháp Encyclopédie de tous les pays du monde.

Thật vậy, vào những năm 58, 59, 61, 62, những tình khúc như *Ướt mi*, *Thương một người*, *Nhìn những mùa thu đi*, *Biển nhớ* v.v... đã bắt đầu nổi tiếng trong những phòng trà ca nhạc ở miền Nam. Nhưng phải chờ đến những năm 65, 66, 67 khi tiếng hát của Trịnh Công Sơn cất lên trong các giảng đường Đại Học Sài Gòn và Huế, trước hàng ngàn sinh viên học sinh cuồng nhiệt, với những ca khúc trong các tập Ca khúc Trịnh Công Sơn và Ca khúc Da vàng, cái tên Trịnh Công Sơn đã trở thành một hiện tượng. Hiện tượng Trịnh Công Sơn.

Những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn được chép để chuyển tay, được in ra băng cassette, hoặc băng từ loại lớn, còn gọi là băng Akai... Nghĩa là mọi hình thức phổ biến, phương tiện phổ biến đều được tận dụng. Người ta nghe nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn trong quán cà phê, người ta nghe trong những cuộc sinh hoạt tập thể của thanh niên, thậm chí người ta nghe trong khuê phòng và nghe ở cả những tiền đồn heo hút...

Dàn trải trên nón một điệu Blue buồn đau và uất nghẹn, với nhịp hát kể Recitativo, ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn vút lên:

*"... Ôi chinh chiến đã mang đi bạn bè
ngựa hồng đã mỏi vó chết trên đồi quê hương
còn có ai không còn người, ôi nhân loại mặt trời
và em tôi này đôi môi xin thương người
ôi nhân loại mặt trời trong tôi..."*

(Xin mặt trời ngủ yên - ca khúc Trịnh Công Sơn)

Và,

*"...Giọt nước mắt thương con, con ngủ mẹ mừng
Giọt nước mắt thương sông ấp ủ rêu rong
Giọt nước mắt thương đất, đất cần cỏ bao năm
Giọt nước mắt thương dân, dân mình phận long đong"*

(Nước mắt cho quê hương - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Rồi,

*"Mẹ ngồi ru con đong đưa văng buồn năm qua tuổi mòn. Mẹ nhìn quê hương nghe con mình
buồn giọt lệ ăn năn. Giọt lệ ăn năn đưa con về trần tụi nhục chung thân..."*

(Ca dao mẹ - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Hay từ một hiện thực vừa mới xảy ra trong thành phố:

"Ghế đá công viên dờn ra đường phố. Người già co ro chiều thiu thiu ngủ. Người già co ro buồn nghe tiếng nổ. Em bé lỏa lồ khóc tuổi thơ đi..."

(Người già em bé- Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Và với Phúc âm buồn, Tuổi đá buồn v.v... Tiếng hát Trịnh Công Sơn như một sợi dây vô hình đã nhanh chóng nối kết những tâm trạng riêng, những số phận riêng của người dân đô thị miền Nam vào trong một tâm trạng chung, một số phận chung. Tâm trạng và số phận này là gì? Đó là tâm trạng và số phận của những con người Việt Nam đã từng bị lừa, họ là nạn nhân của bạo lực vô minh, mà niềm tin và hy vọng của họ đã trải qua bao lần bể dâu. Đối với họ, mọi khát vọng, mọi dự phóng đều là hư vô. Họ đang vẫy vùng trong một cảnh sống đầy máu xương, mất mát tang tóc của một cuộc chiến tranh phi lý mà lối thoát chưa một lần thấy lóe sáng ở cuối con đường hầm cuộc đời tăm tối đó.

Tôi cho rằng, bằng một khả năng cảm nhận sắc bén bẩm sinh anh đã dễ dàng biến những cảm nhận riêng của mình thành của chung. Bằng một phương cách biểu hiện rất khéo do ở chỗ sử dụng những ẩn dụ, những hình tượng rất mới, anh đã gây được những ấn tượng mạnh cho người nghe, và đặc biệt khi cần phải đối kháng với một thực tại mà anh không thể nào vẫn hồi được, anh dựng một thần thoại. Nhờ thế mà tiếng nói của anh dễ dàng lọt vào lòng người, và dễ dàng được đồng cảm.

*"Người nằm co như loài thú khi mùa đông về
Người nằm yên không kêu than buốt xương da mình
Từng tiếng người nhiều tiếng người gọi hoài giữa đêm...
Người còn đó nhưng lời nói rơi về chân đồi
Người ngồi đó nhưng trong tim máu tuôn ra ngoài
Nhuộm đất này nhuộm cho hồng hạt mầm trót vay."*
(Phúc âm buồn - Ca khúc Trịnh Công Sơn)

Bằng một định hướng, cũng như một phương pháp sáng tác như đã được trình bày ở trên, Trịnh Công Sơn đi vào giai đoạn "Ca khúc da vàng". Ở đây, những cảm nhận về quê hương và thân phận đã trở nên mãnh liệt hơn, quặn thắt hơn và đôi khi dẫn đến sự phản nộ. *Từ Ngày dài trên quê hương, Người con gái Việt Nam, Đại bác ru đêm cho đến Tôi sẽ đi thăm, Tình ca người mất trí, Hãy nói giùm tôi, Gia tài của mẹ...* đã nói lên điều đó.

Ta hãy nghe:

"Người nô lệ da vàng ngủ quên ngủ quên trong căn nhà nhỏ đèn thấp thì mờ ngủ quên quên đã bao năm ngủ quên không thấy quê hương. Bao giờ đập tan gông cùm xiềng xích vô hình trói buộc đìn ta bao giờ đập tan gông cùm xiềng xích vô hình trói buộc tự do..."

(Đi tìm quê hương- Ca khúc Da vàng)

"Hãy sống giùm tôi hãy nói giùm tôi hãy thở giùm tôi thịt da này dành cho thù hận cho bạo cường cho tham vọng của một lũ điên..."

(Hãy nói giùm tôi - Ca khúc Da vàng)

Tiếng hát đã tạo nên những hiệu quả trong đời sống xã hội thật sự. Nó đã làm cho một số không ít thanh niên nhìn ra cái bản chất phi nhân và tàn bạo của cuộc chiến khiến họ đi đến hành động trốn lính hay đào ngũ. Dưới con mắt của những người cầm quyền thuộc chế độ cũ Sơn là một kẻ phá hoại tinh thần chiến đấu của anh em binh sĩ.

Ở miền Nam lúc bấy giờ cường độ của cuộc chiến càng lúc càng gia tăng. Người Mỹ ra sức củng cố chế độ cũ và đẩy mạnh cuộc chiến. Chiến tranh càng lan tràn khắp nơi một cách khốc liệt. Năm 1968, với cuộc tổng công kích xuân Mậu Thân, nhiều thành phố ở trên khắp miền Nam đã trở thành bãi chiến trường. "Con người trong tôi" của Trịnh Công Sơn lại tiếp tục lên tiếng mỗi lúc một khẩn thiết hơn:

*"Xác người nằm trôi sông phơi trên ruộng đồng
Trên nóc nhà thành phố trên những đường quanh co
Xác người nằm bơ vơ dưới mái hiên chùa
Trên giáo đường thành phố trên thềm nhà hoang vu..."*
(Bài ca dành cho những xác người - Ca khúc da vàng 2)

Và trong cái cảnh tượng trần gian là một lò sát sinh đó, đã có những người mẹ, những người chị đã lâm vào trong một trạng thái tâm thần bệnh lý:

"...Mẹ vỗ tay reo mừng chiến tranh chị vỗ tay hoan hô hòa bình người vỗ tay cho thêm thù hận người vỗ tay xa dân ăn năn."

(Hát trên những xác người - Ca khúc da vàng 2)

Và sau đó nhiều năm, người dân ở trong các thành phố miền Nam vẫn tiếp tục chịu đựng những cuộc nổ mìn, những trận pháo kích gây thương vong không ít cho đám dân lành vô tội. Ngày ngày không dứt tiếng súng tiếng bom. Và hằn đậm trong ánh hỏa châu vàng vọt ghê rợn, người dân thành phố nín thở, nơm nớp đợi chờ những điều không may có thể xảy đến cho mình. Mỗi ngày, từ chiến tuyến những chiếc quan tài phủ cờ được đưa về thành phố, trên đầu những trẻ mồ côi, những góa phụ, khăn tang cứ bay như phượng.

Từ 1968 cho đến những năm 1969, 1970, 1971, thỉnh thoảng người ta lại nghe phong thanh đâu đó về một giải pháp hòa bình cho Việt Nam. Rồi tất cả lại tắt ngấm. Người dân Việt khát khao hòa bình như kẻ đi trong sa mạc khát đến cháy bỏng cổ họng mà ốc đảo xanh tươi hiện ra trước mặt mình chỉ là những ảo ảnh. Cuộc chiến khốc liệt cứ tiếp diễn. Phong trào đấu tranh hòa bình Việt Nam ở các đô thị lại bùng lên mãnh liệt. Đặc biệt là phong trào thanh niên sinh viên học sinh, bây giờ lập trường đã kiên định: Mỹ cút, nguy nhào, hòa bình đến. Tôi, kẻ viết bài này, đã quyết định, đã chọn lựa đứng vào phong trào đó. Nhưng chọn lựa nào cũng có những đau đớn. Tôi phải đứng về phía dân tộc theo cách của tôi. Để có hòa bình thì dân tộc phải có quyền tự quyết, mà quyền tự quyết thì phải đấu tranh mà giành lấy chứ chẳng ai cho. Nhưng càng đấu tranh thì càng chồng chất đau thương. Những kẻ dễ quên thì dễ sống, còn tôi thì không thể quên điều này. Và phải nói một cách thành thật rằng chính những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn trong những năm đầu tiên đã đánh thức trong tôi tình tự dân tộc, sau đó thì tôi chọn một thể đứng quyết liệt hơn, âu cũng là do tánh khí riêng của mình. Nhưng về sau tôi vẫn thường tiếp tục hát những ca khúc phản chiến của anh. Vì tôi thấy nó mang lại cho đầu óc mình sự "mát mẻ", khi mà mình không thể thường xuyên chịu đựng mãi một sự căng thẳng sát máu. Và đôi khi nó cũng khiến cho mình mơ mộng về một nền hòa bình có thể thế này mà không phải thế kia... Đó là con đường tự do đi đến hòa bình mà không phải đổ máu. Tôi sợ máu!

Trịnh Công Sơn trong giai đoạn cực đoan này thì sao? - Vẫn trung thành với con đường mà tự anh đã vạch ra từ trước, anh tiếp tục đi, đi theo tiếng gọi của dân tộc mà anh đã nghe thấy

theo cách của mình. Có khi anh đi một cách mạnh dạn hơn, và anh kêu gọi, anh hô hào. Và tinh thần của anh, tùy mỗi hoàn cảnh khác nhau mà hy vọng, hào hứng hay tuyệt vọng... hoặc ngược lại. Kết quả là hai tập ca khúc kế tiếp nhau ra đời Kinh Việt Nam (1968), Ta phải thấy mặt trời (1970) (anh tự ấn hành dưới tên NXB Nhân Bản). Ở giai đoạn này anh cùng xuống đường với thanh niên, sinh viên, học sinh. Anh hát:

"Nơi đây tôi chờ.

Nơi kia anh chờ.

Trong căn nhà nhỏ mẹ cũng ngồi chờ.

Anh lính ngồi chờ trên đồi hoang vu.

Người tù ngồi chờ bóng tối mịt mù...

... Chờ tin mừng sông chờ núi cũng chờ mong

Chờ trên vùng trảng mẹ thấp lên bình minh

Chờ khô nước mắt chờ đá reo ca

Chờ áo cơm nuôi cho những trẻ con không nhà

Chờ ngày Việt Nam thống nhất cho những tình thương vỡ bờ.

(Chờ nhìn quê hương sáng chói - Kinh Việt Nam)

Hay:

"Rừng núi đang tay nối lại biển xa

Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà..."

(Nối vòng tay lớn - Kinh Việt Nam)

Hoặc:

"Ta bước bước đi, bước bước hoài, trên quê hương dấu yêu này. Còn bao nhiêu người nhìn nhau hôm nay.

Đôi mắt bóng tôi trái tim nghi ngại còn ai quanh đây

chưa góp tiếng nói chưa nói lại nắm tay..."

(Chưa mòn giấc mơ - Ta phải thấy mặt trời)

Và:

"Huế - Sài Gòn - Hà Nội quê hương ơi sao vẫn còn xa. Huế - Sài Gòn - Hà Nội bao nhiêu năm sao vẫn thờ ơ. Việt Nam ơi còn bao lâu những con người ngồi nhớ thương nhau..."

(Huế - Sài Gòn - Hà Nội - Ta phải thấy mặt trời)

Sang đến năm 1972, cục diện chiến tranh trên toàn miền nam vô cùng ác liệt, một cuộc "Việt Nam hóa chiến tranh" dưới mắt người Mỹ. Bằng con đường phản chiến lấy trái tim nhân ái mà giải quyết mọi điều, trên cơ sở tình tự dân tộc, Trịnh Công Sơn thì đã mệt mỏi, và tuyệt vọng. Anh cho ra đời tập ca khúc Phụ khúc da vàng, mà anh đã cho rằng đáng lẽ không nên viết. Đây là tập ca khúc cuối cùng của dòng nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn.

Anh hát để kết thúc cho một nỗ lực vô vọng của chính mình:

"...Đường anh em sao đi hoài không tới

Đường vắng mình xương cao cùng với núi

Đường lương tâm mệnh mông hoài bóng tối

Trái đau thương cho con mới ra đời..."

(Hãy nhìn lại - Phụ khúc da vàng)

Sau 1975, có một sự im lặng đè nặng lên những ca khúc phản chiến từng một thời nổi tiếng lẫy lừng của anh. Và chính anh cũng giữ sự im lặng cho đến ngày qua đời.

Nếu hôm nay ta nhìn nhận và đánh giá cao những tình khúc của anh, chúng ta không thể nào bỏ qua được những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn. Vì chính những ca khúc này đã tạo cho anh có được một tầm cỡ như ngày nay, cho dù những tình khúc của anh vốn đã rất tài hoa.

Có người sẽ cho rằng không phải nói đến những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn nữa, vì chữ thời đã qua rồi. Nghĩa là không còn thời tính nữa. Cũng có người sẽ góp ý thêm rằng các ca khúc phản chiến của anh vốn lòng khùng, dễ dãi, nếu không muốn nói là ngây thơ, hoặc thiếu logique lịch sử, chính trị hay là cái gì đó...

Tôi thì cho rằng, đến ngày nay, qua những trò dẫu bề của cuộc thế, thời tính của những ca khúc phản chiến của Trịnh Công Sơn vẫn còn. Nó còn trong ý nghĩa của tiếng nói lương tâm và nhân ái. Qua tác phẩm của mình chưa từng ai nói đến lương tâm và lòng nhân ái đậm đà như anh. Tiếng nói này còn phải luôn luôn được tôn trọng trước khi ta bắt tay vào một công việc, mà công việc đó sẽ có ảnh hưởng trên hàng vạn, hàng triệu sinh linh.

Con đường anh đã chọn và anh đã đi suốt cuộc đời mình là một con đường không dễ chọn. Nếu từ thời điểm hôm nay để nhìn lại thời bấy giờ thì rõ ràng là anh đã đi giữa hai lần đạn. Mà bất kỳ khi nào một viên đạn từ một hướng nào đó có thể kết liễu cuộc đời anh. Anh có lý của riêng anh. Là một nghệ sĩ chân chính, anh đã chọn cái logique của quả tim, và bằng trực giác nghệ thuật anh đã dựng nên sự nghiệp của mình. Đừng bắt anh phải làm chính trị, cũng đừng bắt anh, làm một "con buôn thời thế". Anh sẽ không đại gì đầu cơ, cũng như đầu tư tài năng và tâm huyết của mình cho một cuộc chơi ngắn hạn như vậy, mà kết cục thua lỗ là một điều tất nhiên. Anh chỉ biết sống và rung cảm bằng một quả tim trung thực, và dùng tài năng của mình để nói lên điều mà con tim muốn nói. Vì anh là Trịnh Công Sơn, một nghệ sĩ lớn, một nghệ sĩ của mọi người, và sống giữa mọi người. Chính sự ngưỡng mộ của mọi người đối với anh lúc anh còn sống, và đoàn người đông đảo tiễn đưa anh lúc anh qua đời đã nói lên rằng trong sứ mệnh nghệ thuật đối với dân tộc anh đã thành công.

Trong những ca khúc phản chiến anh còn để lại, phản chiến chẳng qua là một cách gọi, đừng chấp, vẫn có nhiều ca khúc có thể hát đơn hay đồng ca vào thời bấy giờ.

Hãy tiếp tục hát lên những khúc hát về lương tâm và lòng nhân ái của anh. Vì hơn bao giờ hết, hôm nay chúng ta vẫn đang cần đến lương tâm, lòng nhân ái cho những việc lớn lẫn việc nhỏ. Và chúng ta đừng bao giờ nhìn về bi kịch con người bằng một cái nhìn đơn giản.

Vỹ Dạ, 25-4-2001

Bửu Chỉ

* Source : [GIAO ĐIỂM](#)

NGƯỜI THẦY THUỐC TRƯỚC GIỜ LÂM CHUNG CỦA BỆNH NHÂN

BS. HỒ ĐẮC DUY
Nguyên trưởng Khoa Cấp Cứu
BV Trung Ương Huế và BV Chợ Quán

Ngày 10 tháng 4 năm 2001 , Hà Lan trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới hợp pháp hóa luật **CÁI CHẾT TỰ NGUYỆN** , kể quả thăm dò dư luận mới nhất cho thấy 86% người dân Hà Lan ủng hộ giải pháp này

Theo luật mới , cái chết tự nguyện được tiến hành chỉ với những điều kiện đặt biệt như : Bệnh nhân mắc một căn bệnh hiểm nghèo không thể chữa khỏi và trải qua những cơn đau đớn không thể chịu nổi , bệnh nhân vẫn còn sáng suốt về mặt tinh thần và đồng ý chết tự nguyện , chỉ với những điều kiện trên bác sĩ điều trị mới có quyền dùng những phương pháp y học thích hợp để chấm dứt cuộc sống của bệnh nhân

Người thầy thuốc không có gì đau khổ hơn khi phải đối diện dần dần với cái chết bởi một căn bệnh không thể chữa được, nhất là khi cái chết ấy đến với một người còn trẻ, một người trưởng thành, một người chủ gia đình, một người mà bao hi vọng về kinh tế đều dựa vào họ. Tình trạng này xảy ra trong trường hợp bệnh đại lên cơn, vào giai đoạn cuối của bệnh ung thư, AIDS, giờ phút hấp hối kéo dài của bệnh tai biến mạch máu não hay một chấn thương trầm trọng vô phương cứu chữa Bệnh nhân hôn mê bất tỉnh khổ hơn là bệnh nhân tư duy còn tốt hay còn tỉnh táo . *Trước nỗi đau của bệnh nhân và nỗi đau của những người thân, người thầy thuốc phải nói gì với người bệnh và gia đình họ phải dùng biện pháp gì để duy trì sự sống và cái chết sẽ được xác định ra sao ?*

Chết ở trong bệnh viện hay chết ở nhà, một phút trước lúc lâm chung bệnh nhân chỉ được nhìn thấy nhân viên y tế và các dụng cụ máy móc hồi sinh trong phòng cấp cứu mà thôi hay được nhìn thấy lần cuối những gương mặt thân yêu nhất của đời mình trước khi vĩnh viễn ra đi.

Vai trò và trách nhiệm của người thầy thuốc thật nặng nề và tế nhị, lòng nhân hậu và y đức thể hiện rõ nét trong những tình huống đó.

Người thầy thuốc có nên nói cho người bệnh biết "tất cả mọi điều"- một sự thật như một bản án tử hình mà thời gian là chuyến xe đến pháp trường hay không ?

Chắc chắn nhu cầu của người bệnh là họ phải và muốn biết một cái gì đó liên quan đến bệnh tật của họ, người thầy thuốc có trách nhiệm phải thông báo và trao đổi với họ vì đó là một đòi hỏi chính đáng.

Sự khôn ngoan của người thầy thuốc là phải đánh giá xem người bệnh cần biết đến mức nào, người bệnh có năng lực và khả năng chịu đựng tới mức nào, với những thông tin đôi lúc có thể làm suy sụp hoàn toàn, đưa đến tình trạng tuyệt vọng và làm cho bệnh nhân chết sớm hơn. Vì vậy chiến thuật vết dầu loang và việc dần dần tiết lộ thay vì đột ngột là một biện pháp tốt nhất.

Ngoài chính bệnh nhân ra còn có một số vấn đề rối rắm chung quanh như vợ con, tôn giáo, tài chính kinh doanh hoặc chức vụ quan trọng mà bệnh nhân đang nắm giữ trong chính quyền, vấn đề phân chia tài sản, làm di chúc, kể cả nguyện vọng của gia đình? tất cả cần phải được xem xét đến. *Phải tạo những cơ hội cho bệnh nhân được nói chuyện với thầy thuốc* và để họ tự đặt ra những câu hỏi. Dù sao thì người thầy thuốc cũng phải khách quan, bình tĩnh và ít xúc động hơn các thành viên trong gia đình, khi bệnh nhân cần đề cập hoặc trao đổi về ý nghĩa của cái chết cũng như dự định, sửa soạn, chọn lựa cái chết cho chính họ.

Để cho họ dần dần chết, để cho căn bệnh giết chết họ hay đợi cho ngọn đèn sinh lực của họ cạn dần, để cho họ tự xoay sở trong nỗi đau quần quai của thể xác và tinh thần hay là giúp họ kết thúc cuộc sống không còn ý nghĩa mà họ yêu cầu được chết, đó là một vấn đề đang được tranh cãi giữa tôn giáo và đời thường

Sự cởi mở, lòng cảm thông, lương tâm nghề nghiệp và kiến thức của người thầy thuốc sẽ là chỗ dựa, thế nâng đỡ cho bệnh nhân về thể xác cũng như tinh thần và có thể làm giảm nhẹ những đau đớn và cảm xúc.

Đối người bệnh, người thầy thuốc trở nên một nguồn an ủi, một người mà họ có thể nói tất cả những bí ẩn của cuộc đời. Sự hiện diện của người thầy thuốc làm họ yên tâm hơn, ăn ngủ ngon hơn, giúp họ kiềm chế các cơn đau của thể xác dễ dàng hơn, bớt lo sợ, bớt hoang mang và yêu đời hơn đôi chút.

Đối với người thầy thuốc thì sự đau đớn thể xác của người bệnh cần phải được chăm sóc, an ủi, điều trị và kiềm chế một cách thỏa đáng. *"Khi mà mọi hi vọng nhằm cải thiện lâu dài tình trạng khách quan của người bệnh ung thư bị biến mất, khi mà người thầy thuốc với phương tiện và tri thức phải bó tay trước bệnh hoạn, khi mà người bệnh ở giai đoạn cuối của một bệnh vô phương cứu chữa thì việc chăm sóc phụ trợ và tâm lý rất cần thiết để đảm bảo phần nào bình an và làm giảm bớt đau đớn nhất cho cuộc sống trong giờ mệnh chung.* Khi mà tình trạng tuyệt vọng, các dấu hiệu hô hấp, tuần hoàn ngừng hoạt động; khi mà các phản xạ đều mất và điện não đồ là đường thẳng điện và được chấm dứt bằng *lệnh không hồi sức và ngừng điều trị, chất lượng của cuộc sống có lẽ được ưa chuộng hơn là kéo dài thời gian sống;* bởi thế chế ngự cơn đau trong các bệnh nhân bị ung thư giai đoạn cuối rất là cần thiết, vì đau đớn là một trong những triệu chứng chủ yếu của bệnh ung thư. Người thầy thuốc phải biết chủ động giảm đau trước khi cơn đau lấn chiếm cuộc sống của bệnh nhân, điều trị nhằm loại bỏ hồi ức và nỗi sợ về cơn đau và ngăn ngừa liên tục, người thầy thuốc cũng không được chậm tay trong việc sử dụng các thuốc giảm đau mạnh, kể cả tăng liều morphine nếu cần.

Nhân phẩm, tình cảm của bệnh nhân phải được tôn trọng và tránh cách ly bệnh nhân với gia đình.

Liệu các cơ sở y tế, các phòng cấp cứu, phòng săn sóc đặc biệt, phòng hồi sức hậu phẫu? có đủ năng lực thao tác chuyên môn, kể cả một đội ngũ hùng hậu để chăm sóc từng giờ từng phút trước sự theo dõi của thân nhân bệnh nhân mà những người này luôn luôn than phiền khiêu nại vì những sai sót nhỏ nhặt nhất trong công tác như chậm thay khăn khi người bệnh tiểu ra giường?v.v

Có phải tổ chức lại theo một cách nào đó ở những nơi này để bớt tình trạng cách ly bệnh nhân với gia đình họ, cần để tâm theo dõi toàn diện người bệnh hơn là chỉ để ý giải quyết về căn bệnh đang nguy kịch.

Người thầy thuốc cũng phải độ lượng và sẵn sàng làm vơi đi cảm giác tội lỗi về phía gia đình của bệnh nhân vì có một số người tự cho rằng tại vì họ mà bệnh nhân rơi vào tình trạng chậm trễ hoặc nặng hơn? v.v

Luật **CÁI CHẾT TỰ NGUYỆN** của Hà lan là giải pháp nhân đạo , đầy tính người , chứng tỏ sự hiểu biết sâu sắc nhất nỗi đau đớn của thân xác và tinh thần của **KIỆP NGƯỜI** , một điều đáng cho ta suy ngẫm

Người thầy thuốc cũng như những người khác, có thể vui, buồn, tự hào hay ân hận và *nếu như việc điều trị, săn sóc bệnh nhân như đang điều trị cho cha mẹ, con cái, anh em, bằng hữu của mình thì cho dù có vấn đề gì đi nữa tôi nghĩ họ vẫn bình yên trong tâm hồn.*

BS HỒ ĐẮC DUY

Đạo Phật trước những vấn đề sinh đạo đức (bioéthique)

Trịnh Nguyên Phước

Chi trong vòng 50 năm qua, ngành sinh học và y học thế giới đã phát triển nhanh chóng hơn là trong khoảng thời gian 50 thế kỷ trước, về hiểu biết cũng như khả năng tác động của con người trên sự sống. Sự phát triển này cũng làm nảy sinh lên một số vấn đề đạo đức mới, được gom lại dưới danh từ "**sinh đạo đức**" (bioéthique). Những vấn đề này trở thành mỗi ngày một thêm phức tạp, chúng đã vô hình chung vượt khỏi khuôn khổ chuyên môn và đặt ra một cách rộng lớn cho toàn thể xã hội.

"Sự phát triển của ngành nghiên cứu bắt buộc chúng ta phải tự đặt lên những câu hỏi căn bản : sự chết là gì, nếu những bước tiến của kỹ thuật hồi sức cho phép kéo dài một cuộc sống sinh dưỡng gần như vô tận? Sự sống là gì, nếu người ta có thể tạo dựng lại những nguyên tố của nó ? Cá nhân là gì, nếu những thí nghiệm di truyền có thể tác động được lên bản sắc con người ?"

Đó là những lời phát biểu của cố tổng thống F. Mitterrand trong buổi khai trương thành lập **Ủy Ban Tư Vấn Quốc Gia về Đạo Đức trong Sinh Học và Y Học (Comité Consultatif National d'Ethique pour les Sciences de la Vie et de la Santé)** năm 1983 tại Pháp. Ủy Ban này gồm có một số nhà triết học, xã hội học, luật gia, dân biểu, đại diện tôn giáo và hội đoàn gia đình, y sĩ và nghiên cứu viên về sinh học. Trong những năm sau, các Ủy Ban Đạo Đức Quốc Gia lần lượt được thành lập tại các nước khác như Đan Mạch, Úc, Thụy Điển, Ý Đại Lợi, Gia Nã Đại, Ý Pha Nho, v.v.

Nhiệm vụ của những Ủy Ban này là giúp các chính phủ và quốc hội đi tới ấn định những bộ luật liên quan tới những vấn đề sinh học và y học mới, dưới sức ép của dư luận và thời sự, chẳng hạn như bộ **Luật Sinh Đạo Đức** ban ra ngày 29 tháng 7 năm 1994 tại Pháp, quy định sự tôn trọng thi thể, nghiên cứu di truyền trên con người, sự trao tặng và sử dụng các bộ phận, trợ giúp thụ thai và chẩn đoán trước khi sinh đẻ, để bỏ túc những bộ luật đã ban ra từ trước về ghép bộ phận, thí nghiệm trên người sống, ngưng thai cố ý và ngưng thai điều trị.

Trong các xã hội tân tiến, những sự đối chọi giữa đạo đức và pháp luật xảy ra một cách thường xuyên. Trước sức ép của những phát triển y học và khoa học, đồng thời những chuyển đổi sâu rộng về tập quán xã hội, người ta có thể tiên đoán rằng chắc chắn sẽ còn nhiều sự đối thay về các bộ luật sinh đạo đức trên thế giới.

Là một Phật tử và đồng thời một nhà khoa học sống và chạm thường xuyên với những vấn đề đó, tôi không thể nào tránh khỏi tự đặt lên một vài câu hỏi, chẳng hạn như :

1- Đạo Phật có những thái độ như thế nào trước những vấn đề sinh đạo đức ?

2- Những thái độ đó có khác biệt gì với các tôn giáo thần khai không ?

3- Làm thế nào tìm thấy giải đáp cho những vấn đề phức tạp của xã hội ngày hôm nay, trong một giáo lý đã ra đời cách đây hơn 2500 năm và chỉ có những phát triển đáng kể trong vòng 1000 năm sau ? Nói một cách khác, đạo Phật có thể nào bàn luận về khoa học, trong khi khoa học chỉ mới thành hình từ khoảng 400 năm nay ?

Nếu lấy **kinh điển** làm điểm tựa cho giáo lý, thì tôi thấy chỉ có hai cách trả lời cho câu hỏi khúc mắc này:

a) Hoặc chúng ta tìm thấy những lời giải đáp đó trong kinh điển.

b) Hoặc chúng ta không tìm thấy.

Nếu tìm thấy những lời giải đáp trong kinh điển, thì chắc sẽ không còn vấn đề gì. Nhưng thật ra ai nấy cũng thừa biết rằng dù cố gắng tới đâu chăng nữa cũng không thể nào tìm thấy những lời giải đáp đó một cách cặn kẽ trong kinh điển, và sẽ phải cần rất nhiều trí tưởng tượng để đoán mò (như khi đọc Nostradamus hay Sấm Trạng Trình), vì một lý do rất giản dị : kinh điển, cũng như mọi sự kiến tạo của con người, đều thuộc vào lịch sử và không thoát khỏi hạn chế của thời gian.

Còn nếu công nhận không thể nào tìm thấy những lời giải đáp đó trong kinh điển, thì chúng ta bắt buộc phải cùng nhau can đảm dựa lên **giáo lý căn bản**, lên cái cốt tủy tinh hoa của đạo Phật, mà suy luận ra, sáng tạo ra những giải đáp thích hợp. Đó chính là tinh thần **khê cơ khê lý**, cần được áp dụng để **hiện đại hóa**, để thích hợp hóa đạo Phật với thời đại.

Để thêm phần xây dựng và hiệu quả, tôi xin đề nghị một số tinh thần làm việc sau đây :

- **khiêm tốn**, bởi vì những đóng góp của mỗi người đều nhỏ bé, trong một công trình khó khăn, dài hạn, tập thể, cần một sự tham khảo và đóng góp ý kiến rộng rãi, của những người thuộc nhiều ngành khác nhau, trong khuôn khổ một Ủy Ban Nghiên Cứu về Sinh Đạo Đức Phật Giáo chẳng hạn ;
- **mạnh bạo**, với tinh thần sáng tạo, bởi vì chính chúng ta, những người cư sĩ Phật tử, có nhiệm vụ nghiên cứu và đề nghị ra một nền tảng sinh đạo đức theo đạo Phật ;
- **cởi mở**, tránh những giáo điều, thành kiến, nguyên tắc sơ cứng ;
- **linh động**, sẵn sàng đặt lại vấn đề, bởi vì trong đạo Phật cũng như trong khoa học, không có sự thật nào là tuyệt đối, vĩnh cửu, tất cả đều biến chuyển không ngừng ;
- và **thực tiễn**, rút ra bài học từ những kinh nghiệm sống, những trường hợp cụ thể, chứ không phải từ lý thuyết suông.

Khung cảnh chung của sinh đạo đức

Một số định nghĩa

1. Trước hết, phải phân biệt **đạo đức** (éthique) và **luân lý** (morale).

Về nguồn gốc, chữ **luân lý** (morale) phát xuất từ chữ La Tinh **mores**, trong khi chữ **đạo đức** (éthique) phát xuất từ chữ Hy Lạp **ethos**, cả hai đều có nghĩa là tập quán (moeurs), nhưng **luân lý** thường được coi như một cái gì cô hủ, sơ cứng, tùy thuộc vào khung cảnh xã hội, trong khi đó **đạo đức** có tính chất suy luận, phê phán và được xếp loại bởi Aristote như một trong những ngành đầu tiên của triết học. **Đạo đức** bao gồm những câu hỏi, những vấn đề cần phải được thảo luận, với tinh thần sáng suốt, chừng mực đặc thù của tư tưởng Hy Lạp cổ xưa.

2. **Y đức** (éthique médicale) là đạo đức của người y sĩ, nằm trong khuôn khổ của sinh đạo đức.

3. **Sinh đạo đức** (bioéthique, bioethics) là một danh từ được dùng lần đầu tiên năm 1971 tại Hoa Kỳ bởi V.R. Potter, tác giả của cuốn sách "Sinh đạo đức, chiếc cầu cho tương lai". **Sinh đạo đức** được G. Hottois định nghĩa như "**một toàn thể nghiên cứu, phát biểu và thực hành, thường là đa ngành, nhằm mục đích làm sáng tỏ hoặc giải quyết những vấn đề mang tính chất đạo đức, gây nên bởi những phát triển và áp**

dụng kỹ thuật khoa học trong sinh học và y học". Như vậy, sinh đạo đức không thể nào có trong một xã hội đóng kín, mà chỉ có thể có trong một xã hội đa nguyên và mở rộng.

Và trong khi **y đức** đặt trọng tâm vào sức khỏe con người, thì **sinh đạo đức** lại hướng về xã hội và thiên nhiên, tức là môi trường sinh học.

4. Những liên hệ giữa **đạo đức, nghĩa vụ y sĩ** (déontologie) và **pháp luật** cũng cần phải được làm sáng tỏ. Trong pháp luật có trừng trị, nhưng không có trừng trị trong đạo đức. Người y sĩ vừa là một công dân (phải tuân theo pháp luật), vừa là một chuyên viên về sức khỏe (phải ghi tên vào Y Đoàn, tuân theo nghĩa vụ y sĩ), vừa là một con người phải lấy những quyết định cá nhân. Đứng trước những trường hợp cụ thể không nằm trong phạm vi pháp luật và nghĩa vụ y sĩ, người y sĩ phải lấy trách nhiệm cá nhân, trước lương tâm của chính mình. Đó chính là lãnh vực của đạo đức.

5. Người ta cũng thường chia luân lý làm hai khuynh hướng : **luân lý lập trường** (morale de conviction), dựa lên một số giá trị nhất định, và **luân lý thỏa hiệp** (morale de compromis), dựa lên thực tế hàng ngày, là những điều thường gặp trong y học.

Nhân cứng của nền luân lý chung

Nhân cứng của nền luân lý chung thường dựa lên 3 nguyên tắc căn bản :

- 1- quyền tối cao của con người (primauté de la personne)
- 2- giá trị của sự tự do quyết định (valeur du libre examen)
- 3- sự cần thiết có một sự kết hợp xã hội (nécessité d'un cohésion sociale).

Quyền tối cao của con người được quy định trong lời Tuyên bố về Quyền và Tự do của con Người năm 1789, và Hiến Pháp của nước Pháp năm 1946 : "**Mỗi con người, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, tư tưởng, có những quyền thiêng liêng không thể tha hóa được**". Từ những năm 80, **con người** đã trở thành giá trị chính của sinh đạo đức : "**Tiêu chuẩn có thể tóm tắt lại tất cả những suy nghĩ về sinh đạo đức là sự tôn trọng và biểu dương con người**" (X. Thévenot).

Giá trị đó rất khó định nghĩa, nhưng con người không phải là một sự vật, một đồ vật, một phương tiện. Con người là một cái gì duy nhất, và do đó vô giá.

- Kant đã lấy đó làm phương châm cho luân lý của mình : "**Hãy đối xử với nhân loại luôn luôn như một mục đích, không bao giờ chỉ như một phương tiện**".

"**Cái gì có giá trị thì có thể thay thế bằng một cái có giá trị tương đương, nhưng cái mà trên mọi giá, cái không có tương đương, cái đó gọi là phẩm giá (dignité)**".

- Đối với Hegel : "**Mỗi người đều phải được đối xử bởi người khác như một con người**".

- "**Con người toàn diện với tâm hồn, răng xương, tinh thần và máu mủ, lịch sử và nỗi buồn của nó**", cũng như lời của một nhà thi sĩ.

- Theo J. Bernard, vị chủ tịch đầu tiên của Ủy Ban Đạo Đức Quốc Gia nước Pháp, "**con người là một cá thể sinh lý, một hiện hữu với những liên hệ tâm lý xã hội, một chủ thể trước pháp luật. Nhưng nó vượt lên khỏi những phân tích đó. Nó hiển lộ như một giá trị**".

- Nói tóm lại, "**con người phải được coi như một giá trị tối thượng**" (L. Lavelle).

Về **sự sống**, theo A. Fagot-Largeault, có hai quan niệm chống đối nhau. Một quan niệm đặt nặng vào "tính chất thiêng liêng của sự sống", và một quan niệm đặt nặng vào "phẩm chất của sự sống". Hai quan niệm này phát xuất từ hai truyền thống luân lý học khác nhau, **truyền thống nghĩa vụ** (tradition déontologique) theo Kant, và **truyền thống mục đích** (tradition téléologique) theo J. Stuart Mill. Sinh đạo đức thường hay bị dao động giữa hai thái độ đạo đức này. Để giữ được thăng bằng, người ta thường bắt buộc phải đi tới một **luân lý thỏa hiệp** (morale de compromis) trộn lẫn cả hai, và tìm cách lý giải trên từng trường hợp cá nhân một.

Tại các nước Anh ngữ, có bốn nguyên tắc đạo đức của người thầy thuốc đã trở thành những giá trị phổ biến :

1. sự tôn trọng quyền tự quyết (**autonomy**),
2. sự tránh gây tổn hại (**non maleficence**),
3. sự gây lợi ích (**beneficence**), và
4. sự công bằng (**justice**).

Tôn giáo và Khoa học

Quan điểm của các tôn giáo thần khải

Đối với các tôn giáo thần khải, đặc biệt Ky Tô giáo, sự sống có tính chất **thiêng liêng** và phải được tôn trọng một cách tuyệt đối, bởi vì sự sống là do Thượng Đế ban cho con người, và chỉ có **Thượng Đế** mới có quyền lấy lại được.

Sự sinh sản của con người là do Thượng Đế đưa ra chỉ thị : "**Hãy sinh sôi nẩy nở và làm chủ trái đất này**" (Thánh Kinh). Do đó chỉ có thể chấp nhận được phương pháp sinh sản tự nhiên.

Hơn nữa, ngoài việc thay đổi cách sinh sản, con người không có quyền thay đổi di truyền, thay đổi các bộ phận trong cơ thể, là những gì thiêng liêng do Thượng Đế đã ban cho.

Và do tội lỗi nguyên thủy, con người phải chịu đựng sự đau đớn khổ đau, trong khi chờ đợi sự cứu rỗi bởi Thượng Đế.

Dĩ nhiên, những quan điểm này, thường là quan điểm chính thức của Giáo Hội La Mã, khó lòng phù hợp với khoa học. Nhưng kinh nghiệm cho thấy trong thực tế hàng ngày, thái độ của các tín đồ, và ngay cả các tu sĩ Ky Tô giáo, thường tỏ ra mềm dẻo, uyển chuyển hơn.

Quan điểm của đạo Phật

Đạo Phật chủ trương tôn trọng sự sống, **không giết hại** (ahimsa), nhưng không coi sự sống là một điều thiêng liêng bất khả xâm phạm, như các tôn giáo thần khải, hay phải tôn trọng tuyệt đối như đạo Jain.

Đối với đạo Phật, sự sống cũng như sự chết nằm trong một **vòng sinh tử** rộng lớn. Chết chỉ là một giai đoạn, sinh ra cũng chỉ là một giai đoạn.

Nghiệp(karma) trong đạo Phật là hành động **có ý thức**, chứ không phải là bất cứ hành động nào, vô tình hay cố ý, như trong Ấn Độ giáo.

Đạo Phật trước hết là đạo **diệt khổ**, điều đó phải được nhấn mạnh. Khổ đau là đối tượng chính của đạo Phật, cũng như đức Phật đã nói cùng với các đệ tử : "**Này các tỳ kheo, xưa cũng như nay, ta chỉ nói lên sự khổ và diệt khổ**" (Trung Bộ Kinh).

Và cũng như hình ảnh hoa sen mọc từ bùn lầy mà ra, đạo Phật luôn luôn bắt nguồn từ **thực tại**, dù thực tại xấu xa thế nào chăng nữa.

Những điểm chung, những khác biệt, những tương quan giữa khoa học và đạo Phật

Có thể nói rằng khoa học và đạo Phật gặp gỡ nhau trên nhiều điểm : cả hai đều lấy **trí tuệ** làm nền tảng, đều lấy **con người** làm chủ thể, đều theo tinh thần **phê phán, cởi mở, thực tiễn** và **thực nghiệm**. Cả hai đều chỉ là **phương tiện**, nhằm mục đích là hiểu biết thế giới và chính mình.

Nhưng trong khi khoa học quay ra **tìm hiểu tất cả** những gì có thể hiểu biết được, dùng **lý trí**, ngôn từ phân tích hiện tượng **bên ngoài, không đặt vấn đề đạo đức**, không đánh giá "tốt xấu", thì đạo Phật chỉ nhằm một con đường **giải thoát**, hướng về **nội tâm**, về **chân thiện mỹ**, dùng **trực giác** đưa tới một cái nhìn **tổng thể**, vượt khỏi ngôn từ.

Nói tóm lại, đạo Phật và khoa học không có cái nào hơn cái nào, và cũng không có vấn đề lựa chọn giữa hai bên. Bởi vì khoa học và đạo Phật ở **hai bình diện khác nhau** và **bổ túc cho nhau**. Con người vừa cần tới khoa học, vừa cần một con đường hướng dẫn tâm linh. Khoa học càng phát triển bao nhiêu, thì lại càng cần phải nuôi dưỡng tâm linh bấy nhiêu.

Dĩ nhiên, ngoài đạo Phật ra, còn có nhiều con đường tâm linh khác nữa, người Phật tử cởi mở bao dung sẽ không bao giờ phủ nhận điều đó. Cũng như có một mặt trăng, nhưng có nhiều "ngón tay chỉ mặt trăng"...

Những vấn đề sinh đạo đức cụ thể

Thái độ trước sự đau đớn

Trong trường hợp bệnh nhân bị đau đớn thể xác, y học ngày nay có những thuốc giảm đau hữu hiệu, như morphine và dẫn xuất, nhưng tại một số nơi, ngay cả các nước tân tiến như nước Pháp, vẫn còn ít dùng vì nhiều lý do, trong đó có thành kiến tôn giáo. Tại các nước Tây phương, người ta chịu đựng sự đau đớn như một hình phạt, một sự đọa đầy, theo gương đức Ky Tô, trong khi tại các nước Đông phương người ta chịu đựng sự đau đớn như kết quả tự nhiên của số mệnh, hay do quan niệm sai lầm về nghiệp báo. Nhưng gần đây khuynh hướng chống đối lại với thái độ thụ động đó đã trở nên rõ rệt, và chính phủ Pháp chẳng hạn đã ra thông báo cho các bệnh viện và y sĩ để thuốc giảm đau được dùng một cách rộng rãi hơn.

Đạo Phật chống lại khổ đau dưới mọi hình thức, nên không có lý do nào ngăn cản cho thuốc giảm đau. Dĩ nhiên, khi dùng liều mạnh morphine có thể làm cho bệnh nhân mê man được, và như vậy phạm vào giới thứ năm "không dùng những chất làm mê man thần trí", nhưng lúc đó thường là đi tới giai đoạn chót của cuộc đời, khi mà giới luật không còn là chính yếu.

Thái độ trước cái chết : vấn đề trợ tử

Vấn đề đặt ra là : khi người bệnh bị bệnh nặng đã tới giai đoạn chót của cuộc đời (stade terminal), thì có thể nào giúp người đó chết một cách nhẹ nhàng, yên ả, và nhanh chóng hơn không ?

Euthanasia theo nguồn gốc (**eu**= tốt, **thanatos** = sự chết), là "làm cho sự chết tốt đẹp", và có thể định nghĩa là "hành động gây nên cái chết hoặc làm cho cái chết tới nhanh chóng hơn, vì lý do thương người bị bệnh nặng không chữa được, để cho người đó hết đau đớn, hay nói một cách rộng rãi hơn, vì một lý do đạo đức khác (trẻ sơ sinh tàn tật nặng chẳng hạn)" (Y. Kenis). Tiếng Việt có thể gọi là "ưu tử", "trợ tử", "hộ tử" hay "gây chết nhẹ nhàng" (có lẽ chữ "**trợ tử**" hay hơn cả).

Người ta thường phân chia trợ tử ra làm hai loại : **trợ tử tích cực** (euthanasie active) nghĩa là cố tình gây nên cái chết, và **trợ tử tiêu cực** (euthanasie passive), tức là ngưng mọi điều trị để cho người bệnh chết nhanh chóng hơn là tiếp tục điều trị.

Đó là một vấn đề đang được bàn cãi sôi nổi tại Tây phương, và mỗi vụ án trợ tử lại khơi dậy vấn đề trong dư luận. Trong đa số các quốc gia, luật pháp cấm trợ tử, và như vậy trợ tử bị coi là một hành động phi pháp, có thể bị kết án. Ủy Ban Đạo Đức Quốc Gia Pháp đã đưa ra một số quan điểm dè dặt về vấn đề này, ngược lại với kiến nghị "giúp đỡ người đang chết" được thông qua bởi Quốc Hội Âu Châu ngày 25/4/91. Tại một số nước (Hòa Lan, Hoa Kỳ), luật pháp thường rộng rãi, khoan dung hơn đối với những người phạm tội trợ tử, thường là thân nhân, y tá hoặc y sĩ trông nom bệnh nhân, và nói chung khuynh hướng hiện nay là tuyên án rất nhẹ hoặc tha bổng những người đó. Từ vài năm nay, tại Hòa Lan còn có quy định một số điều kiện, tương đối giản dị, cho phép người y sĩ được trợ tử trong phạm vi pháp luật.

Trên thực tế, phải công nhận rằng từ lâu đã có rất nhiều hành động trợ tử xảy ra tại các bệnh viện, một cách bán công khai. Tất cả những ai đã lâu năm hành nghề và điều trị các bệnh nặng đều biết tới cái gọi là "cocktail lytique", đều đã dùng tới morphine liều mạnh gây hôn mê, đều đã quen với mật hiệu NTBR (not to be reanimated), nghĩa là để cho người bệnh chết một cách tự nhiên, không "điều trị tới cùng" (acharnement thérapeutique). Luật pháp không thể nào phủ nhận những hiện tượng xã hội đó, nhưng dĩ nhiên cũng không thể nào bình thường hóa hành động trợ tử, vì những đe dọa đi quá trớn và lạm dụng.

Đa số các tôn giáo thần khải, như Ky Tô giáo chẳng hạn, đều kết án hành động trợ tử, bởi vì sự sống mang tính chất thiêng liêng, và không có ai ngoài Thượng Đế có thể lấy đi được, dù là chính mình.

Đạo Phật, theo tôi, có một thái độ khác với những tôn giáo đó. Bởi vì, như đã nói :

- Thứ nhất, đạo Phật quan niệm cái chết chỉ là một giai đoạn, một sự đổi thay trong vòng sinh tử rộng lớn, tức là nhân duyên sinh.

- Thứ hai, đạo Phật tôn trọng sự sống, và chủ trương không giết hại (ahimsa). Nhưng không giết hại **không có tính chất tuyệt đối** như trong đạo Jain, và nghiệp(karma) trong đạo Phật chỉ do **hành động có ý thức, cố tình** gây nên, chứ không phải bất cứ hành động nào như trong Ấn Độ giáo. "**Này các tỳ kheo, chính ý muốn (cetana) ta gọi là nghiệp ; sau khi muốn, người ta hành động bằng thân, khẩu hay ý**" (Tăng Chi Bộ Kinh). Kết quả của sát sinh là gây khổ đau cho chính cái tâm của mình, chứ không đâu khác : "**Sát sinh do duyên sát sinh tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu**"(Tăng Chi Bộ Kinh).

Như vậy, chúng ta có thể nghĩ rằng hành động trợ tử, gây nên cái chết một cách nhẹ nhàng, nhằm mục đích làm thuyên giảm những khổ đau của người bệnh trong giai đoạn chót của cuộc đời, vì lòng từ bi bác ái, **không đi ngược lại với tinh thần đạo Phật**.

Trong báo Hương Sen số 65, có một bài của đạo hữu Nguyễn Phúc Bửu Tập về "Quan niệm về trợ tử của đạo Phật". Đạo hữu cho biết học giả Nanayakkara có dẫn trong kinh Vinaya Pitaka (Luật Tạng) **ba trường hợp trợ tử**, đều bị đức Phật Thích Ca khiển trách, và trong hai trường hợp các vị tỳ kheo phạm tội bị loại ra khỏi tăng đoàn.

Xét kỹ ra thì trường hợp thứ nhất (năm người tỳ kheo hiểu sai kinh điển tìm cách tự vẫn) không phải là trợ tử, mà là một vụ **murder tự tử tập thể**. Điều đó không khác gì những vụ tự tử tập thể của các giáo phái như "Đền Mặt Trời" mới gần đây, và dĩ nhiên đạo Phật không thể nào chấp nhận được. Trường hợp thứ hai, sáu người tỳ kheo xúi dục một người đàn bà kết liễu đời sống của chồng mình bị bệnh nặng gần chết, thiết tưởng cũng nên xét lại. Vì sao **cả sáu người tu hành**, lấy từ bi, cứu khổ làm gốc đều xúi dục điều đó ? Có phải chăng vì tình trạng khổ đau đã tới cùng cực, cho nên họ đành phải tìm cách làm chấm dứt mạng sống đi liền với khổ đau ? Trường hợp thứ ba lại càng bất nhẫn hơn nữa : một vị tỳ kheo quá già yếu, mắc bệnh nan y, đau khổ triền miên, yêu cầu một người bạn giúp đỡ cho ông sớm chết. Chúng ta có thể tự hỏi điều gì quan trọng, sự sống như là một giá trị (không phải là tuyệt đối, vì đạo Phật coi cái

chết như một giai đoạn trong vòng sinh tử rộng lớn kia mà !), hay cái **khổ** của con người, là cái hiện thực nhất, là cái căn bản gốc rễ của đạo Phật ? Có thể nào đức Phật lên án một kẻ khổ đau cùng cực, và một người vì lòng nhân ái đi cứu trợ kẻ khổ đau ?

Nếu lấy kinh điển ra để dẫn chứng, thì tôi nghĩ rằng một số kinh điển của đạo Phật, dù thuộc vào Tam Tạng kinh điển đi chăng nữa, cũng có thể đáng ngờ vực là bị thêm bớt ít nhiều sau đó. Bởi vì những lời dạy được truyền khẩu đó phải đợi tới Hội Nghị Kiết Tập lần thứ ba, hai trăm năm sau khi đức Phật viên tịch, mới được đúc kết lại thành kinh Tạng, và sau đó còn sao đi chép lại nhiều lần, thì làm sao tránh khỏi sai lạc ít nhiều. Chính Lama Anagarika Govinda, là một người đã bỏ cả cuộc đời mình để nghiên cứu kinh điển Phật giáo, cũng đã phải kêu lên : **"Ba phần tư kinh điển Phật giáo quả là vô ích !"** Cái khó là làm sao biết được phần nào bổ ích, và phần nào vô ích. Có lẽ chỉ có thể trông cậy vào suy luận và sự kiểm chứng của chính mình.

Đạo hữu Bửu Tập cho rằng **"theo đạo Phật có một phương cách tránh hành động trợ tử, đó là việc hành trì đạo đức, tạo cho con người một cái nhìn cởi mở, không quá gắn bó với tục lụy. Nhờ thái độ sẵn có đó mà trước con đau khổ khi gần lâm chung, mỗi cá nhân giữ được bình thản tự tại"**. Nói thì dễ, nhưng sự thật đâu có phải như vậy ! Bởi vì mấy ai giữ được bình thản tự tại trước cái chết gần kề, mấy gia đình không đau đớn trước cái chết kéo dài lê thê, khi nhìn người thân mỗi ngày một tiêu tụy, đến mất cả phẩm cách con người, một cách vô ích. Đâu phải ai cũng tu tập suốt đời để mà coi cái chết như không. Và có nhiều lúc phẩm chất của cuộc sống còn lại còn quan trọng hơn cả sự sống...

Hơn nữa, phải thấy rõ rằng phương tiện trợ tử bây giờ khác xa so với cách đây 2500 năm. Ngày xưa muốn trợ tử người ta phải dùng đến dao búa, gậy gộc, thuốc độc, v.v. là những phương tiện thô bạo gây đau đớn không kém gì cái chết tự nhiên, ngày nay chỉ cần tiêm một liều thuốc là cái chết tới một cách nhẹ nhàng.

Nói như vậy không có nghĩa rằng có thể coi trợ tử như một việc thường tình, và đạo Phật có thể chủ trương trợ tử. Trợ tử phải là một hành động hân hữ, chỉ dành cho những trường hợp không thể nào làm khác được. **Không thể kết án một cách đơn thuần mọi hành động trợ tử, cũng như không thể ủng hộ mọi hành động trợ tử.** Phải phân biệt trường hợp người bị bệnh nan y quá khổ đau yêu cầu người khác giúp mình qua đời một cách nhanh chóng, và trường hợp người y tá tự ý kết liễu cuộc đời của những bệnh nhân mà người đó cho rằng không đáng sống, hai trường hợp hoàn toàn khác biệt về động cơ và chủ ý.

Trong tương lai, vấn đề chỉ có thể giải quyết được khi hành động trợ tử được xã hội chính thức quy định như đã làm cho việc phá thai, nghĩa là được chấp nhận trong một số trường hợp đặc biệt, với sự yêu cầu của bệnh nhân và gia đình, với sự hội chẩn của một **Ủy Ban Đạo Đức** (gồm có ba người chẳng hạn) trong mỗi cơ quan, bệnh viện, để làm sao quyết định trợ tử không trở thành một gánh nặng lương tâm nằm trên vai của một cá nhân.

Còn việc nâng đỡ tinh thần người sắp chết và gia đình, với tất cả tấm lòng nhân ái của mình, thì không cần phải nói. Đạo Phật có đủ tinh thần từ bi cứu khổ để khuyến khích việc đó. Phật giáo Tây Tạng thường dùng kinh Bardo Thudol để giúp người sắp chết và gia đình vượt qua giai đoạn này một cách thanh thản, không hãi sợ, và cuốn sách "Le Livre Tibétain de la Mort" đã được phổ biến rộng rãi trên thế giới.

Thái độ trước vấn đề ghép bộ phận

Tại các nước tân tiến, ghép bộ phận đã trở thành một phương pháp điều trị thường xuyên đối với một số bộ phận (thận, giác mạc, tủy máu, tim, gan, xương) và đang được triển khai với một số bộ phận khác (phổi, tụy, tay chân, thần kinh). Đó là một ngành y học đầy hứa hẹn, nhưng cũng đặt ra một số vấn đề :

1. Nguồn gốc của bộ phận ghép

Một số bộ phận được lấy từ người chết (giác mạc, tim, phổi), một số khác được lấy từ người sống hoặc người chết (thận, gan, tủy máu). Tại các nước Anh, Mỹ, mỗi khi có thể được, bộ phận thường được hiến

tặng bởi người sống, thường là thân nhân của người bệnh. Tại Pháp, đa số các bộ phận được lấy từ người chết. Người ta phải kiểm chứng rằng bệnh nhân (thường là người trẻ bị tai nạn) đã chết về mặt não, đồng thời giữ cuộc sống sinh dưỡng cho cơ thể bằng những phương tiện hồi sức, cho tới khi một ê kíp thầy thuốc và y tá tới lấy bộ phận ghép đi, và đồng thời thông báo cho gia đình.

2. Sự chấp thuận của gia đình

Hiện nay tại Pháp có 30 - 50 % trường hợp không lấy được bộ phận ghép, vì không được sự chấp thuận của gia đình. Theo pháp luật, sau khi chết, cơ thể người ta không thuộc vào ai, và không được coi như một món hàng, nhưng có thể được trao tặng một cách vô danh. Vì từ nhiều năm nay rất khan hiếm bộ phận ghép so với nhu cầu, nên chính phủ ra luật Caillavet (1994) ấn định rằng : "**Bộ phận có thể lấy được ở một người chết, khi người đó trước khi chết không chống đối với chuyện lấy bộ phận của mình**". Tuy vậy, vẫn khan hiếm bộ phận, cho nên gần đây luật lại ghi thêm : "**Người nào muốn chống đối việc lấy bộ phận của mình sau khi chết, phải ghi tên vào một danh sách toàn quốc**". Nếu không có tên mình trong danh sách đó, thì tức là đã mặc nhiên chấp thuận trao tặng bộ phận mình sau khi chết.

3. Buôn bán bộ phận

Tại Pháp, buôn bán bộ phận cơ thể con người bị tuyệt đối cấm đoán. Máu luôn luôn được hiến tặng, người cho và người nhận hoàn toàn không quen biết nhau.

Tại một số nước nghèo như Ấn Độ, Brésil, người ta hy sinh bộ phận cơ thể mình vì lý do kinh tế, và máu, gan, thận, giác mạc được trao đổi như một món hàng, đôi khi được xuất cảng sang các nước tân tiến. Điều đó thật đáng buồn, nhưng không ghê tởm bằng những trường hợp lấy bộ phận của những kẻ tử tù đem đi bán, như tại Trung quốc, theo một số nguồn tin.

4. Thái độ của đạo Phật

Về vấn đề ghép bộ phận thì tôi nghĩ đạo Phật không có lý do gì để chống đối. Nếu mục đích là để mang lại sức khỏe, hạnh phúc cho bệnh nhân và gia đình, thì đạo Phật chắc chắn sẽ tán thành việc trao tặng bộ phận của người sống cũng như người chết. Khi bộ phận của một người chết tiếp tục sống trong một người được sống lại nhờ sự ghép đó, thì còn gì phù hợp hơn với tinh thần từ bi, vô ngã và lý nhân duyên của đạo Phật ?

Và bởi vì tinh thần từ bi bố thí bao hàm ý nghĩa không vị lợi, chúng ta có thể khẳng định rằng đạo Phật sẽ không bao giờ chủ trương buôn bán bộ phận, dù bộ phận này được lấy ra từ người "tự nguyện" vì lý do kinh tế, hay bị cướp giật từ thân thể kẻ tử tù.

Thái độ trước vấn đề ngừa thai

Có thể nói rằng một trong những hiểm nguy lớn nhất của nhân loại trong những thập niên tới là nạn **gia tăng nhân số**. Từ 3 tỷ người năm 1960, dân số toàn cầu đã tăng lên gấp đôi, tức là có gần 6 tỷ người ngày hôm nay. Tốc độ tăng trưởng là 100 triệu người mỗi năm, tức là tương đương với dân số của ba nước Việt Nam, Cam Pu Chia và Lào hợp lại, có thêm mỗi năm trên trái đất ! Hơn nữa, sự gia tăng dân số này lại không đồng đều, chủ yếu nhằm vào những vùng chậm tiến, nghèo đói. Tự nó là một cái vòng luẩn quẩn và là nguồn gốc của nhiều vấn đề khác : bệnh tật, thiếu học, tệ nạn xã hội, bạo động, ô nhiễm môi trường, v.v.

Do đó, **hạn chế sinh đẻ** (tức là phòng ngừa thai) là một việc vô cùng quan trọng không thể nào làm ngơ được, và là nhiệm vụ của tất cả những ai có tinh thần trách nhiệm và quan tâm tới tương lai của nhân loại. Nhất là khi những phương pháp ngừa thai đã trở thành hữu hiệu và phổ biến như ngày hôm nay (bao cao su, thuốc ngừa thai, đặt vòng xoắn).

Sở dĩ các tôn giáo thần khai như Ky Tô giáo chống lại việc phòng ngừa thai, là vì đối với họ sự sống mang tính chất thiêng liêng của Thượng Đế ban cho con người, cũng như lời Thánh Kinh : **"Hãy sinh sôi nảy nở và làm chủ trái đất này"**. Ngược lại, đạo Phật đặt sự sống trong vòng vô thường, vô ngã, nhân duyên, nên không lấy sự sinh đẻ làm một tín điều bất khả xâm phạm, và cũng vì đó, đạo Phật không có lý do nào chống đối lại với sự ngừa thai. **Nếu sinh sôi nảy nở đưa tới nghèo đói bệnh tật, tức là khổ đau, thì đạo Phật là đạo diệt khổ dĩ nhiên sẽ chủ trương hạn chế sinh đẻ.**

Về vấn đề này, lập trường của đức Đạt Lai Lạt Ma rất sáng tỏ : không những phải chủ trương hạn chế sinh đẻ, mà còn **"phải phát huy điều quan trọng này nữa"**.

Thái độ trước vấn đề phá thai

Trước khi bàn luận về vấn đề phức tạp này, chúng ta phải phân tích một số khía cạnh khoa học và xã hội:

1. Quy chế của bào thai

Một trong những khó khăn đầu tiên gặp phải, và là lý do mâu thuẫn chính, là định nghĩa "khi nào bào thai trở thành một con người", và phải được tôn trọng như một con người.

Ngay từ sự gặp gỡ giữa tinh trùng và trứng noãn để trở thành tế bào đầu tiên ? Khi trứng bắt đầu náu nơi tử cung (ngày thứ 7) ? Khi không còn có khả năng chia đôi (ngày thứ 14) ? Lúc cuối giai đoạn hình thành các bộ phận (tháng thứ 3) ? Ngay lúc sinh ra ? Hay sau một thời gian sau khi sinh ra ?

Tiếng Hán dùng chữ "phôi" để chỉ bào thai khi được 1 tháng, và chữ "thai" khi được 3 tháng. Theo kinh Talmud (đạo Do Thái), bào thai bắt đầu có linh hồn 40 ngày sau khi thụ thai, và theo Hồi giáo, thì từ 40 cho tới 120 ngày sau khi thụ thai.

Để tránh né vấn đề khúc mắc đó, Ủy Ban Đạo Đức Quốc Gia Pháp đã đề nghị định nghĩa bào thai như **"có khả năng trở thành một con người"**, hay là **"một con người sẽ thành"** (une personne potentielle).

Đối với R. Frydman, là người đầu tiên tại Pháp cùng với J. Testard thành công trong việc thụ thai trong ống nghiệm, điều quan trọng là thái độ của người cha và nhất là người mẹ đối với bào thai. Bào thai là một con người khi có **"dự định sinh thành"**(projet parental).

2. Phá thai : một sự kiện xã hội

Tại Pháp, trước khi có luật cho phép phá thai (1975), có luật cấm phá thai (1960), và phá thai bị coi như là một "tội phạm giết người" (avortement criminel). Tuy vậy, mỗi năm có khoảng 250 000 trường hợp phá thai và 300 trường hợp tử vong do phá thai trong những điều kiện lén lút, thiếu vệ sinh. Tại các nước chậm tiến, hiện nay có 1 người phụ nữ mang thai chết mỗi phút, và 1 người trên 4 chết vì phá thai.

Luật Weil được ban ra ngày 17/1/75, cho phép **"người phụ nữ trong tình trạng khốn đốn (détresse) có thể nhờ một người thầy thuốc làm ngưng thai, trước tuần thứ 10, trong một bệnh viện tư hoặc nhà nước, sau hạn định một tuần sau khi yêu cầu"**. Trước đó, điều 1 có nói : **"Luật pháp đảm bảo sự tôn trọng mỗi con người ngay từ lúc bắt đầu cuộc sống. Chỉ có thể vượt qua nguyên tắc này khi cần thiết và trong những điều kiện được xác định bởi Luật này"**. Danh từ được dùng là **"ngưng thai cố ý"**(interruption volontaire de grossesse, IVG), bên cạnh **"ngưng thai điều trị"** (interruption thérapeutique de grossesse, ITG). Ngưng thai cố ý vì lý do điều trị có thể làm "bất cứ lúc nào" nếu có sự xác nhận bởi 2 người thầy thuốc, sau khi khám xét và thảo luận, rằng tiếp tục thai nghén sẽ đe dọa trầm trọng sức khỏe người mẹ, hoặc là đứa trẻ sinh ra sẽ bị một bệnh rất nặng không thể chữa chạy được.

Kết quả là ngày hôm nay tại Pháp, gần như không còn ai chết vì phá thai, hơn nữa số trường hợp IVG không gia tăng từ 15 năm nay, và cũng không đổi thay gì từ khi phí tổn được trang trải bởi Bảo hiểm Y tế.

Thời gian hạn định dưới 10 tuần thai nghén vẫn còn là một vấn đề, bởi vì vẫn còn một số phụ nữ phải sang Anh hoặc Hoà Lan, vì tại đây có quyền làm đến tận 20 và có khi tới 24 tuần.

Năm 1982, GS E. Beaulieu chế ra thuốc RU 486, có tác dụng chống lại progestérone và làm ngưng thai bắt đầu từ ngày thứ 8. Tuy còn một số nghi vấn cho tương lai, thuốc này đã tỏ ra hữu hiệu và gây ít biến chứng. Tại Pháp, thuốc RU 486 chỉ được phép dùng trong khuôn khổ của Luật 1975. Rất có thể sau này người ta sẽ tìm ra những loại thuốc có tác động sớm hơn, và những loại thuốc ngưng thai này sẽ thay thế những phương pháp ngưng thai cổ điển.

3. Thái độ của đạo Phật trước vấn đề phá thai (ngưng thai)

Xin nhắc lại là đạo Phật chủ trương không giết hại (giới thứ nhất), nhưng không đặt sự sống lên trên hết, như một cái gì thiêng liêng bất khả xâm phạm, theo quan niệm các tôn giáo thần khải.

Cũng nhắc lại là đạo Phật trước hết là đạo diệt khổ. Nếu phá thai đưa tới khổ đau, dù chỉ là do một sự ân hận đeo đuổi suốt đời, thì dĩ nhiên đạo Phật không chủ trương. Nhưng nếu phá thai giải quyết được nỗi khổ đau của người phụ nữ không thể nào giữ cái thai được, một cách vệ sinh và an toàn, thì phá thai là giải pháp **đỡ khổ** nhất. Vấn đề đạo đức đặt ra ở đây là điển hình cho cái mà người ta gọi là "**tình huống lưỡng nan**" (dilemme moral), bắt buộc phải chọn lựa giữa hai con đường, lấy cái nào đỡ khổ đau nhất, và đi theo một "**luân lý thỏa hiệp**" (morale de compromis), dựa lên thực tế. Và thực tế là dù thế nào chăng nữa, cũng sẽ có nhiều trường hợp phá thai, là một sự kiện xã hội không thể nào tránh né và chối bỏ được. Phá thai một cách lén lút, như một tội phạm, trong những điều kiện thiếu vệ sinh, sẽ đưa tới nhiều biến chứng và tử vong, gây tang tóc cho bao nhiêu gia đình, kinh nghiệm đã cho biết rõ.

Đạo Phật là đạo từ bi cứu khổ, là đạo khế cơ, không bao giờ vì những nguyên tắc sơ cứng mà từ chối một phương pháp đỡ gây khổ đau hơn. Do đó tôi tin rằng, khác với những tôn giáo thần khải như Ky Tô giáo, đạo Phật không chống lại với những phương pháp "ngưng thai có ý" như được ấn định bởi Luật Weil. Điều quan trọng là phải để người phụ nữ mang thai **lựa chọn**, đó vừa là **trách nhiệm** của người đó, vừa là **quyền** của người đó trên cơ thể của mình, trên cái "dự định sinh thành" của mình.

Lẽ dĩ nhiên, tốt nhất là tránh được thụ thai bằng những phương pháp ngừa thai, ai ai cũng đồng ý trên điều đó. Phá thai chỉ là một giải pháp tối hậu, "**cực chẳng đã**" mà thôi.

Về "ngưng thai có ý trong mục đích điều trị", sau khi chẩn đoán trước khi đẻ, tôi cho rằng không thành vấn đề đối với người Phật tử. Nếu mục đích là cứu mạng sống của người mẹ, hoặc cứu khổ cho gia đình khỏi chịu đựng một đứa bé quá tàn tật hay không có hi vọng sống sót, thì không có lý do nào để chống lại mục đích điều trị đó. Trong những trường hợp khó quyết định vì tật bệnh đứa bé không đến nỗi đe dọa tính mạng của người mẹ hay của chính nó, thì cũng phải để gia đình tự lấy quyết định, cùng với các nhà thầy thuốc, trong khuôn khổ luật pháp đã ấn định.

Thái độ trước sự thụ thai nhân tạo, thụ thai trong ống nghiệm

Những trường hợp **thụ thai nhân tạo** (insémination artificielle) bằng cách đưa tinh trùng của người đàn ông (tặng tinh trùng một cách vô danh) vào tử cung người đàn bà, đã được thực hiện từ lâu, và không đặt ra vấn đề gì đặc biệt, ngoài vấn đề tâm lý, tức là vấn đề lý lịch của người cha "sinh lý".

Với **thụ thai trong ống nghiệm** với chuyển phôi (fécondation in vitro avec transfert d'embryon, FIVETE), ngành sinh học lại tiến thêm một bước nữa, và sau Louise Brown sinh năm 1978 tại Anh, và Amandine sinh năm 1982 tại Pháp, đã có hàng ngàn đứa bé sinh ra như vậy, mang lại hạnh phúc cho bao nhiêu cặp vợ chồng hiếm hoi. Gần đây, tỷ lệ thành công lại được gia tăng bằng cách tiêm tinh trùng thẳng vào noãn. Nhưng vấn đề được đặt ra khi cần dùng tới tử cung của người "mẹ nuôi". Phải coi đó như là một người "mẹ" tình nguyện mang thai cho tới ngày sinh đẻ, hay là một người cho "mướn" tử cung và được trả tiền thù lao cho công việc đó ?

Đối với một số tôn giáo coi sự sống như một cái gì thiêng liêng, một đặc quyền do Thượng Đế ban cho, thì thụ thai nhân tạo (ngược lại với thụ thai tự nhiên), cũng như thụ thai trong ống nghiệm (lại càng không tự nhiên nữa), không thể nào chấp nhận được.

Đối với đạo Phật, sự thụ thai là do sự gặp gỡ của 3 yếu tố : tinh trùng của người cha, trứng noãn của người mẹ, và **thức tái sinh** (patibandhi-vinnana) xuất hiện vào lúc thụ thai. Thức tái sinh này được coi như **chủng tử** (bija) phối hợp với sức mạnh của **nghiệp** (karma) và **tham ái** (tanha), nhất là **hữu ái** (bhava-tanha), tức là sự khao khát hiện hữu, làm khởi sinh một cuộc sống mới. Ngoài cái đặc điểm là thức tái sinh ra, thì đạo Phật không khác gì với khoa học. Đạo Phật công nhận có nhiều thể cách sinh ra của chúng sinh, nên trên nguyên tắc theo tôi không chống đối lại với hai phương pháp này. Dù là ở trong mình người mẹ hay trong ống nghiệm, cái chính là ý muốn có con của người cha hay người mẹ.

Có thể nói rằng thái độ của một nhà khoa học như R. Frydman rất gần với đạo Phật. Ông cho rằng điều quan trọng là ý muốn của người mẹ và người cha, cái mà ông gọi là **dự định sinh thành** (projet parental). Theo kinh nghiệm thầy thuốc của ông, điều mà làm cái thai trở thành một con người, tức là đi từ "khả năng" cho tới "thực hiện", chính là cái dự định sinh thành đó. Trong đạo Phật cũng vậy, cái chính là cái **nghiệp lực**, cái **hữu ái**, tức là một hành động, một sự mong muốn cố tình.

Thái độ trước những vấn đề di truyền

1. Những phương pháp chẩn đoán tiền sinh (diagnostic anté-natal)

Ngày nay, nhờ những bước tiến về chẩn đoán hình ảnh (imagerie médicale) như siêu âm, về sinh học phân tử (biologie moléculaire), và di truyền (génétique), người ta đã có khả năng phát hiện nhiều bệnh tật bẩm sinh trước khi sinh đẻ.

Sự phát hiện này đưa tới một trong hai giải pháp :

- Điều trị trong những trường hợp có thể điều trị được, hoặc trong bụng mẹ (médecine foetale), hoặc sau khi sinh ra.
- Ngưng thai điều trị, trong những trường hợp nặng.

Dĩ nhiên, có những trường hợp khó giải quyết. Lúc đó phải dựa lên những nguyên tắc căn bản là :

- * Phải tôn trọng ý muốn của cha mẹ, ví dụ như nếu chẩn đoán một trường hợp nặng như trisomie 21, mà cha mẹ muốn giữ thì phải tôn trọng quyết định đó.
- * Ngược lại, không thể để cha mẹ quyết định ngưng thai chỉ vì một dị dạng nhỏ bé như sứt môi, thiếu ngón chân, hay tệ hại hơn nữa, chỉ vì là con gái hay con trai, vì sở thích cá nhân (convenience personnelle).

Những vấn đề đó chỉ có thể giải quyết từng trường hợp một, giữa một ê kíp thầy thuốc và cha mẹ.

2. Ưu sinh (eugénisme), hay là sự chọn lọc gen

Chữ **eugenics** (từ chữ **eu**= tốt, **genos**= sinh ra, nòi giống) được F. Galton, em họ của Darwin, dùng lần đầu tiên năm 1883 để chỉ định khoa học làm cho nòi giống tốt đẹp hơn, bằng cách "**ngiên cứu những yếu tố có thể tăng hoặc giảm chất lượng nòi giống của những thế hệ sau, về thể xác cũng như tinh thần**".

Theo G. Hottois và M.H. Parizeau, tác giả cuốn " Danh từ Sinh đạo đức", phải phân biệt hai chữ **eugénique** và **eugénisme** :

- **Eugénique** (ưu sinh học) gồm những kỹ thuật làm cho gia tài nòi giống tốt hơn, bằng cách giúp một cái gen phát triển (eugénique tích cực), hoặc ngược lại bằng cách ngăn cản nó (eugénique tiêu cực).
- **Eugénisme** (thuyết ưu sinh) gồm những dự án nhằm ảnh hưởng lên sự di truyền, để cho loài người tốt hơn.

Eugénique là một môn khoa học- kỹ thuật, trong khi **eugénisme** là một chủ trương chính trị xã hội và ý thức hệ. Theo P.A. Taguieff, không nên đồng hoá thái quá ưu sinh với độc tài, kỳ thị, diệt chủng. Muốn có một cái nhìn sáng suốt thì phải phân biệt một bên ý tưởng ưu sinh (imaginaire eugénique), ý muốn ưu sinh, hành động ưu sinh, và một bên **thuyết ưu sinh** như một chủ thuyết chính trị hay một chương trình hoạt động. Chính phong trào **nazi** tàn khốc thuộc vào loại này : năm 1939, Hitler ra lệnh khởi sự một chương trình "ưu sinh" rộng lớn, bằng cách thủ tiêu hàng triệu người bằng hơi độc, bắt đầu từ những kẻ tàn tật "không đáng sống", và sau đó tất cả những người Do Thái.

Ý muốn ưu sinh chỉ có thể chấp nhận được trong sự phòng ngừa. Trong nhãn quang đó, phải phân biệt sự tránh né điều xấu nhất (évitement du pire), thuộc vào eugénique tiêu cực tối thiểu, và sự mong muốn một điều tốt hơn rất mơ hồ. Chẳng hạn như trong thời gian trước khi sinh đẻ, tư vấn di truyền (conseil génétique), chẩn đoán tiền sinh (diagnostic anté-natal), ngưng thai điều trị (ITG) đều thuộc vào lãnh vực chỉnh gen (orthogénie), và ý muốn **eugénique** tiêu cực. Tất cả những việc đó đều có tính chất cá nhân và không bắt buộc. Chúng trở thành **eugénisme** khi được áp dụng một cách quy mô rộng lớn, với ảo vọng làm cho loài người tốt đẹp hơn.

Từ khoảng hai chục năm nay, nhờ cuộc cách mạng sinh học phân tử (biologie moléculaire), những hiểu biết về di truyền tiến nhanh một cách kinh hoàng, đặc biệt về chương trình thế giới về nghiên cứu bộ gen (génom) con người. Công trình nghiên cứu khổng lồ này sẽ đưa tới sự hiểu biết sâu xa hơn về nguồn gốc các bệnh tật, và hơn nữa sẽ đưa tới cách phòng ngừa và điều trị một số lớn các bệnh hiện nay chưa giải quyết được. Ngành **y học di truyền** tuy mới đi vào giai đoạn đầu nhưng đã đặt lên những vấn đề sinh đạo đức phức tạp và nan giải. Luật Sinh đạo đức ngày 29/7/94 chỉ cho phép dùng những xét nghiệm di truyền trong mục đích y học và nghiên cứu, và Ủy ban Tư vấn Quốc gia Đạo đức đã cho biết quan điểm và lời khuyên của mình về vấn đề này : phải giải thích cặn kẽ cho đương sự, chỉ được xét nghiệm khi có sự chấp thuận của đương sự, phải giữ bí mật kết quả, và phải tôn trọng quyết định của đương sự.

3. Kiến tạo di truyền (génie génétique)

Kiến tạo di truyền (génie génétique, trước đây gọi là manipulations génétiques) là ngành tụ hợp những nghiên cứu nhằm thay đổi di truyền bằng các tác động trên gen. Khả năng thay đổi di truyền đó đã bắt đầu được áp dụng trên thực vật và động vật (chọn lựa và thay đổi giống bắp, cà chua, ngựa, bò...). Năm 1974, một hội nghị về kiến tạo di truyền được tổ chức tại Asilomar, một thành phố nhỏ miền Tây Hoa Kỳ. Lần đầu tiên con người cảm thấy chóng mặt trước trách nhiệm của mình, và các nhà khoa học có mặt tại đây quyết định ra một lệnh tạm hoãn (moratoire) trong 2 năm trời, để mọi người có thời giờ suy nghĩ và thành lập những điều kiện phòng ngừa nghiêm túc hơn.

Hiện nay, nhiều hãng bào chế trên thế giới đang xúc tiến công việc thay đổi gen trên thực vật và động vật, tức là kiến tạo những giống chuyển gen (transgéniques), chẳng hạn như những vi khuẩn *Escherichia Coli* có khả năng chế tạo protein dùng để chữa bệnh như insulin, cây thuốc lá có thể chế ra hemoglobin hay men lipaza, nhưng giống bò, cừu, dê tiết ra sữa có những protein như alpha 1-antitrypsin, antithrombin III hay nguyên tố IX để cầm máu, v.v. Đó là những bước tiến khoa học quan trọng, nhưng phải nói rằng tất cả những nghiên cứu này đều được thúc đẩy bởi một mục đích thương mại rõ rệt.

Gần đây, thế giới bị xáo động bởi một thành quả nghiên cứu phát xuất tại Ecosse trong công cuộc **sinh sản vô tính (clonage)**, bằng cách "cấy" ra một con cừu (đặt tên là Dolly) từ cái nhân của một tế bào vú của con cừu "mẫu", với một bộ gen giống hệt. Tiếp theo đó, một số động vật khác cũng được sinh sản ra như vậy, đặc biệt là con cừu Polly, trong sữa có một protein dùng để chữa bệnh cho người.

Đứng về mặt khoa học, thì đó là một thành quả đầy hứa hẹn. Nhưng đối với dư luận quần chúng, thì khả năng cấy dòng vô tính trên con người là một điều vô cùng nguy hiểm, đến nỗi các nguyên thủ quốc gia như tổng thống Chirac và Clinton cũng phải lên tiếng yêu cầu cấm đoán mọi thí nghiệm về dòng vô tính trên con người, trên bình diện thế giới. Thật ra, nói như F. Jacob, đó chỉ là một cái ảo mộng bất tử của con người, muốn tìm cách tự nhân lên để tiếp tục tồn tại. Áp dụng dòng vô tính trên con người thật ra không mấy may ích lợi gì, bởi vì những hiện tượng sinh đôi, sinh ba, v.v. chính là những dòng vô tính tự nhiên.

Và kinh nghiệm cho biết rằng ngay trong những trường hợp sinh đôi thực sự (jumeaux vrais), cũng có những khác biệt về mặt thể xác, tính tình. Điều đó chứng tỏ rằng bộ gen không phải là tất cả con người. Nói một cách khác, con người không phải chỉ là một mớ gen, mà còn là một sự tổng hợp phức tạp hơn nhiều, do những ảnh hưởng giáo dục, xã hội, v.v. gây nên. Đúng về mặt tiến hoá, thì gây dòng vô tính thật ra là một bước lùi, bởi vì chỉ có sự tiến hoá nếu có sự khác biệt, sự đổi thay của gen, nhờ sự sinh sản có giới tính.

4. Thái độ của đạo Phật trước những vấn đề di truyền

Đạo Phật có thể có những chủ trương nào trên vấn đề di truyền ? Dĩ nhiên thời đức Phật Thích Ca, người ta chỉ biết lơ mơ rằng sự sống xuất hiện từ sự gặp gỡ giữa tinh trùng của người cha và trứng noãn của người mẹ, cùng với cái thức tái sinh, từ đó những đặc tính của cha mẹ được trao truyền cho con cái, nhưng không ai biết những chi tiết phức tạp của sự di truyền đó, và cũng không ai có thể lường tượng rằng một ngày kia con người có khả năng thay đổi được di truyền. Vậy thì nếu đức Phật ngày nay sống giữa chúng ta, với những hiểu biết khoa học hiện đại về di truyền, thì liệu ngài sẽ phản ứng ra sao ?

Dĩ nhiên đó chỉ là một giả thuyết, nhưng tôi phỏng đoán rằng đức Phật sẽ không bao giờ chống đối nhưng phương pháp y học làm cho con người **bớt khổ đau**, tức là :

- Về chẩn đoán tiền sinh, ngài sẽ không đối lại chẩn đoán và điều trị trước khi sinh đẻ.
- Về ưu sinh (eugénique), ngài sẽ chủ trương **ưu sinh tiêu cực nhẹ**, trong những trường hợp bệnh nặng (đứa bé sinh ra sẽ không sống được hoặc sẽ khổ đau cùng cực suốt đời và sẽ gây khổ đau cho những người thân). Ngược lại, đức Phật sẽ không bao giờ chủ trương **ưu sinh tích cực**, tức là tác động trên di truyền với một ảo vọng hão huyền thay đổi được con người. Điều này trái ngược lại với tinh thần bình đẳng của đạo Phật, và trái ngược lại với quan niệm rằng chỉ có con người mới tự thay đổi được chính mình, và sự thay đổi đó chỉ có thể tới được từ bên trong mà thôi. Những hành động diệt chủng như gây nên bởi phong trào nazi sẽ không bao giờ gặp phải với đạo Phật, là đạo lấy từ bi và khoan dung làm nền tảng.
- Về kiến tạo di truyền, đạo Phật không chống lại những hành động thay đổi gen, nếu việc này không gây tổn hại, không nhằm mục đích tham ái, mà nhằm mục đích chữa bệnh, cứu khổ, mang lại hạnh phúc cho con người và nếu có thể được, cho muôn loài. Đạo Phật không chủ trương gây dòng vô tính trên con người, vì biết rằng tất cả đều vô thường, vô ngã, do nhân duyên tạo thành.

Thái độ trước những thí nghiệm trên con người và súc vật

Sở dĩ y học Tây phương có những phát triển đáng kể về hiểu biết cũng như điều trị, một phần là nhờ phương pháp thí nghiệm đề xướng vào thế kỷ 19 bởi nhà sinh lý học Claude Bernard. Theo ông, **y học thí nghiệm** (médecine expérimentale) là một ngành y học có tác động một cách khoa học, chứ không phải theo kinh nghiệm. "**Người ta chỉ có thể hiểu được định luật và chức năng của vật thể sống, bằng cách phân tách các cơ thể sống, để len vào môi trường bên trong của chúng**". Thay vì nguyên tắc cổ xưa của Hippocrate "primum non nocere" (trước hết tránh làm hại), ông quan niệm rằng "**người ta có quyền và có bổn phận thí nghiệm trên một con người, mỗi khi việc đó có thể cứu sống được, chữa khỏi được hay mang lại lợi ích cho người đó**". Về thí nghiệm trên loài vật, Claude Bernard cho rằng đó là quyền tuyệt đối của con người, có bổn phận thí nghiệm trên loài vật trước khi thí nghiệm trên loài người. Mục đích là "**làm chủ sự sống, chinh phục thiên nhiên cho con người**". Cái chính là "**không làm hại kẻ khác**". Nhà khoa học chỉ cần tới dư luận của giới khoa học, và "**nghe theo lương tâm của chính mình**". Phải công nhận rằng chính nhờ con đường y học thí nghiệm đó, mới có sự phát triển của sinh học và y học cho tới ngày hôm nay.

Nghị định đầu tiên về đạo đức sinh học được công bố năm 1931, bởi chính phủ Đức quốc, qui định những điều kiện **thí nghiệm khoa học trên con người** : cấm thí nghiệm trong mọi trường hợp không có sự thỏa thuận của đương sự; tránh thí nghiệm trên người mỗi khi có thể thí nghiệm trên súc vật; phải có đủ tài liệu

về các phương pháp sinh học để giải thích và xác định giá trị của cuộc thí nghiệm, cấm thí nghiệm trên người dưới 18 tuổi, và trên người sắp chết. Điều mỉa mai là vài năm sau đó (1939) chính nước Đức bị chính quyền nazi Hitler nắm đầu, khởi sự một chương trình diệt chủng và thí nghiệm trên tù nhân không tiền khoáng hậu. Năm 1947, tại Nuremberg Toà án Quân sự Mỹ kết án những hành động phi pháp chống lại nhân loại, và quyết định trong Luật Nuremberg 10 khoản ấn định những điều kiện thí nghiệm trên con người.

Đạo Phật có thể lấy thái độ gì trước những thí nghiệm trên con người và loài vật ?

- Về thí nghiệm trên con người, đạo Phật tôn trọng con người, tôn trọng sự sống, sự bình đẳng, thì dĩ nhiên sẽ không khác gì những quan niệm thông thường đề cao sự tôn trọng và bảo vệ con người và những luật pháp như luật Nuremberg.

- Về thí nghiệm trên loài vật, vì tinh thần **từ bi thương xót tất cả các chúng sinh**, cho nên đạo Phật không thể nào chủ trương mổ xẻ, giết hại các loài vật một cách trắng tay, không do dự, như thường xảy ra trong các phòng thí nghiệm. Đứng trên bình diện tổng thể của vũ trụ quan Phật giáo, thì phải tôn trọng muôn loài, coi muôn loài như một, không đặt con người vài trung tâm điểm, không được ưu đãi con người so với thiên nhiên.

Nhưng trên thực tế, trên bình diện sự thật thông thường (vérité conventionnelle) thì khó lòng con người không kéo về phía mình cái lợi điểm mà tạo hóa đã trao cho. Nếu phải tôn trọng sự sống tới cùng, cũng như trong đạo Jain, thì phải từ bỏ y học thí nghiệm trên loài vật, phải để những vi khuẩn, ký sinh trùng nhân lên trong cơ thể, không được dùng thuốc kháng sinh, khử trùng, và như vậy sẽ không thể nào điều trị được một số lớn các bệnh truyền nhiễm, các dịch bệnh đã đe dọa loài người trong bao nhiêu thế kỷ. Dù muốn dù không, con người sẽ tiếp tục làm thí nghiệm trên loài vật, sẽ tiếp tục thử các loại thuốc mới trên súc vật trước khi áp dụng trên loài người, điều đó không thể nào tránh được. Điều mà đạo Phật có thể làm được, là kêu gọi những nhà nghiên cứu viên chỉ thí nghiệm trên loài vật **khi nào cần thiết**, một cách **tối thiểu**, cố gắng **tránh giết hại** các súc vật và gây cho chúng sự tổn thương, đau đớn.

Kết luận

Như chúng ta đã thấy, những vấn đề sinh đạo đức đặt ra cho xã hội mỗi ngày một thêm đa diện và phức tạp. Hơn nữa, chúng biến đổi theo nhịp của khoa học, một cách nhanh chóng đến nỗi ngay cả chính quyền, luật pháp cũng chạy theo không kịp.

Sinh đạo đức không phải là một cái gì cố định, bắt nguồn từ những nguyên tắc luân lý cổ truyền, mà là những quan điểm phát xuất từ những suy nghĩ tập thể, đa ngành về những áp dụng của sinh học và y học, chỉ có giá trị tương đối trong một xã hội và trong một khoảng thời gian nào đó. Vấn đề là làm thế nào đi tới một sự đồng thuận, một sự thỏa hiệp giữa khoa học, đạo đức và luật pháp, để có một sự phát triển theo chiều hướng tốt đẹp, hòa hài trong xã hội.

Dù muốn hay không, khoa học vẫn tiến tới đều đều và mỗi ngày một thêm ảnh hưởng vào cuộc sống hàng ngày. Theo Francis Bacon, **"tất cả những gì có thể thực hiện sẽ được thực hiện"**, dường như không có gì ngăn cản nổi đà phát triển của nhân loại, dù kết quả đưa tới tốt hay xấu, và dù tác giả là người này hay người khác.

Các tôn giáo thần khai, vì những nguyên tắc sơ cứng trên sự sống, nên thường lấy thái độ chống đối, cản ngăn. Cản ngăn một số áp dụng của khoa học vào đời sống, và dần dần cản ngăn những bước tiến của khoa học. Như vậy, giáo lý sẽ dần dần bị bỏ rơi bên lề cuộc sống, và các tín đồ sẽ bị chia rẽ, hoang mang.

Đạo Phật khác với những tôn giáo đó, không có những giáo điều sơ cứng, những nguyên tắc tuyệt đối, những cấm đoán ngặt nghèo. Tuy rằng đa số những vấn đề sinh đạo đức chưa đặt ra dưới thời đức Phật, nhưng chúng ta cũng có thể suy luận ra từ một vài điểm căn bản của đạo Phật :

- đạo Phật tôn trọng sự sống, nhưng không coi đó là một giá trị tuyệt đối.
- đạo Phật trước hết là đạo diệt khổ, lấy cứu khổ làm mục đích duy nhất.
- nghiệp là do ý muốn của mình tạo ra, chứ không phải là kết quả của mọi hành động; vô tình hại không gây nghiệp hại.
- gốc rễ của đạo Phật là khổ đau, cũng như hoa sen mọc từ bùn lầy; đạo Phật bao giờ cũng gắn liền với thực tại, dù thực tại xấu xa tới đâu chăng nữa.

Với căn bản đó, chúng ta có thể tin rằng trên đa số những vấn đề sinh đạo đức, đạo Phật không chống đối lại với những bước tiến của khoa học và những lựa chọn của xã hội con người, cho tới ngày hôm nay.

Đạo Phật có thể chủ trương dùng thuốc giảm đau, ghép các bộ phận, hạn chế sinh đẻ, chẩn đoán tiền sinh. Đạo Phật có thể chấp nhận trợ tử trong những trường hợp đặc biệt, kiến tạo di truyền và thí nghiệm trên con người với điều kiện. Đạo Phật không chủ trương nhưng có thể dung thứ phá thai và thí nghiệm trên loài vật, vì lý do cứu khổ.

Đó là một số đề nghị cá nhân, cần phải được bàn luận, đào sâu giữa các Phật tử thuộc mọi ngành, để chúng ta cùng nhau xây dựng một nền sinh đạo đức, trong tinh thần đạo Phật và thích hợp với thời đại.

Trịnh Nguyên Phước

Tài liệu tham khảo

1. AMBROSELLI C., L'éthique médicale, PUF, coll "Que sais-je ?", 2è édit 1994
2. BERNARD C., Introduction à la médecine expérimentale (1865), Garnier-Flammarion, 1966
3. BERNARD J., La bioéthique, Flammarion, coll "Dominos", 1994
4. COMITE CONSULTATIF NATIONAL D'ETHIQUE POUR LES SCIENCES DE LA VIE ET DE LA SANTE, Génétique et médecine : de la prédiction à la prévention, Les cahiers du CCNE, no 6, 1/96
5. COMITE CONSULTATIF NATIONAL D'ETHIQUE POUR LES SCIENCES DE LA VIE ET DE LA SANTE, Recherche biomédicale et respect de la personne humaine, La Documentation Française, 1988
6. FAGOT-LARGEAULT A., La réflexion philosophique en bioéthique, p 11-26, in "PARIZEAU M.H., Les fondements de la bioéthique, De Boeck-Université, 1992"
7. FRYDMAN R., Dieu, la médecine et l'embryon, Odile Jacob, 1997
8. GOLD F., CHOUTET P., BURFIN E., Repères et situations éthiques en médecine, Ellipses, 1996
9. HOTTOIS G., PARIZEAU M.H., Les mots de la bioéthique. Un vocabulaire encyclopédique, De Boeck-Université, coll "Sciences Ethiques Sociétés", 1993
10. JACOB F., La souris, la mouche et l'homme, Odile Jacob, 1997
11. KANT E., Fondements de la métaphysique des mœurs, Hatier, traduction Hatier, 1976
12. NGUYEN MINH LE HỮU PHUONG, Hạn chế sanh đẻ, các tôn giáo và khoa học ở Pháp, Hương Sen, số 68, 1998
13. NGUYỄN PHÚC BÙU TẬP, Quan niệm về trợ tử (euthanasia) của đạo Phật, Hương Sen, số 65, 1997
14. TAGUIEFF P.A., Retour à l'eugénisme. Questions de définition, Esprit, no 200, 198-214, 3/1994
15. THÍCH THIỆN CH&ACIRC;U, Sự sống và sự chết trong Phật giáo, Hương Sen, số 64, 65 và 66, 1997